

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

NGUYỄN XUÂN KIÊN

**QUẢN LÝ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP
NƯỚC NGOÀI CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ

Hải Dương, năm 2025

UBND TỈNH HẢI DƯƠNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HẢI DƯƠNG

NGUYỄN XUÂN KIÊN

**QUẢN LÝ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP
NƯỚC NGOÀI CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ
TỈNH HẢI DƯƠNG**

Chuyên ngành: Quản lý kinh tế

Mã số: 8310110

ĐỀ ÁN TỐT NGHIỆP THẠC SĨ QUẢN LÝ KINH TẾ

Người hướng dẫn khoa học:

- 1. TS. Mai Anh Bảo**
- 2. TS. Phạm Thị Thu Trang**

Hải Dương, năm 2025

LỜI CAM ĐOAN

Tôi xin cam đoan đây là công trình nghiên cứu của tôi. Các số liệu, kết quả trình bày trong Đề án là trung thực và chưa được công bố trong bất kỳ công trình khoa học nào khác.

Tôi xin cam đoan rằng mọi sự giúp đỡ cho việc thực hiện Đề án này đã được cảm ơn và các thông tin trích dẫn trong Đề án đã được chỉ rõ nguồn gốc.

TÁC GIẢ ĐỀ ÁN

A handwritten signature in blue ink, appearing to read 'Nguyễn Xuân Kiên', is written over a light blue horizontal line.

Nguyễn Xuân Kiên

MỤC LỤC

LỜI CAM ĐOAN	i
MỤC LỤC	i
DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT.....	iii
DANH MỤC CÁC BẢNG, SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ	iv
LỜI MỞ ĐẦU	1
CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ QUẢN LÝ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI.....	8
1.1. Cơ sở lý luận về quản lý thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.....	8
1.1.1. Các khái niệm cơ bản.....	8
1.1.2. Nội dung quản lý thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài	11
1.1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài....	18
1.2. Kinh nghiệm thực tiễn về quản lý thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và bài học kinh nghiệm cho Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Hải Dương	22
1.2.1. Kinh nghiệm của tỉnh Bắc Ninh.....	22
1.2.2. Kinh nghiệm của tỉnh Hưng Yên	24
1.2.3. Bài học quản lý thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cho Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Hải Dương.....	25
CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH HẢI DƯƠNG	27
2.1. Tình hình thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của tỉnh Hải Dương	27
2.1.1. Đặc điểm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của tỉnh Hải Dương.....	27
2.1.2. Bộ máy quản lý thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương.....	28
2.1.3. Kết quả thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Hải Dương ...	29
2.2. Thực trạng quản lý thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương	40
2.2.1. Thực trạng lập kế hoạch thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương.....	40
2.2.2. Thực trạng tổ chức thực hiện thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của	

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương	43
2.2.3. Thực trạng kiểm tra, giám sát thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương	54
2.3. Đánh giá chung về quản lý thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương	58
2.3.1. Đánh giá công tác thực hiện mục tiêu quản lý thu hút vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Hải Dương.....	58
2.3.2. Hạn chế trong công tác quản lý thu hút vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Hải Dương.....	59
2.3.3. Nguyên nhân của hạn chế	62
CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH HẢI DƯƠNG	67
3.1. Định hướng hoàn thiện quản lý thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương	67
3.1.1. Định hướng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của tỉnh Hải Dương.....	67
3.1.2. Định hướng hoàn thiện quản lý thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương.....	69
3.2. Giải pháp hoàn thiện quản lý thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương.....	70
3.2.1. Giải pháp về lập kế hoạch thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương.....	70
3.2.2. Giải pháp về tổ chức thực hiện thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương.....	75
3.2.3. Giải pháp về kiểm soát thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương	79
3.2.4. Các giải pháp khác	83
3.3. Một số kiến nghị với Chính phủ	88
KẾT LUẬN	91
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO	93

DANH MỤC CÁC CHỮ VIẾT TẮT

TT	Chữ viết tắt	Chữ viết đầy đủ
1	ASEAN	Hiệp hội các quốc gia Đông Nam Á
2	BTA	Hiệp định Thương Mại song phương
3	BTO	Xây dựng – Chuyển giao – Vận hành
4	BOT	Xây dựng-Vận hành-Chuyển giao
5	ĐTNN	Đầu tư nước ngoài
6	FDI	Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài
7	IMF	Quỹ tiền tệ quốc tế
8	ITPC	Trung tâm xúc tiến Thương mại và Đầu tư

DANH MỤC CÁC BẢNG, SƠ ĐỒ, BIỂU ĐỒ

Bảng 2.1: Mô hình SWOT thu hút vốn FDI của tỉnh Hải Dương.....	27
Bảng 2.2: Tình hình thu hút vốn FDI của tỉnh Hải Dương giai đoạn 2022 - 2024...	30
Bảng 2.3: Tình hình cấp mới CNĐKĐT tỉnh Hải Dương giai đoạn 2022-2024	31
Bảng 2.4: Tỷ lệ vốn bình quân trên 1 dự án đăng ký mới tỉnh Hải Dương giai đoạn 2022-2024	33
Bảng 2.5: Tình hình điều chỉnh giấy CNĐKĐT tỉnh Hải Dương giai đoạn 2022-2024	34
Bảng 2.6: Vốn FDI theo lĩnh vực đầu tư tỉnh Hải Dương giai đoạn 2022-2024	34
Bảng 2.7: Tình hình thực hiện dự án đầu tư của DN FDI trong các KCN giai đoạn 2022-2024	38
Bảng 2.8: Chỉ tiêu thu hút vốn FDI đến năm 2024 của tỉnh Hải Dương	42
Bảng 2.9: Mức thưởng cho tổ chức, cá nhân vận động đầu tư vào KCN khi dự án đi vào hoạt động tại Hải Dương.....	46
Bảng 2.10: Các chương trình xúc tiến quảng bá thu hút vốn FDI vào Hải Dương ..	48
Bảng 2.11: Đánh giá hạ tầng các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương	51
Bảng 2.12: Hạ tầng một số khu công nghiệp tỉnh Hải Dương	52
Bảng 2.13: Một số chỉ tiêu cải cách thủ tục hành chính về đầu tư tại tỉnh Hải Dương....	53
Bảng 2.14: Tình hình kiểm tra, giám sát bộ máy hành chính về thu hút vốn FDI trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2022 - 2024	54
Bảng 2.15: Tình hình kiểm tra, giám sát bộ máy hành chính về quản lý thu hút vốn FDI theo chủ thể thực hiện kiểm tra, giám sát của tỉnh Hải Dương.....	55
Bảng 2.16: Tình hình kiểm tra, giám sát bộ máy hành chính về quản lý thu hút vốn FDI theo nội dung kiểm tra, giám sát	56
Bảng 2.17: Tình hình kiểm tra, giám sát các chủ thể đầu tư.....	57

LỜI MỞ ĐẦU

1. Lý do chọn đề tài

Kể từ khi Luật Đầu tư nước ngoài được ban hành, khu vực kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài đã không ngừng phát triển. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài đã và đang có đóng góp lớn trong tăng trưởng, thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa - hiện đại hóa và hội nhập kinh tế quốc tế.

Với vị trí trung tâm vùng đồng bằng sông Hồng, tỉnh Hải Dương nằm trong vùng kinh tế trọng điểm phía Bắc, sát vành đai kinh tế ven biển vịnh Bắc Bộ, có kết nối thuận lợi tới các khu cảng biển (Cái Lân, Hải Phòng), cảng hàng không (Nội Bài, Vân Đồn, Cát Bi), đã có kết quả tích cực trong thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) trong nhiều năm liên tục. Năm 2024, tỉnh Hải Dương hiện có 601 dự án đầu tư nước ngoài đến từ 27 quốc gia và vùng lãnh thổ, với tổng vốn đăng ký 10.955,6 triệu USD (*trong KCN 338 dự án, số vốn 6.783,8 triệu USD; ngoài KCN 263 dự án, số vốn 4.171,8 triệu USD*). Đây là kết quả thu hút vốn FDI cao nhất trong 10 năm trở lại đây và cũng là lần thứ hai trong 35 năm thu hút FDI của tỉnh vượt ngưỡng 1 tỷ USD.

Tuy nhiên, trong bối cảnh kinh tế hiện nay ít nhiều bất lợi, hoạt động quản lý thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cũng được Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Hải Dương nhìn nhận còn tồn tại như: còn ít các doanh nghiệp quy mô vốn lớn; nhiều dự án dừng lại ở công nghệ vừa, sử dụng nhiều lao động; hiệu quả đầu tư chưa bứt phá khi mang lại số thu cho Ngân sách Nhà nước chưa cao. Trong thời gian tới, tỉnh Hải Dương đặt mục tiêu sẽ tăng nguồn cung bất động sản công nghiệp chất lượng. Đồng thời, mong muốn sẽ thu hút được nhiều nhà đầu tư uy tín, dự án lớn từ các quốc gia có công nghệ cao, công nghệ nguồn, sản xuất tuần hoàn. Hải Dương xác định xây dựng 1 trong 4 trụ cột phát triển là công nghiệp công nghệ cao, công nghiệp hỗ trợ; tập trung ưu tiên thu hút nguồn vốn FDI có chọn lọc; thu hút các nhà đầu tư lớn, có tiềm năng trong và ngoài nước; nhà đầu tư từ các quốc gia thuộc nền kinh tế lớn, có tiềm lực về vốn, công nghệ, trình độ quản lý...

Xuất phát từ thực tế địa phương, tác giả nhận thức rõ nét ý nghĩa quan trọng

của công tác quản lý thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tỉnh Hải Dương, tác giả mạnh dạn lựa chọn đề tài: ***“Quản lý thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương”*** làm Đề án tốt nghiệp Thạc sĩ kinh tế.

2. Tổng quan tình hình nghiên cứu

Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài là vấn đề được nhiều học giả quan tâm, nghiên cứu trong thời gian qua. Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và quản lý thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại địa phương cụ thể có một số công trình có liên quan có thể kể đến là:

Nghiên cứu của Phạm Đức Tài (2023) về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam trong điều kiện thực hiện các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới giai đoạn từ năm 2015 đến năm 2021, bằng các phương pháp nghiên cứu thống kê, so sánh, phương pháp phân tích. Luận văn đã tiến hành phân tích thực trạng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam trong điều kiện thực hiện các Hiệp định thương mại tự do thế hệ mới thông qua các nhóm tiêu chí: tốc độ tăng trưởng quy mô vốn, quy mô vốn bình quân, cơ cấu vốn FDI và hiệu quả sử dụng vốn FDI. Tác giả có đánh giá chung về thực trạng thu hút vốn FDI vào Việt Nam trong điều kiện thực hiện các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới; gồm những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân. Từ những hạn chế, nguyên nhân trong thu hút vốn FDI tại Việt Nam, nghiên cứu đề xuất một số giải pháp nhằm thu hút vốn FDI chất lượng vào Việt Nam trong điều kiện thực hiện các FTA thế hệ mới gồm: Hoàn thiện hệ thống pháp luật, phát triển cơ sở hạ tầng, ổn định và tăng trưởng kinh tế, chú trọng thu hút nguồn vốn FDI có chọn lọc, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, phát triển ngành công nghiệp phụ trợ, xúc tiến đầu tư.

Nghiên cứu của Lê Duy Mạnh (2021) về chính sách thu hút vốn đầu tư vào các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An giai đoạn từ năm 2018 đến năm 2020, bằng phương pháp thu thập, tổng hợp, phân tích số liệu, tác giả đã phân tích thực trạng cho thấy chính sách thu hút vốn đầu tư vào các KCN trên địa bàn tỉnh Nghệ An vẫn còn nhiều bất cập như: Quy hoạch các KCN không đồng bộ; Công tác giải phóng mặt bằng chưa đạt hiệu quả cao nhất, số lượng các KCN chưa đáng kể,

diện tích sử dụng nhỏ, quá xa khu vực trung tâm; Cán bộ quản lý nhà nước còn tình trạng quan liêu, hách dịch; Hạ tầng giao thông còn kém, chưa đáp ứng được yêu cầu của việc thông thương hàng hóa; Thủ tục hành chính còn gây khó khăn cho doanh nghiệp kết nối và đầu tư. Từ đó, tác giả đề xuất hoàn thiện chính sách thu hút vốn đầu tư vào các KCN trên địa bàn tỉnh Nghệ An: hoàn thiện chính sách về đất đai, quy hoạch phát triển khu công nghiệp, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, đầu tư phát triển hạ tầng phụ trợ, tăng cường xúc tiến đầu tư.

Nghiên cứu của Julet Nie (2020) về thu hút vốn đầu tư vào khu công nghiệp Hòa Phú tỉnh Đắk Lắk giai đoạn từ năm 2017 đến năm 2019, với các phương pháp nghiên cứu thống kê, so sánh, phương pháp phân tích. Luận văn đã tiến hành phân tích thực hoạt động thu hút vốn đầu tư vào KCN Hòa Phú trên các nội dung: Công tác quy hoạch KCN, Ban hành cơ chế chính sách, chủ trương trong hoạt động thu hút vốn đầu tư, Ban hành danh mục dự án kêu gọi đầu tư, Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư, Phát triển cơ sở hạ tầng, cũng như chỉ ra những kết quả đạt được, hạn chế và nguyên nhân của những hạn chế trong hoạt động thu hút vốn đầu tư vào KCN Hòa Phú. Tác giả đề xuất tỉnh cần có những chính sách đồng bộ trong quy hoạch, xây dựng kết cấu hạ tầng trong và ngoài hàng rào KCN, tiếp tục cải cách thủ tục hành chính, hoàn thiện các cơ chế chính sách ưu đãi đầu tư, đẩy mạnh vận động xúc tiến đầu tư và nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với KCN Hòa Phú.

Nghiên cứu của Ngân Hà Thương (2020) về thu hút vốn đầu tư vào khu công nghiệp Thanh Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Cạn giai đoạn từ năm 2017 đến năm 2019. Đề tài đã đánh giá thực trạng công tác thu hút vốn đầu tư vào khu công nghiệp Thanh Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Cạn; các nhân tố chủ quan và khách quan ảnh hưởng đến thu hút vốn đầu tư vào KCN Thanh Bình; từ đó đánh giá thành tựu, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế công tác thu hút vốn đầu tư vào khu công nghiệp Thanh Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Cạn. Tác giả đã đề xuất một số giải pháp để tăng cường công tác thu hút vốn đầu tư vào khu công nghiệp Thanh Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Cạn bao gồm: Tiếp tục hoàn thiện cơ chế chính sách và cải cách thủ tục hành chính; Tăng cường thu hút đầu tư và hoạt động xúc tiến đầu tư; Thực hiện

quy hoạch, giải phóng mặt bằng, phát triển kết cấu hạ tầng; Đổi mới và tăng cường công tác xúc tiến đầu tư; Tăng cường công tác quản lý nhà nước đối với khu công nghiệp; Đào tạo và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và thực hiện các dịch vụ hỗ trợ khác.

Nghiên cứu của Đào Ngọc Tiến và Nguyễn Quỳnh Hương (2020) về thu hút FDI tại Việt Nam giai đoạn 2011-2015. Tác giả đã thực hiện phân tích đánh giá những chính sách cụm công nghiệp tại Việt Nam cũng như vai trò của các đặc khu kinh tế trong việc thu hút vốn FDI. Nghiên cứu sử dụng phương pháp phân tích định lượng chỉ ra được mối quan hệ nhân quả tích cực giữa chính sách quy hoạch với chính sách thu hút FDI ở cấp địa phương tại Việt Nam trong giai đoạn 2011-2015.

Trần Văn Đạt, Nguyễn Hồng Thu (2021) đã tiến hành phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến thu hút FDI trên địa bàn tỉnh Bình Dương. Hai tác giả đã tiến hành khảo sát trên 91 doanh nghiệp FDI có quy mô khác nhau từ lớn, nhỏ, siêu nhỏ tại Bình Dương. Kết quả nghiên cứu cho thấy một trong những yếu tố có ảnh hưởng quan trọng đến quyết định đầu tư vào tỉnh chính là yếu tố nguồn nhân lực. Trong khi đó, các yếu tố về chi phí cạnh tranh và môi trường sống của Bình Dương vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của các nhà đầu tư FDI hiện nay.

Việc nghiên cứu các tài liệu và công trình nghiên cứu trước đây đã giúp đề án có một số tư liệu và kiến thức cần thiết để có thể hình thành những hiểu biết chung, tạo điều kiện cho việc tiếp cận, phân tích, đánh giá vấn đề nghiên cứu ***“Quản lý thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Sở Kế hoạch và Đầu tư Hải Dương”***.

3. Mục tiêu nghiên cứu

3.1. Mục tiêu chung

Trên cơ sở hệ thống những vấn đề lý luận và thực tiễn về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và quản lý thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, tác giả thực hiện đánh giá tình hình quản lý thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và xác định các yếu tố ảnh hưởng đến công tác quản lý thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài trên địa bàn tỉnh Hải Dương trong giai đoạn từ 2022 - 2024; qua đó đề xuất giải pháp phù

hợp để đẩy mạnh thu hút vốn FDI vào địa phương hướng đến mục tiêu phát triển bền vững tầm nhìn đến năm 2030.

3.2. Mục tiêu cụ thể

- Hệ thống hóa cơ sở lý luận về đầu tư trực tiếp nước ngoài, thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và quản lý thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

- Phân tích thực trạng từ đó đưa ra đánh giá thành công, hạn chế và nguyên nhân trong công tác quản lý thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương giai đoạn 2022- 2024.

- Phân tích các nhân tố ảnh hưởng từ đó đưa ra các giải pháp hoàn thiện quản lý thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Hải Dương trong thời gian tới.

4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

4.1. Đối tượng nghiên cứu

Đề án nghiên cứu quản lý thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương. Trong đó, tập trung nghiên cứu quản lý các hoạt động thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương.

4.2. Phạm vi nghiên cứu

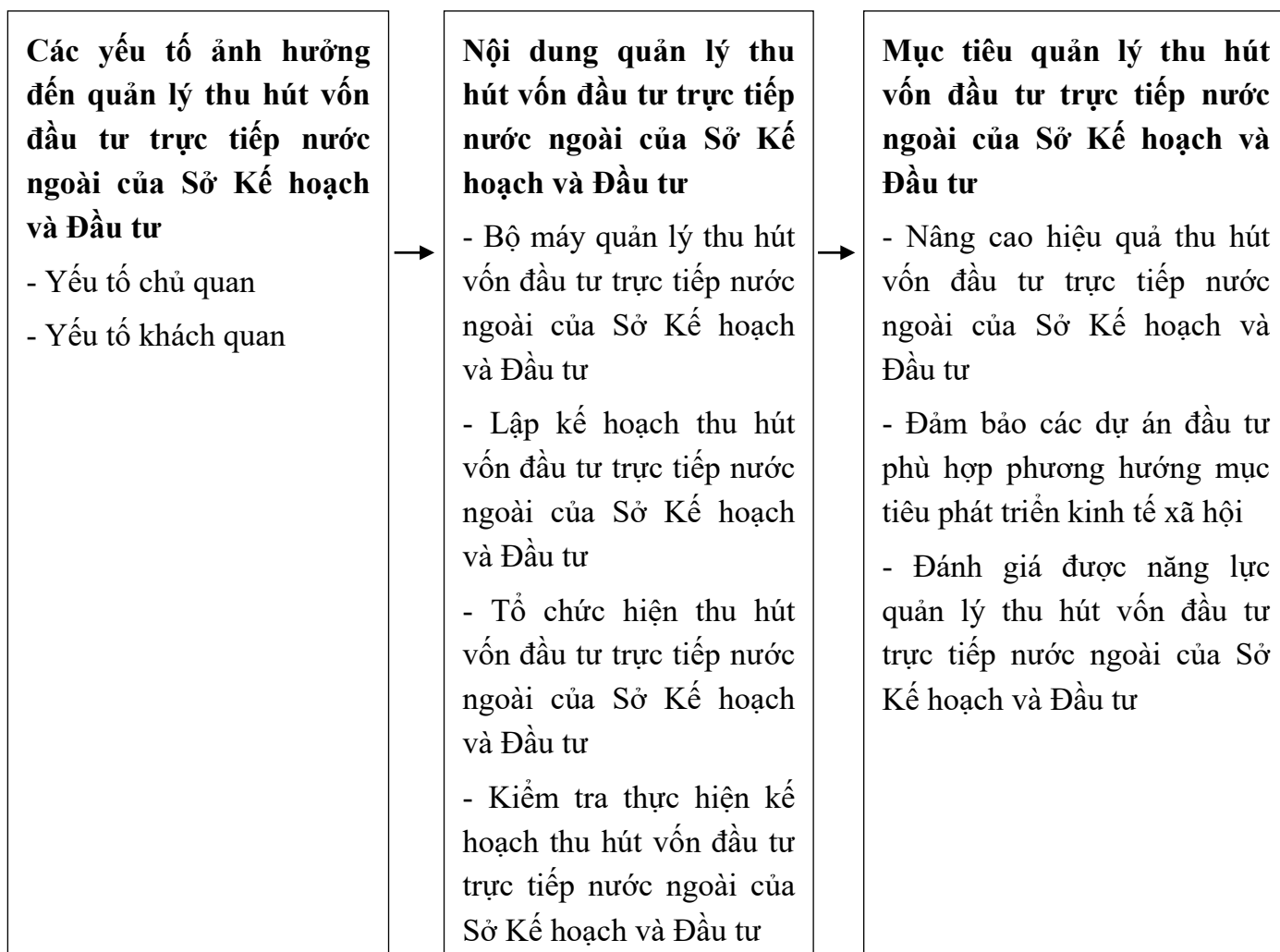
Phạm vi không gian: tỉnh Hải Dương.

Phạm vi thời gian: giai đoạn 2022- 2024

Phạm vi nội dung: Phân tích và đánh giá thực trạng quản lý hoạt động thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương.

5. Phương pháp nghiên cứu

5.1. Khung nghiên cứu



5.2. Phương pháp thu thập thông tin

Phương pháp thu thập số liệu, tài liệu thứ cấp: Dữ liệu được thu thập qua các Báo cáo của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương giai đoạn 2022- 2024 và sách báo, tạp chí, các công trình nghiên cứu của các chuyên gia, các nhà khoa học; thông tin trên các Website của các đơn vị, tổ chức có liên quan.

5.3. Phương pháp dự kiến phân tích số liệu/thông tin

Tác giả sử dụng một số phương pháp chủ yếu như sau:

Thống kê mô tả: Thống kê phân tổ, tổng hợp số liệu thứ cấp từ các báo cáo thống kê về thực trạng quản lý thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương.

Phân tích dữ liệu, so sánh, tổng hợp: Vận dụng các phương pháp phân tích

như số tương đối, số tuyệt đối, số bình quân; phương pháp so sánh, tổng hợp để phân tích thực trạng quản lý thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương qua các năm, sau đó tổng hợp rút ra những thành công, hạn chế và nguyên nhân của hạn chế làm cơ sở cho việc đề xuất các giải pháp hoàn thiện quản lý thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương.

6. Ý nghĩa khoa học và thực tiễn của đề án

6.1. Ý nghĩa khoa học

Đề tài nghiên cứu sẽ góp phần hệ thống hóa cơ sở lý luận và thực tiễn về quản lý thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cho các địa phương.

6.2. Ý nghĩa thực tiễn

Đề án chỉ ra được những thành công và những tồn tại, hạn chế của công tác quản lý thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương. Trên cơ sở đó, đề xuất giải pháp thực tiễn, khả thi giúp hoàn thiện công tác quản lý thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương.

7. Cấu trúc đề án

Ngoài phần mở đầu, kết luận, danh mục tài liệu tham khảo và các phụ lục liên quan đề án được trình bày trong 03 chương chính:

Chương 1: Cơ sở lý luận về thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Chương 2: Thực trạng quản lý thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương.

Chương 3: Giải pháp hoàn thiện quản lý thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương.

CHƯƠNG 1. CƠ SỞ LÝ LUẬN VÀ KINH NGHIỆM THỰC TIỄN VỀ QUẢN LÝ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI

1.1. Cơ sở lý luận về quản lý thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

1.1.1. Các khái niệm cơ bản

1.1.1.1. Đầu tư trực tiếp nước ngoài

Trên thế giới có nhiều cách diễn giải khái niệm về đầu tư trực tiếp nước ngoài (Foreign direct investment - FDI), mỗi ý kiến lại tiếp cận FDI từ một góc độ nhất định.

Tổ chức Hợp tác và Phát triển Kinh tế (OECD) định nghĩa về đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) như sau: “FDI là hoạt động đầu tư nhằm thiết lập các mối quan hệ kinh tế lâu dài với một doanh nghiệp, đồng thời tạo điều kiện ảnh hưởng đến quản lý và điều hành của doanh nghiệp đó.”

Theo Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) xảy ra khi một nhà đầu tư từ một quốc gia (quốc gia chủ đầu tư) sở hữu một tài sản tại một quốc gia khác (quốc gia thu hút đầu tư) và có quyền quản lý tài sản đó. Khía cạnh quản lý là yếu tố phân biệt FDI với các công cụ tài chính khác. Thông thường, cả nhà đầu tư và tài sản mà họ quản lý ở nước ngoài đều là các cơ sở kinh doanh. Trong những trường hợp này, nhà đầu tư thường được gọi là “công ty mẹ,” còn tài sản được gọi là “công ty con” hoặc “chi nhánh.”

Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF) định nghĩa đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là khoản đầu tư được thực hiện nhằm thu được lợi ích lâu dài từ một doanh nghiệp hoạt động trong một nền kinh tế khác với nền kinh tế của nhà đầu tư. Mục đích của nhà đầu tư là có được tiếng nói hiệu quả trong việc quản lý doanh nghiệp đó.

Mặc dù còn tồn tại nhiều quan điểm khác nhau, nhưng nhìn chung, các định nghĩa trên đã nhận diện FDI qua các khía cạnh sau:

Đây là loại hình đầu tư dài hạn do hoạt động đầu tư này gắn liền với việc xây dựng các cơ sở, chi nhánh sản xuất, kinh doanh tại nước tiếp nhận đầu tư. Vốn FDI có bản chất là dòng chu chuyển vốn có thời hạn tương đối dài. Vốn FDI đi liền với công trình, dự án đầu tư ở một địa điểm cụ thể, nên có tính ổn định tương đối cao,

dễ theo dõi, dễ kiểm soát và không biến động quá bất thường như các dòng tiền ngắn hạn hoặc các khoản đầu tư gián tiếp.

Nhà đầu tư nước ngoài đồng thời là người trực tiếp quản lý và điều hành việc sử dụng vốn, chịu trách nhiệm và hưởng lợi ích từ kết quả sản xuất, kinh doanh dựa trên mức độ góp vốn. Để tham gia vào ban điều hành, nhà đầu tư nước ngoài cần phải góp một số vốn tối thiểu vào dự án FDI, theo quy định của Luật Đầu tư từng quốc gia.

Như vậy, các quan điểm trên đều thống nhất: *FDI là hình thức đầu tư cho phép các nhà đầu tư tham gia điều hành hoạt động đầu tư ở nước tiếp nhận, mục đích đầu tư là lợi nhuận*. Trong phạm vi nghiên cứu của đề án, FDI là hình thức đầu tư qua biên giới quốc gia của một chủ thể cư trú ở một nền kinh tế (nhà đầu tư nước ngoài) nhằm kiểm soát hoặc có tầm ảnh hưởng đáng kể tới việc quản lý một doanh nghiệp cư trú ở một nền kinh tế khác. Các nhà đầu tư nước ngoài di chuyển nguồn lực (gồm cả nguồn lực hữu hình và vô hình) sang nước nhận đầu tư để tiến hành các hoạt động sản xuất - kinh doanh nhằm thu về lợi ích lâu dài. Đề tài này nghiên cứu sự di chuyển nguồn lực là vốn đầu tư bao gồm cả tiền và tài sản

1.1.1.2. Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Theo Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF), vốn FDI là vốn đầu tư được thực hiện ở các doanh nghiệp hoạt động ở đất nước khác nhằm thu về những lợi ích lâu dài cho nhà đầu tư và mục đích của nhà đầu tư là giành được tiếng nói có hiệu quả trong việc quản lý doanh nghiệp đó. Khái niệm này nhấn mạnh vào hai yếu tố tính lâu dài của hoạt động đầu tư và động cơ chính của đầu tư chính là giành quyền kiểm soát trực tiếp hoạt động quản lý doanh nghiệp, điều hành và sử dụng vốn đầu tư mà nhà đầu tư bỏ ra tại các cơ sở sản xuất kinh doanh ở nước khác.

Vốn FDI là sự di chuyển vốn quốc tế gắn liền với sự chuyển giao công nghệ và kinh nghiệm quản lý... khía cạnh trực tiếp được thể hiện ở việc tham gia điều hành trực tiếp của nhà đầu tư nước ngoài tạo cho dòng vốn này có lợi thế cao hơn so với hình thức đầu tư gián tiếp nếu xét từ khía cạnh tăng tài sản, công nghệ và năng lực quản lý. Thu hút vốn FDI vào địa phương đó chính là việc áp dụng các biện pháp, chính sách để các nhà đầu tư nước ngoài đem vốn đến đầu tư trực tiếp bằng

các hình thức khác nhau phù hợp với lợi ích chung của cả nhà đầu tư và địa phương tiếp nhận.

Vốn FDI đóng vai trò là nguồn vốn bổ sung, là điều kiện cần thiết cho sự chuyển biến tích cực của một lĩnh vực sản xuất kinh doanh, một số ngành nghề và là chất xúc tác làm phát huy tính hiệu quả của các tiềm năng phát triển.

Dựa vào các khái niệm trên về FDI, trong Đề án này, có thể đưa ra cách hiểu về vốn FDI như sau: Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài là loại vốn được hình thành và xuất hiện trong quá trình đầu tư trực tiếp từ nhà đầu tư nước ngoài thông qua việc thiết lập các cơ sở sản xuất kinh doanh ở nước tiếp nhận đầu tư, nhờ đó nhà đầu tư có quyền sở hữu và trực tiếp tham gia quản lý, điều hành đối tượng mà họ bỏ vốn đầu tư nhằm thu được lợi nhuận lâu dài từ những hoạt động đầu tư đó.

1.1.1.3. Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Hiểu theo nghĩa phổ biến, thu hút vốn đầu tư là hoạt động nhằm khai thác, huy động các nguồn vốn để đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế. Thu hút vốn FDI “Là những hoạt động, những chính sách của chính quyền, cộng đồng doanh nghiệp và dân cư nhằm quảng bá, xúc tiến, hỗ trợ, khuyến khích các NĐT bỏ vốn thực hiện mục đích đầu tư phát triển” (Nguyễn Huy Thám, 1999). Hay, “Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài là hệ thống các biện pháp mà chính quyền của một quốc gia hoặc địa phương thực hiện để hấp dẫn các nhà đầu tư từ nước ngoài đem nguồn vốn và công nghệ vào quốc gia hoặc địa phương để tổ chức thực hiện hoạt động tìm kiếm lợi nhuận hoặc lợi ích lớn hơn so với đầu tư tại quốc gia xuất phát của họ” (Cao Tấn Huy, 2019).

Thu hút vốn đầu tư là những hoạt động, những chính sách của chính quyền địa phương, cộng đồng doanh nghiệp và dân cư để nhằm quảng bá, xúc tiến, hỗ trợ, khuyến khích các nhà đầu tư bỏ vốn đầu tư thực hiện mục đích đầu tư phát triển. Thực chất của thu hút vốn đầu tư là làm gia tăng sự chú ý, quan tâm của các nhà đầu tư để từ đó dịch chuyển dòng vốn đầu tư vào địa phương hoặc quốc gia.

Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài: Thu hút vốn đầu tư là những hoạt động, những chính sách của chính quyền, cộng đồng doanh nghiệp và dân cư để nhằm quảng bá, xúc tiến, hỗ trợ, khuyến khích các nhà đầu tư nước ngoài bỏ vốn

đầu tư vào nước sở tại hay của địa phương. Như vậy, thực chất thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài là làm gia tăng sự chú ý, quan tâm của các nhà đầu tư nước ngoài từ đó dịch chuyển dòng vốn đầu tư vào quốc gia hay vào địa phương nào đó.

1.1.1.4. Quản lý thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Quản lý vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI – Foreign Direct Investment) là quá trình lập kế hoạch, tổ chức thực hiện, giám sát và điều tiết các hoạt động liên quan đến thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam, nhằm đảm bảo việc thu hút vốn, đúng pháp luật và phù hợp với mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của quốc gia, địa phương.

1.1.2. Nội dung quản lý thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

1.1.2.1. Lập kế hoạch thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

(i) Xác định nhu cầu và đối tượng thu hút vốn đầu tư FDI của địa phương

Nhu cầu thu hút vốn FDI là những mong muốn của một nước, một địa phương đối với việc hấp dẫn, thu hút nhà đầu tư nước ngoài rót vốn đầu vào một nước, địa phương đó trên cơ sở đáp ứng những kế hoạch, hoạch định thực hiện thu hút đầu tư nước ngoài nhằm thực hiện mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội... Xác định nhu cầu thu hút vốn tư trực tiếp nước ngoài là yếu tố quan trọng và đầu tiên để thực hiện chiến lược đề ra trong việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của, một nước, địa phương. Việc xác định các nhu cầu tùy thuộc vào tình hình phát triển kinh tế - xã hội, những điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội, đồng thời căn cứ vào mục tiêu, định hướng thu hút nguồn vốn FDI của một nước hoặc địa phương với các mặt như: lĩnh vực ngành nghề thu hút đầu tư, quy mô vốn đầu tư, địa bàn thu hút để thu hút đầu tư, hoặc các yếu tố có thể đáp ứng yêu cầu việc thực hiện thu hút đầu tư...

Đối tượng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài là các nhà đầu tư từ các quốc gia, các tập đoàn xuyên quốc gia mà địa phương hướng đến để tạo ấn tượng, gia tăng tính hấp dẫn, kích thích nhà đầu tư bỏ vốn để đầu. Xác định đối tượng thu hút đầu tư nước ngoài ngoài việc dựa trên nhu cầu, định hướng trong việc thu hút FDI vào các ngành nghề, lĩnh vực thì cần phải nắm bắt được các xu của dòng vốn FDI trên thế giới.

Xác định được nhu cầu và đối tượng trong công tác thu hút vốn FDI vào các

KCN là cơ sở phát huy có hiệu quả, ổn định đối với định hướng quy hoạch và phát triển các khu công nghiệp nói riêng và địa phương nói chung, đồng thời góp phần nâng cao hiệu quả kinh tế, đảm bảo tính bền vững trong việc phát triển công nghiệp. Xác định các nhu cầu thu hút các dự án có vốn đầu tư nước ngoài với các lĩnh vực ngành nghề, cơ cấu phát triển của địa phương đồng thời phải đảm bảo theo các tiêu chí đặt ra như tăng số lượng dự án vốn đầu tư, tăng quy mô vốn đầu tư của từng dự án, tăng đóng góp của vốn FDI đến phát triển kinh tế xã hội.

(2) Xác định mục tiêu thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài tại địa phương

Mục tiêu thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài để phát triển kinh tế tại địa phương là nhân tố có ý nghĩa quyết định đến việc thu hút vốn FDI vào địa phương. Mục tiêu này thể hiện tập trung ở một số điểm như: định hướng các lĩnh vực thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, tiêu chuẩn để xác định, phương hướng lựa chọn dự án có vốn đầu tư nước ngoài... Việc định hướng mục tiêu thu hút vốn FDI có ý nghĩa quan trọng nhằm thiết lập các điều kiện để thu hút vốn FDI cho phù hợp với các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội trong từng giai đoạn, thời kì phát triển tại địa phương. Các địa phương khác nhau ngoài chiến lược thu hút tổng thể của quốc gia sẽ có định hướng, chính sách và mục tiêu riêng để thu hút vốn FDI phát triển kinh tế – xã hội của địa phương đó.

1.1.2.2. Tổ chức thực hiện thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

(1) Xây dựng các chính sách hỗ trợ, ưu đãi đầu tư trực tiếp nước ngoài

Chính sách hỗ trợ đầu tư: Là việc đưa ra và thực hiện các chính sách hỗ trợ, ưu đãi của địa phương đối với các nhà đầu tư. Những hỗ trợ này có thể là hỗ trợ trong việc nghiên cứu thị trường, tìm kiếm đối tác, hỗ trợ trong lập hồ sơ dự án và xin phép đầu tư; hỗ trợ trong quá trình triển khai dự án,... Các chính sách ưu đãi đầu tư bao gồm nhiều loại như:

Ưu đãi thuế bao gồm miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp trong một khoảng thời gian từ 4 đến 15 năm, tùy theo ngành nghề, địa bàn đầu tư. Ngoài ra, nhà đầu tư còn có thể được miễn thuế nhập khẩu đối với máy móc, thiết bị, nguyên vật liệu để phục vụ sản xuất trong nước. Các chính sách ưu đãi này tạo điều kiện giảm chi phí ban đầu, tăng tính hấp dẫn cho môi trường đầu tư. Mục tiêu là khuyến

khích nhà đầu tư chọn Việt Nam làm điểm đến so với các nước trong khu vực có cạnh tranh cao.

Chính sách đất đai: Chính sách đất đai ưu đãi tập trung vào việc cho nhà đầu tư thuê đất với giá thấp, thời hạn dài và hỗ trợ thủ tục nhanh chóng, đặc biệt tại các khu công nghiệp, khu chế xuất hoặc khu công nghệ cao. Nhà nước thường hỗ trợ giải phóng mặt bằng, xây dựng cơ sở hạ tầng cơ bản để nhà đầu tư có thể triển khai dự án thuận lợi. Đất đai là yếu tố đầu vào quan trọng nên việc đảm bảo sẵn sàng quỹ đất, có quy hoạch rõ ràng và pháp lý minh bạch giúp giảm rủi ro cho nhà đầu tư nước ngoài.

Chính sách mở cửa và hội nhập quốc tế: Các quốc gia rất tích cực ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA) song phương và đa phương với các đối tác lớn. Điều này giúp mở rộng thị trường, giảm hàng rào thuế quan và tạo điều kiện thuận lợi cho dòng vốn FDI vào trong nước.

Chính sách ưu tiên lĩnh vực: Chính phủ định hướng thu hút FDI vào các ngành có giá trị gia tăng cao như công nghệ cao, năng lượng tái tạo, công nghiệp hỗ trợ, chuyên đổi số và nông nghiệp công nghệ cao. Đây là các lĩnh vực phù hợp với chiến lược phát triển bền vững và đổi mới sáng tạo của đất nước.

Các chính sách hỗ trợ, ưu đãi đầu tư trực tiếp nước ngoài đều là một dạng chính sách thuộc lĩnh vực kinh tế đối ngoại, được ban hành nhằm tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài để tận dụng các nguồn lực địa phương như đất đai, tài nguyên, lao động phục vụ cho việc hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội. Chính sách ưu đãi đầu tư và khuyến khích đầu tư đối với các doanh nghiệp đầu tư vào khu công nghiệp là một trong những công cụ có vai trò “đòn bẩy” hay là “chất xúc tác” trong việc tăng nguồn vốn đầu tư nước ngoài và hướng đến đạt được những mục tiêu phát triển kinh tế xã hội địa phương. Đây là quá trình thúc đẩy, tạo điều kiện cho các nhà đầu tư lựa chọn được các dự án đầu tư thích hợp, nhanh chóng hình thành và triển khai dự án một cách thuận lợi.

Việc đánh giá đối với các chính sách hỗ trợ, ưu đãi đầu tư nước ngoài dựa trên các tiêu chí: giá thuê đất trong KCN, chính sách về ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp, các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp như: tổ chức đối thoại doanh nghiệp,

tháo gỡ khó khăn, vướng mắc; phối hợp của các cơ quan chức năng trong xử lý các tình huống này sinh tại doanh nghiệp trong KCN...

(2) Công tác quảng bá, xúc tiến thu hút vốn FDI vào địa phương

Xúc tiến đầu tư thu hút vốn đầu tư nước ngoài là những hoạt động kinh tế - xã hội nhằm mục đích nâng cao chất lượng và hiệu quả của việc thu hút tập đoàn kinh tế, các doanh nghiệp, đơn vị, cá nhân ngoài nước đến để đầu tư. Hoạt động xúc tiến đầu tư đầu tư là hoạt động marketing trong thu hút đầu tư mà kết quả của hoạt động này chính là nguồn vốn thu hút được.

Trong xúc tiến đầu tư, xây dựng hình ảnh là bước đầu tiên cần thực hiện trước khi tiến hành các hoạt động tạo ra cơ hội đầu tư hiệu quả. Các trung tâm xúc tiến đầu tư và lãnh đạo địa phương, Ban Quản lý các khu công nghiệp phải luôn xây dựng hình ảnh để nâng cao nhận thức của nhà đầu tư về địa phương mình thông qua việc truyền tải những thông tin tốt, cơ bản của địa phương, của khu công nghiệp tới các nhà đầu tư.

Công tác xúc tiến, quảng bá thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài được đánh giá với các nội dung như: Mức độ thông tin về nhu cầu thu hút đầu tư FDI của thành phố, khả năng tiếp cận, tìm hiểu thông tin môi trường đầu tư khả năng tiếp cận với các diễn đàn đầu tư, hội thảo thu hút đầu tư trong giai đoạn trước khi cấp phép đầu tư; tính nhất quán thông tin được cung cấp, sự phối hợp của các ban, ngành trong quá trình cấp phép đầu tư, sự hỗ trợ, kết nối doanh nghiệp sau cấp phép...

(3) Cải thiện hạ tầng các khu công nghiệp

Việc đầu tư phát triển hạ tầng giao thông, điện, nước, viễn thông và logistics là công cụ then chốt nhằm tạo ra một môi trường thuận lợi cho hoạt động đầu tư. Nhà đầu tư thường rất quan tâm đến khả năng kết nối giao thương, chi phí logistics và tính ổn định của hệ thống điện – nước. Những địa phương có hạ tầng phát triển đồng bộ, đặc biệt là gần cảng biển, sân bay, hoặc có đường cao tốc kết nối tốt, thường có sức hút FDI mạnh hơn. Đây cũng là tiêu chí để các nhà đầu tư đánh giá tiềm năng lâu dài của địa phương.

Chất lượng của cơ sở hạ tầng và công nghiệp hóa có ảnh hưởng rất quan trọng đến các nguồn vốn đầu tư nước ngoài vào một địa phương, một quốc gia. Là

một nhân tố tạo nên sự hấp dẫn với FDI. Ngoài cơ sở hạ tầng trong các khu công nghiệp đảm bảo thì cơ sở hạ tầng hoàn chỉnh bao gồm cả đường bộ, đường sắt, hàng không, mạng lưới cung cấp điện, nước, các dịch vụ hỗ trợ khác như hệ thống ngân hàng, bưu chính viễn thông... thể hiện ở các mức độ đảm bảo tính bền vững, chất lượng và thuận tiện để thực hiện các hoạt động đầu tư sản xuất kinh doanh.

Thực tế, địa phương hay quốc gia mà cơ sở hạ tầng yếu kém rất khó thu hút các nhà đầu tư nước ngoài, khi đã không thu hút được đầu tư nước ngoài thì khả năng tạo cơ sở hạ tầng cũng rất hạn chế. Chính vì vậy, việc đầu tư phát triển cơ sở hạ tầng và cải thiện cơ sở hạ tầng là điều tất yếu để nhà đầu tư quan sát và đưa ra quyết định đầu tư, và đảm bảo mức độ thỏa mãn của nhà đầu tư để gia tăng quy mô đầu tư, định hướng phát triển đầu tư lâu dài.

Cải thiện hạ tầng các KCN trên cơ sở đánh giá hiệu quả và chất lượng tổng thể các dịch vụ về cơ sở hạ tầng kể cả trong KCN và ngoài KCN: Cảnh quan, giao thông, hệ thống xử lý chất thải, hệ thống điện nước, công trình thiết chế văn hóa trong KCN; đối với cơ sở hạ tầng ngoài KCN cần đánh giá như đường giao thông và các hệ thống vận tải Cảng, sân bay, đường sắt...

(4) Cải cách thủ tục hành chính

Thủ tục hành chính là trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ và yêu cầu, điều kiện do cơ quan nhà nước, người có thẩm quyền quy định về giải quyết một công việc cụ thể liên quan đến cá nhân, tổ chức.

Cải cách thủ tục hành chính là việc điều chỉnh trình tự, cách thức thực hiện, hồ sơ... giải quyết công việc liên quan đến công tác hành chính và phải hoàn tất trong một thời gian cụ thể, đáp ứng những đòi hỏi của thực tiễn. Thủ tục hành chính rườm rà, phức tạp là một trong những yếu tố gây phiền hà, trở thành rào cản làm giảm khả năng đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài vào một địa phương.

Cải cách thủ tục hành chính, đặc biệt là việc áp dụng cơ chế “một cửa” liên thông trong cấp phép đầu tư, đang ngày càng trở thành lợi thế cạnh tranh quan trọng. Nhà đầu tư nước ngoài thường e ngại sự chậm trễ, thiếu minh bạch hoặc phức tạp trong thủ tục hành chính. Việc số hóa quy trình, rút ngắn thời gian xử lý hồ sơ và nâng cao năng lực cán bộ công chức giúp tạo niềm tin và cảm giác chuyên

nghiệp trong mắt nhà đầu tư. Đây cũng là chỉ số thể hiện sự cam kết cải thiện môi trường đầu tư của chính quyền.

Thủ tục hành chính của nước ta còn nhiều bất cập, hình thức còn đòi hỏi nhiều giấy tờ, không rõ ràng về trách nhiệm, thiếu công khai, minh bạch, luật pháp còn nhiều bất cập, nhất là đối với các nhà đầu tư nước ngoài ít am hiểu về luật pháp Việt Nam, gây trở ngại cho việc giao lưu và hợp tác giữa nước ta với nước ngoài; trì trệ trong giải quyết công việc, gây ra tệ cửa quyền, là nơi thuận lợi cho nạn tham nhũng, lãng phí phát sinh... Chính vì vậy, cải cách thủ tục hành chính nói chung và cải cách hành chính nói chung là yêu cầu cần phải thực hiện nhằm tạo điều kiện thuận lợi, tạo niềm tin đối với các nhà đầu tư nước ngoài.

Việc đánh giá công tác thực hiện thủ tục hành chính trong quá trình thực hiện đầu tư vào các Khu Công nghiệp dựa vào các tiêu chí: tính công khai, minh bạch về thông tin, phí, lệ phí, mức độ tiếp nhận và thời gian giải quyết quy trình, thủ tục; sự chuyên nghiệp và thái độ hỗ trợ của cán bộ đối với nhà đầu tư...

1.1.2.3. Kiểm tra, giám sát thực hiện thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Chủ thể quản lý FDI (trực tiếp) gồm:

Cơ quan trung ương: Bộ Kế hoạch và Đầu tư (KH&ĐT) là cơ quan đầu mối quản lý FDI cấp quốc gia, trong đó Cục Đầu tư nước ngoài (FIA) trực thuộc đóng vai trò quan trọng. Cơ quan này chịu trách nhiệm xây dựng chính sách FDI chung cho cả nước, định hướng chiến lược và thể chế thu hút đầu tư nước ngoài. Đồng thời, FIA thực hiện thẩm định các dự án lớn liên quan đến an ninh quốc phòng, năng lượng, khoáng sản. Ngoài ra, bộ cũng tham gia xúc tiến đầu tư quốc tế, phối hợp với cơ quan ngoại giao và tổ chức các hội thảo, diễn đàn kêu gọi đầu tư vào trong nước.

Cơ quan cấp địa phương: Tại cấp tỉnh, Sở Kế hoạch và Đầu tư (SKH&ĐT) là đơn vị chịu trách nhiệm tiếp nhận, thẩm định và cấp phép đầu tư cho các dự án FDI hoạt động trên địa bàn. Đây là cơ quan chuyên môn trực thuộc UBND tỉnh, có vai trò hỗ trợ và giám sát nhà đầu tư trong suốt quá trình hoạt động. Bên cạnh đó, Ban Quản lý Khu công nghiệp (BQL KCN) hoặc Ban Quản lý Khu kinh tế (BQL KKT) đảm nhận thủ tục đầu tư trong các khu chức năng. Cơ chế “một cửa” được áp

dụng để giúp nhà đầu tư xử lý thủ tục nhanh chóng thông qua các phòng chuyên môn như: Kế hoạch - Đầu tư, Pháp chế, Hỗ trợ doanh nghiệp,...

Chủ thể thanh tra, giám sát gồm cơ quan đăng ký đầu tư (Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý KKT tỉnh), các Sở ngành: Xây dựng, Tài nguyên môi trường, Công Thương, Nông nghiệp & PTNT,... kiểm tra theo chức năng chuyên ngành quản lý.

Đối tượng được thanh tra, giám sát là các doanh nghiệp, nhà đầu tư có đăng ký và được cấp phép thực hiện dự án. Kiểm tra, giám sát việc triển khai dự án theo hồ sơ đăng ký, xây dựng theo Giấy phép xây dựng, các công trình môi trường theo cam kết bảo vệ môi trường/báo cáo đánh giá tác động môi trường được duyệt, công tác phòng cháy chữa cháy,...

Thực hiện công tác giám sát, kiểm tra các dự án được cấp phép đầu tư theo chức năng quản lý nhằm đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện, phát hiện kịp thời các sai phạm để xử lý, cũng như giải quyết các khó khăn, vướng mắc để dự án tiếp tục thực hiện và hoạt động có hiệu quả.

Nội dung kiểm tra, giám sát của cơ quan đăng ký đầu tư gồm:

1. Nội dung theo dõi:

- a) Tình hình thực hiện chế độ báo cáo của nhà đầu tư;
- b) Tổng hợp tình hình thực hiện dự án;
- c) Tổng hợp tình hình khai thác, vận hành dự án;
- d) Tổng hợp tình hình thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường, sử dụng đất đai, sử dụng tài nguyên khoáng sản của dự án;
- đ) Việc xử lý và chấp hành các biện pháp xử lý của nhà đầu tư, tổ chức kinh tế;
- e) Báo cáo và đề xuất phương án xử lý khó khăn, vướng mắc, các vấn đề vượt quá thẩm quyền.

2. Nội dung kiểm tra:

- a) Việc thực hiện quy định tại văn bản quyết định chủ trương đầu tư, Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư (nếu có):
- b) Tiến độ thực hiện dự án, gồm tiến độ thực hiện vốn đầu tư, trong đó có vốn vay và tiến độ thực hiện mục tiêu dự án.

c) Việc đáp ứng điều kiện đầu tư, điều kiện ưu đãi, hỗ trợ đầu tư và việc thực hiện các cam kết của nhà đầu tư (nếu có);

d) Việc chấp hành quy định về giám sát, đánh giá đầu tư và chế độ báo cáo thống kê theo quy định;

đ) Việc chấp hành biện pháp xử lý vấn đề đã phát hiện.

Tại Việt Nam: Đội ngũ cán bộ quản lý FDI hiện có nhiều điểm tích cực, đặc biệt ở các thành phố lớn như Hà Nội, TP.HCM, Đà Nẵng, Bình Dương. Nhiều cán bộ có chuyên môn vững, kỹ năng ngoại ngữ tốt và hiểu biết về môi trường đầu tư quốc tế. Một số địa phương đã triển khai hệ thống quản lý điện tử, giúp nâng cao hiệu quả giải quyết thủ tục hành chính. Tuy nhiên, vẫn tồn tại sự chênh lệch về trình độ giữa các địa phương, thiếu nhân lực am hiểu công nghệ cao và tâm lý e ngại trách nhiệm khi xử lý hồ sơ phức tạp. Để cải thiện, cần đẩy mạnh đào tạo chuyên sâu, tăng cường ngoại ngữ, ứng dụng chuyển đổi số và xây dựng cơ chế phối hợp linh hoạt giữa các đơn vị quản lý.

1.1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến quản lý thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

1.1.3.1. Yếu tố chủ quan

Chính sách quản lý thu hút vốn FDI của địa phương: Các chính sách thu hút vốn FDI của địa phương: gồm các chính sách liên quan đến cơ cấu ngành kinh tế tại địa phương; Chính sách về hình thức đầu tư, góp vốn và quy hoạch tại địa phương; Chính sách về thuế, phí, lệ phí, chính sách về đất đai địa phương tạo những phần đất sạch, thuận lợi ở nhiều vị trí sẽ là cơ sở để thu hút vốn FDI; Chính sách về lao động, chính sách hỗ trợ về đầu tư, chính sách về thủ tục hành chính; Chính sách xúc tiến thu hút vốn đầu tư để thu hút vốn FDI vào địa phương... Từ đó làm cơ sở cho nhà đầu tư lựa chọn đầu tư. Hình thức, công cụ và phương thức xúc tiến đầu tư thích hợp với địa phương là nhân tố quan trọng trong hoạt động thu hút vốn FDI.

Trình độ nguồn nhân lực làm công tác quản lý thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài: Tư tưởng nhận thức, thái độ của lãnh đạo các địa phương cũng là yếu tố tác động mạnh đến thu hút vốn FDI vào địa phương đó. Lãnh đạo của địa phương thấy được vai trò của vốn FDI thì sẽ có những ưu tiên, tạo môi trường điều kiện thuận lợi, chủ động trong việc tìm đối tác đầu tư nước ngoài phù hợp để thu hút

được các nguồn vốn FDI về với địa phương của mình.

Vị trí địa lý và cơ sở hạ tầng: Vị trí địa lý thuận lợi, kết nối giao thông tốt (đường bộ, đường thủy) và hệ thống cơ sở hạ tầng phát triển (khu công nghiệp, điện, nước, viễn thông) là những yếu tố quan trọng thu hút FDI. Vị trí chiến lược giúp giảm chi phí vận chuyển và tiếp cận thị trường dễ dàng hơn. Cơ sở hạ tầng đồng bộ và hiện đại đảm bảo hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và hiệu quả cho các nhà đầu tư.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh cần phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan để tiếp tục đầu tư và nâng cấp cơ sở hạ tầng, đặc biệt là tại các khu công nghiệp và các vùng kinh tế trọng điểm. Việc quảng bá và làm nổi bật lợi thế về vị trí địa lý và cơ sở hạ tầng là một phần quan trọng trong chiến lược thu hút FDI của Sở.

Chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh cấp tỉnh: Chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh, bao gồm sự minh bạch của thủ tục hành chính, hiệu quả của bộ máy quản lý nhà nước, mức độ tham nhũng, chi phí không chính thức, và sự ổn định của chính sách, có ảnh hưởng lớn đến quyết định đầu tư và hoạt động kinh doanh của các nhà đầu tư nước ngoài. Một môi trường đầu tư kinh doanh thuận lợi giúp giảm chi phí giao dịch, tiết kiệm thời gian và tạo niềm tin cho nhà đầu tư.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh đóng vai trò chủ chốt trong việc cải thiện chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh của tỉnh thông qua việc đơn giản hóa thủ tục hành chính, tăng cường đối thoại với doanh nghiệp và tham mưu các giải pháp nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước.

Năng lực và hiệu quả của Sở Kế hoạch và Đầu tư: Năng lực chuyên môn, kinh nghiệm, sự chủ động, tính chuyên nghiệp và hiệu quả làm việc của đội ngũ cán bộ Sở Kế hoạch và Đầu tư có ảnh hưởng trực tiếp đến kết quả thu hút và quản lý FDI. Khả năng xây dựng chiến lược, xúc tiến đầu tư, thẩm định dự án, hỗ trợ nhà đầu tư và theo dõi giám sát dự án đóng vai trò quyết định.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh cần không ngừng nâng cao năng lực của đội ngũ cán bộ thông qua đào tạo, bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng về đầu tư quốc tế, pháp luật, kinh tế và ngoại ngữ. Việc xây dựng một bộ máy làm việc hiệu quả, minh bạch và hướng đến nhà đầu tư là yếu tố then chốt để thu hút FDI thành công.

Tiềm năng và định hướng phát triển Kinh tế - Xã hội của tỉnh: Tiềm năng phát triển các ngành kinh tế mũi nhọn, định hướng phát triển bền vững và các mục tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh tạo ra định hướng và cơ hội cho các nhà đầu tư nước ngoài. Sự phù hợp giữa chiến lược đầu tư của nhà đầu tư và định hướng phát triển của tỉnh là một yếu tố quan trọng trong quyết định đầu tư.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh cần xây dựng chiến lược thu hút FDI phù hợp với tiềm năng và định hướng phát triển của tỉnh, tập trung vào các ngành có lợi thế cạnh tranh và đóng góp vào mục tiêu phát triển bền vững. Việc truyền thông rõ ràng về tiềm năng và định hướng phát triển của tỉnh là một phần quan trọng trong công tác xúc tiến đầu tư.

1.1.3.2. Yếu tố khách quan

Môi trường kinh tế toàn cầu và khu vực: Tình hình kinh tế thế giới và khu vực có tác động trực tiếp đến dòng vốn FDI. Các yếu tố như tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái, chính sách thương mại quốc tế, và các cuộc khủng hoảng kinh tế đều ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của các nhà đầu tư nước ngoài. Sự ổn định và triển vọng tăng trưởng của kinh tế toàn cầu và khu vực tạo ra tâm lý tích cực và thúc đẩy các hoạt động đầu tư xuyên biên giới. Ngược lại, sự bất ổn và suy thoái kinh tế có thể làm giảm dòng vốn FDI do các nhà đầu tư trở nên thận trọng hơn và ưu tiên các thị trường an toàn hơn. Đặc biệt, các biến động địa chính trị và các xung đột thương mại cũng tạo ra những rủi ro và ảnh hưởng đến quyết định đầu tư.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh cần theo dõi sát sao các diễn biến kinh tế toàn cầu và khu vực để đánh giá các cơ hội và thách thức trong thu hút FDI. Điều này giúp Sở xây dựng các chiến lược xúc tiến đầu tư phù hợp với từng giai đoạn và thị trường mục tiêu, đồng thời chuẩn bị các kịch bản ứng phó với những biến động bất lợi.

Chính sách Đầu tư và Thương mại của Việt Nam: Hệ thống pháp luật, chính sách đầu tư và thương mại của Việt Nam đóng vai trò nền tảng và định hướng cho hoạt động thu hút FDI. Sự ổn định, minh bạch, nhất quán và cạnh tranh của các chính sách này tạo ra môi trường pháp lý thuận lợi, giảm thiểu rủi ro và chi phí cho nhà đầu tư nước ngoài. Các yếu tố như ưu đãi thuế, chính sách về đất đai, lao động,

môi trường, thủ tục hành chính, và các cam kết quốc tế về đầu tư và thương mại đều có ảnh hưởng lớn đến quyết định đầu tư.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh chịu sự chi phối trực tiếp của các chính sách này. Sở cần nắm vững và triển khai hiệu quả các quy định của pháp luật và chính sách, đồng thời tham mưu cho UBND tỉnh các giải pháp cụ thể hóa và vận dụng linh hoạt các chính sách của trung ương để phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh, tạo lợi thế cạnh tranh trong thu hút FDI.

Cạnh tranh thu hút FDI từ các địa phương khác: Việt Nam là một điểm đến hấp dẫn FDI, nhưng sự cạnh tranh giữa các tỉnh và thành phố trong cả nước để thu hút nguồn vốn này là rất lớn. Mỗi địa phương có những lợi thế và chính sách riêng để thu hút nhà đầu tư. Sự khác biệt về vị trí địa lý, cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực, chính sách ưu đãi và chất lượng môi trường đầu tư tạo ra sự cạnh tranh gay gắt. Các nhà đầu tư nước ngoài sẽ so sánh và lựa chọn địa điểm đầu tư dựa trên các yếu tố này.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh cần nhận thức rõ vị thế cạnh tranh của tỉnh so với các địa phương khác. Việc phân tích điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức (SWOT) trong so sánh với các đối thủ cạnh tranh giúp Sở xác định các lợi thế đặc thù của Hải Dương để tập trung khai thác và xây dựng các chiến lược thu hút FDI khác biệt và hiệu quả hơn.

Xu hướng và ưu tiên đầu tư toàn cầu: Các xu hướng đầu tư toàn cầu, như sự phát triển của các ngành công nghiệp mới (công nghệ cao, năng lượng tái tạo, kinh tế số), sự dịch chuyển chuỗi cung ứng, và các ưu tiên về phát triển bền vững (ESG), có tác động đến lĩnh vực và quốc gia mà các nhà đầu tư nước ngoài quan tâm. Việc nắm bắt và dự đoán các xu hướng này giúp các quốc gia và địa phương định hướng thu hút FDI vào các lĩnh vực có tiềm năng tăng trưởng cao và phù hợp với mục tiêu phát triển dài hạn.

Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh cần chủ động nghiên cứu và cập nhật các xu hướng đầu tư toàn cầu để xác định các ngành và lĩnh vực ưu tiên thu hút FDI trong tương lai. Điều này giúp Sở xây dựng các chính sách và chương trình xúc tiến đầu tư phù hợp, thu hút các dự án có chất lượng cao và đóng góp vào sự phát triển bền vững của tỉnh.

1.2. Kinh nghiệm thực tiễn về quản lý thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài và bài học kinh nghiệm cho Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Hải Dương

1.2.1. Kinh nghiệm của tỉnh Bắc Ninh

Bắc Ninh xuất phát điểm là tỉnh nông nghiệp, đến nay được biết đến là địa phương có môi trường đầu tư hấp dẫn và phát triển trên nhiều lĩnh vực. Sự tham gia sản xuất của các doanh nghiệp FDI tại các KCN đưa Bắc Ninh trở thành trung tâm sản xuất điện thoại di động, hàng điện tử xuất khẩu lớn. Số lượng dự án đầu tư nước ngoài vào các KCN tăng dần qua các năm. Phần lớn các dự án FDI tập trung trên lĩnh vực công nghiệp điện tử, viễn thông và công nghiệp hỗ trợ cho ngành này khoảng 80% tổng vốn đầu tư. Các dự án của tập đoàn Samsung đầu tư vào KCN có sức lan tỏa lớn, tác động mạnh mẽ đến làn sóng đầu tư nước ngoài vào Bắc Ninh, nhất là vốn đầu tư từ Hàn Quốc.

Có được thành công trong thu hút dòng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, cùng với việc hoàn thiện hệ thống hạ tầng đồng bộ, tận dụng lợi thế cạnh tranh, Bắc Ninh luôn đổi mới công tác xúc tiến đầu tư về cả hình thức và nội hoạt động, hướng đến chuyên nghiệp hóa công tác xúc tiến đầu tư.

Bảo đảm sự lựa chọn dự án và thu hút đầu tư theo chuỗi dự án thuộc các tập đoàn đa quốc gia, đặc biệt là tập trung đàm phán thu hút tập đoàn Nokia (Microsoft) đầu tư vào KCN VSIP Bắc Ninh, đồng thời thu hút các dự án mục tiêu là các vệ tinh của Samsung.

Bên cạnh đó, sự có mặt của các nhà đầu tư nước ngoài đã tạo đà phát triển mạnh cho các KCN, đóng góp vào tăng trưởng giá trị sản xuất công nghiệp, kim ngạch xuất khẩu và sức cạnh tranh của nền kinh tế - xã hội, nhiều năm liền nằm trong top dẫn đầu cả nước về phát triển công nghiệp và có nguồn ngân sách lớn.

Tỉnh là điểm đến của các tập đoàn lớn như Samsung, Nokia, Canon, Foxconn,... có tác dụng quảng bá về môi trường đầu tư, điểm đến đầu tư với các đối tác nước ngoài, lan tỏa, thu hút các nhà đầu tư doanh nghiệp nước ngoài khác đến tìm hiểu và đầu tư tại tỉnh.

Chính sách phát triển của Bắc Ninh:

- Về cơ sở hạ tầng: Nhằm thực hiện thu hút các nguồn vốn đầu tư vào tỉnh,

Bắc Ninh đã tiến hành quy hoạch và xây dựng các KCN tập trung và các khu, cụm công nghiệp vừa và nhỏ...

- Về quan hệ đối ngoại: Bắc Ninh có chính sách kinh tế đối ngoại rộng mở, an ninh chính trị và trật tự xã hội bảo đảm tạo lòng tin đối với các nhà đầu tư khi đầu tư vào Bắc Ninh. Xác định mục tiêu tập trung cải thiện môi trường đầu tư - kinh doanh theo hướng thông thoáng, minh bạch và hấp dẫn các nhà đầu tư trong và ngoài nước, chú trọng các vấn đề thủ tục hành chính, đất đai, thuế thu nhập doanh nghiệp, đào tạo nghề, lao động.

- Về quan điểm thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài: trong thu hút đầu tư, Bắc Ninh lựa chọn quan điểm thu hút theo hướng gia tăng về mặt số lượng. Điều này phản ánh rõ nét qua số lượng dự án đầu tư tuy khá cao nhưng chủ yếu là những dự án có quy mô nhỏ, công nghệ lạc hậu. Kết quả từ những dự án FDI đã có nhiều đóng góp cho sự phát triển công nghiệp của địa phương, tuy nhiên Bắc Ninh đang phải đối mặt với nhiều vấn đề lớn như ô nhiễm môi trường, sự thiếu hụt lao động có tay nghề, tốc độ triển khai các dự án chậm.

- Công tác cải cách hành chính: Bắc Ninh coi trọng công tác cải cách hành chính, việc phân cấp trong hoạt động đầu tư được quán triệt thực hiện nghiêm túc. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các KCN đã triển khai thực hiện đề án cải cách thủ tục hành chính và cơ chế một cửa trong cấp phép đầu tư. Chủ động giải quyết các khó khăn, vướng mắc phát sinh của các doanh nghiệp đang hoạt động sản xuất kinh doanh. Xây dựng trang website song ngữ tiếng Việt – Anh; hỗ trợ, cung cấp thông tin về chủ trương, chính sách pháp luật về đầu tư, quảng cáo về hoạt động các các doanh nghiệp trong các KCN.

Bên cạnh việc coi trọng hoạt động xúc tiến đầu tư tại chỗ, tỉnh còn thành lập Tổ hỗ trợ doanh nghiệp, trực tiếp giải quyết ngay các khó khăn, vướng mắc cho doanh nghiệp khi có thông tin phản ánh, nâng cao hiệu quả các khu, cụm công nghiệp trong thu hút đầu tư. Nhờ đó, Bắc Ninh tiếp tục thu hút nhiều dự án đầu tư của các tập đoàn lớn vào tỉnh.

Bắc Ninh thực hiện tập trung rà soát, hoàn thiện hệ thống thể chế, kiên quyết giảm thời gian giải quyết công việc cho doanh nghiệp, đơn giản hóa thủ tục hành

chính; tập trung cải cách thủ tục hành chính một số lĩnh vực còn nhiều vướng mắc như đất đai, xây dựng, lao động, hải quan... nhằm tạo điều kiện tốt nhất để doanh nghiệp phát triển.

1.2.2. Kinh nghiệm của tỉnh Hưng Yên

Tỉnh Hưng Yên luôn quan tâm chú trọng đến công tác xúc tiến đầu tư, kết quả thu hút đầu tư vào trong các KCN của tỉnh đạt được kết quả quan trọng. Đến năm 2022, trong tổng số 17 KCN đã được quy hoạch phát triển, tỉnh Hưng Yên có 11 KCN được chấp thuận chủ trương đầu tư với tổng diện tích 2.873,38 ha; tổng vốn đầu tư đăng ký 14.395 tỷ đồng và 397,7 triệu USD, trong đó nhiều nhà đầu tư có kinh nghiệm trong lĩnh vực đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN từ Nhật Bản và Hàn Quốc, tạo tiền đề thúc đẩy thu hút đầu tư vào trong các KCN.

Đối với các dự án đầu tư nước ngoài có trình độ kỹ thuật công nghệ cao: Ưu tiên phát triển các dự án FDI có hàm lượng công nghệ cao góp phần quan trọng thúc đẩy phát triển công nghiệp của tỉnh. Thông qua đó làm cầu nối cho các doanh nghiệp trong nước kế thừa, tiếp cận và ứng dụng nền công nghiệp hiện đại từ các nước phát triển, thúc đẩy doanh nghiệp trong nước đổi mới công nghệ, tăng năng suất, giảm chi phí và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Vấn đề Quy hoạch các KCN: Việc tạo ra các KCN sạch được tỉnh chú trọng: Các KCN trên địa bàn tỉnh Hưng Yên được quy hoạch đều có vị trí thuận lợi cho việc đầu tư xây dựng hạ tầng, kết nối hạ tầng giao thông đối ngoại, thuận lợi cho việc thu hút đầu tư nên có điều kiện phát triển nhanh. Công tác quản lý quy hoạch xây dựng, đầu tư xây dựng đồng bộ, hiện đại giải pháp kiến trúc hài hòa, thân thiện với môi trường, đáp ứng mục tiêu và yêu cầu phát triển bền vững.

Vấn đề cải cách thủ tục hành chính: Tỉnh luôn chú trọng các biện pháp hữu hiệu cải cách thủ tục hành chính để thu hút đầu tư hiệu quả. Hàng năm, Tỉnh thường xuyên tiến hành việc xây dựng và tổ chức thực hiện có hiệu quả các kế hoạch cải cách hành chính; kế hoạch kiểm soát thủ tục hành chính; Tổ chức rà soát, đánh giá các thủ tục hành chính có khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện để kiến nghị sửa đổi, bổ sung, đơn giản hóa. Mặt khác, duy trì thường xuyên tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích doanh nghiệp thực hiện thủ tục hành chính online, đồng

thời quán triệt toàn bộ cán bộ công chức, viên chức trong cơ quan đẩy mạnh cải cách hành hành chính, trong đó chú trọng và tạo điều kiện cho các nhà đầu tư trong quá trình thực hiện các thủ tục, cắt giảm thời gian và chí phí cho các nhà đầu tư.

Vấn đề ứng dụng công nghệ thông tin: Tỉnh áp dụng công nghệ thông tin trong quản lý điều hành và thực thi công vụ, gắn kết chặt chẽ với cải cách hành chính; duy trì ứng dụng hiệu quả các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh, hệ thống một cửa điện tử và dịch vụ công, hệ thống quản lý văn bản và điều hành nhằm tiết kiệm chi phí, thời gian cho người dân, doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, tỉnh Hưng Yên luôn duy trì thường xuyên hoạt động theo dõi, giám sát việc triển khai dự án và hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Trên cơ sở đó kịp thời giải quyết các khó khăn vướng mắc của các nhà đầu tư/doanh nghiệp, hướng dẫn hỗ trợ các doanh nghiệp, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp/nhà đầu tư điều chỉnh lại tiến độ dự án, mục tiêu đầu tư đảm bảo phù hợp với nhu cầu thị trường, nâng cao hiệu quả trong quá trình hoạt động.

1.2.3. Bài học quản lý thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài cho Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Hải Dương

Từ kinh nghiệm quản lý thu hút vốn FDI của một số địa phương tại Việt Nam, có thể rút ra một số bài học trong quản lý thu hút vốn FDI cho Sở Kế hoạch và đầu tư tỉnh Hải Dương. Cụ thể, để tăng sức hấp dẫn và thu hút đầu tư trên địa bàn, tỉnh Hải Dương cần tiến hành song song các giải pháp như sau:

Thứ nhất, về cải thiện môi trường đầu tư

Cần tiếp tục thực hiện các giải pháp cải thiện mạnh mẽ môi trường kinh doanh; kịp thời hỗ trợ người dân và doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh. Tiếp theo đó là việc tăng cường rà soát, kiến nghị cấp có thẩm quyền dỡ bỏ rào cản đối với hoạt động đầu tư, kinh doanh do chồng chéo về mâu thuẫn của các quy định pháp luật. Để thu hút được đầu tư từ các tập đoàn xuyên quốc gia, nhất là từ những nước phát triển như: Mỹ và khối EU, ngoài những vấn đề liên quan đến môi trường đầu tư nói chung, Hải Dương cần chú trọng quan tâm đến đòi hỏi của những nhà đầu tư về một số khía cạnh như: Tính công khai, minh bạch, ổn định, dễ dự báo về thể chế, chính sách và luật pháp; thực thi pháp luật nghiêm minh, thống nhất, bảo vệ

quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư; thủ tục hành chính đơn giản, bảo đảm thời gian đã quy định.

Thứ hai, về cải cách thủ tục hành chính

Cần cắt giảm, đơn giản hóa các thủ tục hành chính, giảm bớt các chi phí cho các doanh nghiệp FDI liên quan đến các thủ tục hành chính, gắn cải cách hành chính với xây dựng Chính quyền điện tử hướng đến chuyển đổi số; nâng cao chất lượng dịch vụ công trực tuyến cho người dân và doanh nghiệp.

Thứ ba, Về công tác xúc tiến đầu tư

Hải Dương cần chủ động xây dựng và thực hiện có hiệu quả các chương trình xúc tiến, thu hút đầu tư; thường xuyên tổ chức các chương trình đối thoại, hội nghị, hội thảo với các hiệp hội đầu tư, hiệp hội ngành hàng, các nhà đầu tư, chuyên gia, nhà quản lý trong và ngoài nước.

Thứ tư, Về đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng KCN

Hải Dương cần tập trung đầu tư kết cấu hạ tầng các KCN đồng bộ, xuyên suốt các tuyến đường giao thông trọng điểm, mang tính chất lan tỏa và kết nối với các tuyến đường trong Vùng Kinh tế trọng điểm phía Bắc đặc biệt là các tuyến đường huyết mạch nối liền các vùng nguyên liệu, vùng sản xuất với hệ thống các cảng biển để lưu thông hàng hóa.

Thứ năm, Về ứng dụng công nghệ thông tin

Để phát triển bền vững, Hải Dương cần thu hút các dự án công nghệ cao, công nghệ tương lai, dịch vụ hiện đại; Chú trọng đến việc đáp ứng yêu cầu của các tập đoàn xuyên quốc gia về thời gian đàm phán, ký thỏa thuận và triển khai thực hiện. Ưu tiên các nhà đầu tư chiến lược; tạo lập chuỗi sản xuất toàn cầu; ưu tiên doanh nghiệp công nghệ cao và chuyển giao công nghệ cho doanh nghiệp Việt Nam.

Trước mắt tỉnh Hải Dương cần giải quyết các vấn đề lớn còn tồn đọng, triển khai các biện pháp mạnh mẽ để tạo môi trường kinh doanh lành mạnh; Các quyền về sở hữu trí tuệ, bản quyền, thương quyền,... được đảm bảo; các vấn đề về cải cách thủ tục hành chính cần được thông thoáng, tạo điều kiện cho các các doanh nghiệp có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, các tập đoàn đa quốc gia, xuyên quốc gia được cấp phép đầu tư trên địa bàn tỉnh.

CHƯƠNG 2. THỰC TRẠNG QUẢN LÝ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH HẢI DƯƠNG

2.1. Tình hình thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của tỉnh Hải Dương

2.1.1. Đặc điểm thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của tỉnh Hải Dương

Tỉnh Hải Dương nằm ở vị trí trung tâm vùng Đồng bằng sông Hồng, thuộc vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, cách Thủ đô Hà Nội khoảng 57 km, gần các thành phố lớn như Hải Phòng, Quảng Ninh, tạo điều kiện thuận lợi cho giao thương và kết nối chuỗi cung ứng. Với hệ thống giao thông phát triển gồm các tuyến cao tốc Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh, quốc lộ 5, đường sắt Bắc – Nam và gần các cảng biển lớn, Hải Dương có lợi thế vượt trội về logistics trong thu hút đầu tư nước ngoài.

Tỉnh hiện có 17 khu công nghiệp với tổng diện tích quy hoạch hơn 3.000 ha, trong đó nhiều khu đã hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật đồng bộ và có tỷ lệ lấp đầy cao. Ngoài ra, nguồn nhân lực dồi dào, chính quyền năng động, chính sách hỗ trợ đầu tư thông thoáng và thủ tục hành chính cải cách mạnh mẽ cũng là những điểm cộng lớn. Hải Dương đặc biệt thu hút các nhà đầu tư trong lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo, công nghệ cao và công nghiệp hỗ trợ. Đây là điểm đến hấp dẫn của nhiều tập đoàn FDI lớn đến từ Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Quốc và châu Âu.

Bảng 2.1: Mô hình SWOT thu hút vốn FDI của tỉnh Hải Dương

Yếu tố	Nội dung phân tích
S - Strengths (Điểm mạnh)	- Tăng trưởng FDI ấn tượng: Năm 2023, Hải Dương thu hút 1.310,5 triệu USD vốn FDI, tăng gấp 3,5 lần so với năm 2022. - Hạ tầng công nghiệp phát triển: Tỉnh có 17 khu công nghiệp với tỷ lệ lấp đầy trung bình khoảng 62,06%, trong đó 12 khu đã đầu tư xây dựng hạ tầng. - Vị trí địa lý thuận lợi: Nằm trong vùng kinh tế trọng điểm Bắc Bộ, gần Hà Nội, Hải Phòng, Quảng Ninh, thuận tiện cho giao thương và logistics. - Chính sách hỗ trợ doanh nghiệp tích cực: Rút ngắn thời gian cấp

Yếu tố	Nội dung phân tích
	giấy chứng nhận đăng ký đầu tư còn 8 ngày, giảm 7 ngày so với quy định.
W–Weaknesses (Điểm yếu)	- Chất lượng nhân lực chưa đồng đều: Thiếu nhân lực am hiểu chuyên sâu về các ngành công nghệ cao. - Chênh lệch chất lượng cán bộ giữa các địa phương: Một số địa phương trong tỉnh còn hạn chế về năng lực quản lý và hỗ trợ nhà đầu tư. - Tỷ lệ lấp đầy khu công nghiệp chưa cao: Tỷ lệ lấp đầy trung bình khoảng 62,06%, còn nhiều diện tích chưa được khai thác hiệu quả.
O – Opportunities (Cơ hội)	- Xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu: Nhiều doanh nghiệp tìm kiếm địa điểm đầu tư mới ngoài Trung Quốc, Việt Nam nói chung và Hải Dương nói riêng là điểm đến tiềm năng. - Chính sách ưu đãi đầu tư của Chính phủ: Việt Nam ký kết nhiều hiệp định thương mại tự do (FTA), tạo điều kiện thuận lợi cho dòng vốn FDI. - Phát triển các khu công nghiệp mới: Tỉnh đang đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng, điều chỉnh quy hoạch, thi công xây dựng hạ tầng và xúc tiến thu hút đầu tư đối với 5 khu công nghiệp với tổng diện tích quy hoạch hơn 1.100 ha.
T – Threats (Thách thức)	Cạnh tranh thu hút FDI từ các địa phương khác: Các tỉnh, thành phố khác cũng đang tích cực cải thiện môi trường đầu tư để thu hút FDI. Biến động kinh tế toàn cầu: Tình hình kinh tế thế giới có nhiều biến động, ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của các doanh nghiệp. Yêu cầu ngày càng cao từ nhà đầu tư: Nhà đầu tư ngày càng yêu cầu cao về hạ tầng, chất lượng nguồn nhân lực và chính sách hỗ trợ.

Nguồn: Tác giả tổng hợp

2.1.2. Bộ máy quản lý thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương

Bộ máy quản lý thu hút vốn FDI thường bao gồm các phòng, ban chuyên

môn sau:

Phòng Đăng ký đầu tư: Phụ trách tiếp nhận, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho các dự án FDI; hướng dẫn nhà đầu tư thực hiện các thủ tục hành chính liên quan đến đầu tư.

Phòng Kinh tế đối ngoại: Tham mưu xây dựng chính sách, kế hoạch xúc tiến đầu tư; tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước; thiết lập và duy trì quan hệ với các tổ chức, doanh nghiệp nước ngoài.

Phòng Tổng hợp: Theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện các dự án FDI; đánh giá hiệu quả đầu tư; báo cáo định kỳ cho UBND tỉnh và các cơ quan liên quan.

Phòng Quản lý khu công nghiệp: Phối hợp với Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh trong việc thu hút và quản lý các dự án FDI trong khu công nghiệp; giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến hoạt động của doanh nghiệp FDI.

Phòng Tài chính - Kế hoạch: Phối hợp trong việc thẩm định năng lực tài chính của nhà đầu tư; theo dõi việc thực hiện nghĩa vụ tài chính của các dự án FDI.

2.1.3. Kết quả thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Hải Dương

2.1.3.1. Số dự án và tổng vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài

Trong những năm qua, cấp ủy, chính quyền các cấp tỉnh Hải Dương đã coi trọng và tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nhiều chủ trương giải pháp nhằm cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của tỉnh. Đẩy mạnh tuyên truyền quán triệt nâng cao nhận thức, tinh thần trách nhiệm trong cán bộ, đảng viên, công chức về mục đích, yêu cầu, nhiệm vụ để tạo sự thay đổi về chất, nâng cao vị thế. Đặc biệt, đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, tập trung nguồn lực đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng, rà soát công tác quy hoạch, xây dựng chính sách và cơ chế hỗ trợ phát triển doanh nghiệp, hỗ trợ giải quyết vướng mắc khó khăn cho nhà đầu tư, chỉ đạo công tác phối hợp giữa các sở, ngành trong quản lý đầu tư... Với tinh thần vào cuộc quyết liệt của cả hệ thống chính trị, môi trường đầu tư kinh doanh trên địa bàn đã có những bước chuyển biến tích cực, điểm số tổng hợp PCI và một số chỉ số thành phần (hỗ trợ doanh nghiệp, tiếp cận đất đai, đào tạo lao động) đã được nâng lên.

Cải cách thủ tục hành chính có chuyển biến tích cực, nhất là về cải cách thủ

tục hành chính (TTHC). Thời gian giải quyết TTHC một số lĩnh vực: đăng ký kinh doanh, thẩm định dự án đầu tư, đất đai, thuế hải quan, xây dựng, cấp phép lao động người nước ngoài, tiếp cận điện năng... đều được rút ngắn đáng kể. Năng lực, hiệu quả quản lý điều hành các cấp được nâng lên. Nhiều khó khăn vướng mắc trong đầu tư kinh doanh từng bước được xử lý, tháo gỡ kịp thời, tạo niềm tin, động lực cho các nhà đầu tư trong, ngoài nước đến với Hải Dương. Do đó, tình hình thu hút vốn FDI của tỉnh Hải Dương giai đoạn 2022 - 2024 đã có nhiều chuyển biến tích cực so với giai đoạn 2020 - 2022.

Bảng 2.2: Tình hình thu hút vốn FDI của tỉnh Hải Dương giai đoạn 2022 - 2024

Năm/ Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
I. Tổng dự án FDI	Dự án	498	541	601
1. Trong KCN	Dự án	259	290	338
2. Ngoài KCN	Dự án	239	251	263
II. Tổng VĐT	Triệu USD	9.249,9	10.320,6	10.955,6
1. VĐT trong KCN	Triệu USD	5.067,3	6.137,9	6.783,8
2. VĐT ngoài KCN	Triệu USD	4.182,6	4.182,7	4.171,8

Nguồn: Sở Kế hoạch - Đầu tư tỉnh Hải Dương

Trong thời kỳ hậu và phục hồi nền kinh tế sau Covid 19 đã tác động lên nền kinh tế toàn cầu khiến các hoạt động thương mại diễn ra kém hiệu quả. Số dự án và VĐT tăng chậm so với giai đoạn trước. Nhưng đã có khởi sắc trong chiến lược hoạt động thu hút dự án FDI trong KCN khi số lượng dự án dần nhiều hơn số dự án ngoài KCN. Cho thấy chính quyền địa phương đã dần chú trọng, quan tâm hơn đến việc hình thành và nâng cao thu hút các KCN, KCX; đi đúng mục tiêu mà Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh xác định “Thích ứng linh hoạt, tăng trưởng bền vững”; vừa tập trung thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 kể cả với biến chủng virus mới, vừa tập trung phát triển kinh tế, ổn định đời sống nhân dân.

Theo bảng 2.2 cho thấy, năm 2022, trên địa bàn tỉnh Hải Dương hiện có 498 dự án đầu tư nước ngoài, với tổng vốn 9.249,9 triệu USD đến từ 26 quốc gia và vùng lãnh thổ (trong KCN 259 dự án, số vốn 5.067,3 triệu USD; ngoài KCN 239 dự

án, số vốn 4.182,6 triệu USD). Năm 2023, tỉnh Hải Dương hiện có 541 dự án đầu tư nước ngoài còn hiệu lực, với tổng vốn 10.320,6 triệu USD đến từ 27 quốc gia và vùng lãnh thổ (*trong KCN 290 dự án, số vốn 6.137,9 triệu USD; ngoài KCN 251 dự án, số vốn 4.182,7 triệu USD*). Đến năm 2024, tỉnh Hải Dương hiện có 601 dự án đầu tư nước ngoài đến từ 27 quốc gia và vùng lãnh thổ, với tổng vốn đăng ký 10.955,6 triệu USD (*trong KCN 338 dự án, số vốn 6.783,8 triệu USD; ngoài KCN 263 dự án, số vốn 4.171,8 triệu USD*). Như vậy, có thể thấy tổng dự án FDI và tổng VĐT đều tăng qua các năm và tốc độ tăng năm sau cao hơn năm trước.

2.1.3.2. Tình hình cấp mới giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trực tiếp nước ngoài

Có thể nói trong thu hút đầu tư nước ngoài trong 3 năm 2020-2022 có nhiều thăng trầm. Ba năm 2020 - 2022 do ảnh hưởng nặng nề của dịch covid 19 toàn cầu, thu hút vốn FDI gặp nhiều khó khăn, dẫn đến lượng dự án cũng như vốn thu hút giảm đáng kể so với 2018,2019. Đến năm 2023 - 2024, tình hình thực hiện cấp mới và điều chỉnh tăng vốn cho các dự án FDI tăng nhanh. Cụ thể như sau:

**Bảng 2.3: Tình hình cấp mới CNĐKĐT tỉnh Hải Dương
giai đoạn 2022-2024**

Năm/ Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
I. Cấp giấy CNĐKĐT mới	Dự án	19	83	71
1. Trong KCN	Dự án	11	56	53
2. Ngoài KCN	Dự án	8	27	18
II. Số vốn đăng ký	Triệu USD	60,8	1.059,8	463,70
1. VĐT trong KCN	Triệu USD	46,7	1.019,6	424,95
2. VĐT ngoài KCN	Triệu USD	14,1	40,2	38,75

Nguồn: Sở Kế hoạch - Đầu tư tỉnh Hải Dương

Năm 2022, cấp mới cho 19 dự án với số vốn đăng ký 60,8 triệu USD (8 dự án nằm ngoài KCN vốn 14 triệu USD, 11 dự án trong KCN vốn 46,7 triệu USD). Năm 2022 thu hút đầu tư nước ngoài đã có dấu hiệu khởi sắc so với cùng kỳ 2021, tăng 15,3%. Mặc dù vốn thu hút dự án cấp mới còn chưa cao so nhưng số vốn đầu tư tăng thêm, tăng đáng kể 53,7% so với cùng kỳ, khi tình hình dịch đã được kiểm soát các nhà đầu tư tập trung phát triển sản xuất kinh doanh Một số dự án tăng vốn

khá như: Dự án nhôm định hình của Công ty TNHH LMS Vina tăng 30 triệu USD, dự án của Công ty TNHH Hitachi Cable Việt Nam tăng 39,3 triệu USD; dự án của C.ty TNHH Kefico tăng 50 triệu USD; dự án sản xuất máy may Fegasus tăng 40,9 triệu USD.

Năm 2023, Cấp mới cho 83 dự án với số vốn đăng ký 1.059,8 triệu USD (27 dự án ngoài KCN, vốn 40,2 triệu USD và 56 dự án trong KCN, vốn 1.019,6 triệu USD); tăng 4,4 lần về số dự án và tăng 17,4 lần về vốn thu hút so với năm 2022. Đến năm 2024, Cấp mới cho 71 dự án FDI đầu tư mới đến từ 9 quốc gia, vùng lãnh thổ, tổng vốn đầu tư đăng ký 463.7 triệu USD (ngoài KCN 18 dự án, vốn đầu tư đăng ký 38,75 triệu USD; trong KCN 53 dự án, vốn đầu tư đăng ký 424,95 triệu), bằng 85,5% số dự án và 43,7% vốn thu hút so với năm 2023. Kết quả cho thấy, năm 2023 số dự án cấp mới tăng gấp hơn 4 lần so với năm 2022, đặc biệt là tăng mạnh trong KCN (tăng 45 dự án). Nguyên nhân tăng mạnh vào năm 2023 là do tỉnh Hải Dương đã có nhiều chính sách tích cực, hấp dẫn thu hút FDI. Đồng thời, do sức hút lớn của các khu công nghiệp với hạn tầng hoàn thiện. Theo thống kê, năm 2023, tỉnh Hải Dương có 17 khu công nghiệp đã thành lập, với tổng diện tích 2.738,7 ha. Trong đó, 11 KCN đã có dự án đầu tư thứ cấp đi vào hoạt động, 2 KCN đang thi công xây dựng hạ tầng và đã tiếp nhận dự án đầu tư thứ cấp, 1 KCN đang thi công xây dựng, và 3 KCN đang thực hiện các thủ tục về đất đai, xây dựng, chưa thi công xây dựng hạ tầng. Tỉnh Hải Dương đã thành lập 60 cụm công nghiệp với tổng diện tích hơn 3.050 ha. Trong đó, 33 cụm công nghiệp được thành lập theo Quyết định số 105/2009/QĐ-TTg ngày 19/8/2009 của Thủ tướng Chính phủ. Đã có 32 cụm công nghiệp có dự án thứ cấp vào hoạt động, thu hút trên 400 dự án đầu tư với tổng số vốn đăng ký đạt khoảng 10.000 tỷ đồng. Tỷ lệ lấp đầy của 32 cụm công nghiệp này đạt trên 80%.

Năm 2024 số dự án cấp mới giảm nhẹ so với năm 2023 nhưng số dự án vẫn cao hơn nhiều so với năm 2022. Nguyên nhân là do năm 2024, tỉnh thực hiện sàng lọc kỹ hơn về chất lượng dự án và do sự cạnh tranh thu hút FDI từ các tỉnh khác nên số dự án mới về tỉnh Hải Dương giảm nhẹ so với năm 2023.

Về tỷ lệ vốn bình quân trên 1 dự án:

Bảng 2.4: Tỷ lệ vốn bình quân trên 1 dự án đăng ký mới tỉnh Hải Dương giai đoạn 2022-2024

Thời gian	Số dự án đăng ký cấp mới	Vốn đăng ký mới (triệu USD)	Tỷ lệ vốn bình quân/1 dự án (triệu USD)
2022	19	60,8	3,20
2023	83	1.059,8	12,77
2024	71	463,70	6,53
Tổng	173	1.584	9,16

Nguồn: Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Hải Dương và tính toán của tác giả

Bảng 2.4 cho thấy tỷ lệ vốn bình quân trên một dự án của năm 2022 ở mức thấp nhất (3,2 triệu USD), đến năm 2023 tỷ lệ này cao nhất bởi số dự án tăng gấp 4 lần so với năm 2022 và số vốn đăng ký mới tăng hơn 17 lần so với năm 2022. Thu hút đầu tư nước ngoài năm 2023 tăng mạnh gấp 3,5 lần so với năm 2022. Đây cũng là lần thứ 2 trong những năm qua vượt mức trên thu hút đầu tư trên 1 tỷ USD vào địa bàn tỉnh. Trong đó vốn cấp mới tăng vượt bậc cả về số lượng dự án cũng như vốn thu hút, tăng gấp 4,4 lần về số lượng dự án và tăng gấp 17,4 lần về số vốn đăng ký. Thu hút một số dự án quy mô vốn khá: Dự án Nhà máy sản xuất công nghệ Bief Crystal, 260 triệu USD của Singapore (*KCN An Phát I*), Dự án văn phòng phẩm Deli vốn 270 triệu USD, Nhà máy sản xuất tấm tế bào quang điện mặt trời Boviet, 120 triệu USD. Tuy nhiên sang năm 2024, tỷ lệ vốn bình quân trên một dự án giảm gần 2 lần so với năm 2023 còn 6,53 triệu USD. Con số này cũng vẫn cao gấp 2 lần so với năm 2022. Điều này cho thấy tỉnh đã thu hút được các nhà đầu tư nước ngoài có tiềm lực về tài chính.

2.1.3.3. Tình hình điều chỉnh giấy chứng nhận đăng ký đầu tư trực tiếp nước ngoài

Năm 2022, tỉnh đã điều chỉnh tăng vốn cho 34 lượt dự án, với số vốn tăng thêm 302,1 triệu USD (08 dự án ngoài KCN vốn tăng 23,4 triệu USD; 26 dự án trong KCN vốn tăng 278,7 triệu USD). Một số dự án tăng vốn khá như: Dự án nhôm định hình của Công ty TNHH LMS Vina tăng 30 triệu USD, dự án của Công ty TNHH Hitachi Cable Việt Nam tăng 39,3 triệu USD; dự án của Công ty TNHH

Kefico tăng 50 triệu USD; dự án sản xuất máy may Fegasus.

**Bảng 2.5: Tình hình điều chỉnh giấy CNĐKĐT tỉnh Hải Dương
giai đoạn 2022-2024**

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
I. Điều chỉnh giấy CNĐKĐT	Dự án	34	38	38
1. Trong KCN	Dự án	26	32	31
2. Ngoài KCN	Dự án	8	6	7
II. Số vốn đăng ký điều chỉnh	Triệu USD	302,1	244,9	284,2
1. Trong KCN	Triệu USD	278,7	234	274,18
2. Ngoài KCN	Triệu USD	23,4	10,9	10,02

Nguồn: Sở Kế hoạch - Đầu tư tỉnh Hải Dương

Năm 2023, điều chỉnh tăng vốn cho 38 lượt dự án, với số vốn tăng thêm 244,9 triệu USD (06 dự án ngoài KCN vốn tăng 10,9 triệu USD; 32 dự án trong KCN vốn tăng 234 triệu USD), bằng 81% số vốn tăng thêm so với năm 2022. Đến năm 2024, điều chỉnh tăng vốn cho 38 lượt dự án, với số vốn tăng thêm 284.2 triệu USD (07 dự án ngoài KCN vốn tăng 5.85 triệu USD; 31 dự án trong KCN vốn tăng 274.18 triệu USD), bằng 116 % số vốn tăng thêm năm 2023. Kết quả cho thấy số lượng điều chỉnh ổn định qua 3 năm và chủ yếu diễn ra trong KCN. Điều này phản ánh nhà đầu tư hiện hữu tiếp tục điều chỉnh mở rộng, thay đổi kế hoạch, chứng tỏ môi trường đầu tư tương đối ổn định.

2.1.3.4. Tình hình thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài theo lĩnh vực đầu tư

Bảng 2.6: Vốn FDI theo lĩnh vực đầu tư tỉnh Hải Dương giai đoạn 2022-2024

Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Lĩnh vực công nghiệp chế biến chế tạo	100%	99,9%	99,9%
Lĩnh vực dịch vụ	0,0%	0,1%	0,1%
Lĩnh vực nông nghiệp	0,0%	0,0%	0,0%

Nguồn: Sở Kế hoạch - Đầu tư tỉnh Hải Dương

Trong năm 2022, mục tiêu, ngành nghề tập trung chủ yếu vào lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo với 437 dự án, tổng vốn 8.672,6 triệu USD, chiếm 100% vốn đăng ký. Năm 2023 thu hút từ nước ngoài vẫn tập trung chủ yếu đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm 99,9% tổng vốn

đầu tư. Trong năm 2023, tỉnh Hải Dương có 3 dự án cấp mới có số vốn quy mô lớn, tập trung chủ yếu trong các KCN như: Dự án Nhà máy sản xuất công nghệ Bief Crystal, 260 triệu USD của Singapore đầu tư trong KCN An Phát 1; Dự án văn phòng phẩm Deli của Trung Quốc vốn 270 triệu USD đầu tư trong KCN Đại An mở rộng; Nhà máy sản xuất tấm tế bào quang điện mặt trời Boviet, 120 triệu USD đầu tư trong KCN Cộng Hòa, Chí Linh. Đến năm 2024 thu hút từ nước ngoài chủ yếu đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo chiếm 99% tổng vốn đầu tư. Các dự án FDI mới chủ yếu ở tập trung ở các khu công nghiệp mới như Đại An mở rộng, Phúc Điền mở rộng, An Phát 1..., với hoạt động sản xuất, kinh doanh chủ yếu trong lĩnh vực năng lượng, công nghiệp chế biến - chế tạo, văn phòng phẩm. Mới đây, Dự án Nhà máy Deli Hải Dương của Công ty Hữu hạn Tập đoàn Deli (Trung Quốc) được khởi công xây dựng tại Khu công nghiệp Đại An mở rộng. Dự án có tổng mức đầu tư 270 triệu USD (được cấp giấy chứng nhận đầu tư cuối năm 2023). Nhà máy được xây dựng trên diện tích 212.480 m², tạo điều kiện cho Deli sản xuất văn phòng phẩm, hàng gia dụng và thiết bị giáo dục, với công suất hơn 104 triệu sản phẩm/năm.

Với những cố gắng nỗ lực, quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị tỉnh Hải Dương đã tạo một môi trường thu hút đầu tư thông thoáng, cởi mở “*Mở cửa chào đón các nhà đầu tư*” của lãnh đạo tỉnh Hải Dương. Những kết quả trên đã ghi nhận những tín hiệu tích cực trong thu hút đầu tư FDI vào tỉnh Hải Dương trong thời gian qua. Thực tế cho thấy, sau dịch bệnh covid-19, bên cạnh thuận lợi do nền kinh tế đang phục hồi, kinh tế thế giới vẫn còn nhiều biến động (về chính trị và suy thoái kinh tế) đã ảnh hưởng không nhỏ đến hoạt động thu hút đầu tư và phát triển kinh tế, xã hội của đất nước. Tuy nhiên, với những cố gắng nỗ lực vượt bậc của các cấp chính quyền tỉnh Hải Dương, cùng với môi trường đầu tư kinh doanh thông thoáng, cởi mở của tỉnh Hải Dương đã tạo được sức hấp dẫn lớn đối với các nhà đầu tư FDI, được các nhà đầu tư nước ngoài quan tâm, tin tưởng và quyết định lựa chọn là điểm đến đầu tư tin cậy.

2.1.3.5. Tình hình thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài theo đối tác đầu tư

Hiện tại, tỉnh Hải Dương đã thành lập được 17 khu công nghiệp với tổng

diện tích theo quy hoạch chi tiết khoảng 2.738ha. 12 trong tổng số 17 khu công nghiệp đã được đầu tư xây dựng hạ tầng, khai thác kinh doanh; 4 khu công nghiệp đang thực hiện công tác giải phóng mặt bằng, xây dựng kết cấu hạ tầng, thu hút đầu tư; 1 khu công nghiệp đang triển khai các thủ tục liên quan để thực hiện công tác giải phóng mặt bằng.

Xác định hạ tầng là lợi thế cạnh tranh để tạo ưu thế trong thu hút đầu tư, Hải Dương đã tập trung hoàn thiện hệ thống hạ tầng giao thông, kỹ thuật, sẵn sàng bảo đảm các tiêu chí cứng, đáp ứng các điều kiện phục vụ sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp. Bên cạnh đó, các khu công nghiệp, cụm công nghiệp mới cũng đang được triển khai khẩn trương để đón nhà đầu tư. Ngoài 12 khu công nghiệp đang được vận hành, khai thác, tỉnh đã quyết tâm giải phóng mặt bằng, sớm xây dựng hạ tầng cho 5 khu công nghiệp mới. Hải Dương đã và đang là một địa điểm hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài và nhà đầu tư lớn trong nước. Lãnh đạo tỉnh Hải Dương luôn cam kết tạo điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư và coi thành công của các nhà đầu tư, doanh nghiệp là nguồn lực đặc biệt quan trọng để thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Từ đó thu hút được nhiều nhà đầu tư từ các quốc gia khác nhau. Cụ thể:

Năm 2022 có 9 quốc gia, vùng lãnh có dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh. Hoa Kỳ đứng thứ nhất có 01 dự án với tổng vốn 18 triệu USD, Trung Quốc đứng thứ hai có 4 dự án, vốn 17,9 triệu USD, đứng thứ ba là Hồng Kông với 3 dự án, vốn đầu tư 12,4 triệu USD tiếp đến là Singapore, Hàn Quốc, Nhật Bản, Đài Loan, Thái Lan.

Năm 2023 có 15 quốc gia, vùng lãnh có dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh. Các dự án đầu tư tập trung vào các nước Châu Á. Trung Quốc đứng thứ nhất có 26 dự án, vốn 473,2 triệu USD, Singapore đứng thứ hai có 7 dự án với tổng vốn 283,2 triệu USD, đứng thứ ba là Hồng Kông với 24 dự án, vốn đầu tư 165,8 triệu USD Nhật Bản với 3 dự án, vốn đầu tư 32,8 triệu USD tiếp đến là Seychelles, Nhật Bản, Hàn Quốc, CHLB Đức, Đài Loan,...

Ban Quản lý các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương đã cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư cho 45 dự án FDI mới với tổng vốn đầu tư 771,39 triệu USD. Điều chỉnh tăng vốn đầu tư cho 26 lượt dự án với tổng vốn tăng thêm 117,77 triệu USD.

Trong đó có một số khu công nghiệp thu hút được nhiều dự án FDI mới là Đại An mở rộng, An Phát 1, Lương Điền - Cẩm Điền, Lai Cách... Những dự án FDI mới chủ yếu đầu tư vào lĩnh vực công nghiệp chế tạo, chế biến, điện, điện tử đến từ các quốc gia, vùng lãnh thổ Hồng Kông, Singapore, Hàn Quốc, Trung Quốc, Đài Loan... với công nghệ sản xuất tiên tiến, hiện đại, ít gây ô nhiễm môi trường. Số vốn đầu tư từ nước ngoài đa phần đến từ các quốc gia và vùng lãnh thổ châu Á (90%), còn lại từ các nước châu Mỹ, châu Âu. Trong đó, Hồng Kông (Trung Quốc) là nhà đầu tư FDI lớn nhất trong tỉnh Hải Dương với tỷ lệ 40% tổng vốn đăng ký, theo sau đó là Nhật Bản (16,3%).

Vốn FDI từ Hàn Quốc chiếm 15,4% - đứng thứ ba và Đài Loan đứng thứ tư (7,8%). Đến nay, các khu công nghiệp trên địa bàn Hải Dương đã thu hút 278 dự án FDI thứ cấp đến từ 23 quốc gia và vùng lãnh thổ với tổng vốn đầu tư đăng ký khoảng 5,87 tỷ USD. Đáng chú ý, cùng với số lượng các nhà đầu tư nước ngoài đến với địa phương tăng mạnh, hiện Hải Dương có 15 dự án FDI do kiều bào đầu tư với tổng vốn 45 triệu USD. Trong số này có 1 dự án ngoài khu công nghiệp và 14 dự án trong khu công nghiệp, đầu tư ở các lĩnh vực may mặc, kinh doanh hạ tầng khu công nghiệp. Một số điển hình như Công ty TNHH Home Deco Việt Nam của Việt kiều Canada đầu tư dự án sản xuất chăn, ga, gối đệm với tổng vốn 1,6 triệu USD. Còn lại 14 dự án do Việt kiều Anh đầu tư với các dự án may mặc, xây dựng, kinh doanh hạ tầng kỹ thuật khu công nghiệp. Công ty TNHH Quốc tế Nam Tài ngoài dự án may mặc 650.000 USD còn đầu tư dự án khu công nghiệp Phú Thái khoảng 19 triệu USD...

Theo tổng kết của UBND tỉnh Hải Dương, trong những năm qua vốn FDI luôn chiếm từ 35% - 40% cơ cấu vốn đầu tư toàn xã hội của tỉnh. Các doanh nghiệp FDI đóng góp trên 60% giá trị sản xuất công nghiệp toàn tỉnh, là thành tố quan trọng nâng cao năng lực sản xuất công nghiệp trong quá trình thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế trên địa bàn tỉnh.

Năm 2024 có 9 quốc gia, vùng lãnh có dự án đầu tư trên địa bàn tỉnh. Các dự án đầu tư tập trung vào các nước Châu Á. Trung Quốc đứng thứ nhất có 32 dự án, vốn 192.3 triệu USD, đứng thứ hai là Hồng Kông với 17 dự án, vốn đầu tư 85,2

triệu USD; thứ ba là Đài Loan với 5 dự án, vốn đầu tư 32,3 triệu USD tiếp đến là Hàn Quốc, Samoa,...

2.1.4.5. Đóng góp của khu vực FDI vào sự tăng trưởng kinh tế của tỉnh Hải Dương

**Bảng 2.7: Tình hình thực hiện dự án đầu tư của DN FDI trong các KCN
giai đoạn 2022-2024**

Chỉ tiêu	Đơn vị	2022	2023	2024
Dự án đang hoạt động	Dự án	440	460	510
Doanh thu	Triệu USD	6.700	8.000	9.000
Giá trị xuất khẩu	Triệu USD	5.900	7.000	7.900
Giá trị nhập khẩu	Triệu USD	4.500	5.200	6.100
Thuế và các khoản nộp NSNN	Triệu USD	400	530	550
Tổng số lao động	Người	220.000	230.000	230.000

Nguồn: Sở Kế hoạch - Đầu tư tỉnh Hải Dương

Theo số liệu từ Sở Kế hoạch - Đầu tư Hải Dương cho thấy, tỉnh đang đi đúng hướng “chú trọng phát triển các KCN, tăng cường thu hút đầu tư, trở thành điểm đến hấp dẫn”. Số các dự án FDI đang hoạt động tại các KCN vẫn tăng đều và mang lại nguồn doanh thu hiệu quả. Bên cạnh đó, các chỉ tiêu giá trị xuất khẩu, giá trị nhập khẩu, thuế và các khoản nộp NSNN, tổng số lao động đều khả quan.

Năm 2022, có 440 dự án đang hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2022 dịch bệnh đã được kiểm soát, các doanh nghiệp đã bắt tay vào khôi phục sản xuất. Mặc dù còn gặp nhiều khó khăn về thiếu hụt lao động, chi phí sản xuất, chi phí vận chuyển tăng cao mà doanh nghiệp đang phải đối mặt khi thích nghi với trạng thái “bình thường mới”, một số chỉ tiêu chính tăng so với cùng kỳ năm 2021 và đạt được như sau: Doanh thu năm 2022 của các doanh nghiệp FDI đạt 6.700 triệu USD tăng 21,2% so với cùng kỳ năm 2021 (5.524 triệu USD); trong đó giá trị xuất khẩu đạt 5.900 triệu USD, tăng 29,5% so với cùng kỳ 2021 (4.553 triệu USD). Nhập khẩu đạt 4.500 triệu USD, tăng 39,5% so với cùng kỳ năm 2021 (3.225 triệu USD). Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước đạt 400 triệu USD, tăng 33,3% so cùng kỳ năm 2021 (300 triệu USD). Tổng số lao động làm việc trực tiếp tại các doanh

ng nghiệp FDI đạt khoảng trên 220.000 người cùng hàng ngàn lao động gián tiếp khác.

Năm 2023, tổng vốn đầu tư thực hiện năm 2023 của các doanh nghiệp FDI ước đạt khoảng 800 triệu USD tăng 6,7% so cùng kỳ năm 2023, nâng tổng vốn đầu tư thực hiện của các doanh nghiệp FDI tại địa bàn đạt khoảng 8.520 triệu USD. Tỉnh có 460 dự án đang hoạt động sản xuất kinh doanh. Năm 2023, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp tương đối ổn định. Mặc dù chịu ảnh hưởng khó khăn và nhiều bất lợi của nền kinh tế đến hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng các doanh nghiệp vẫn nỗ lực duy trì hoạt động và đạt số chỉ tiêu chính tăng so với cùng kỳ năm 2022 và đạt được như sau: Doanh thu năm 2023 của các doanh nghiệp FDI đạt 8.000 triệu USD tăng 19,4 % so với cùng kỳ năm 2022 (6.700 triệu USD); trong đó giá trị xuất khẩu đạt 7.000 triệu USD, tăng 18,6 % so với cùng kỳ năm 2022 (5.900 triệu USD). Nhập khẩu đạt 5.200 triệu USD, tăng 15,6% so với cùng kỳ năm 2022 (4.500 triệu USD). Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước đạt 530 triệu USD, tăng 13% so cùng kỳ năm 2022 (400 triệu USD). Tổng số lao động làm việc trực tiếp tại các doanh nghiệp FDI đạt khoảng trên 230.000 người.

Năm 2024, tổng vốn đầu tư thực hiện năm 2024 của các doanh nghiệp FDI đạt khoảng 950 triệu USD tăng 18,75 % so với năm 2023, nâng tổng vốn đầu tư thực hiện của các doanh nghiệp FDI tại địa bàn đạt khoảng 9.470 triệu USD. Tỉnh có 510 dự án đang hoạt động sản xuất kinh doanh. Năm 2024, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp tương đối ổn định. Mặc dù chịu ảnh hưởng khó khăn và nhiều bất lợi của nền kinh tế đến hoạt động sản xuất kinh doanh nhưng các doanh nghiệp vẫn nỗ lực duy trì hoạt động và đạt số chỉ tiêu chính tăng so với cùng kỳ năm 2023 và đạt được như sau: Doanh thu năm 2024 của các doanh nghiệp FDI đạt 9.000 triệu USD tăng 12,5 % so với cùng kỳ năm 2023 (8.000 triệu USD); trong đó giá trị xuất khẩu đạt 7.900 triệu USD, tăng 12,8 % so với cùng kỳ năm 2023 (7000 triệu USD). Nhập khẩu đạt 6.100 triệu USD, tăng 17,3% so với cùng kỳ năm 2023 (5.200 triệu USD). Thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước đạt 550 triệu USD, tăng 3,8% so cùng kỳ năm 2023 (530 triệu USD). Tổng số lao động làm việc trực tiếp tại các doanh nghiệp FDI đạt khoảng trên 230.000 người.

2.2. Thực trạng quản lý thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương

2.2.1. Thực trạng lập kế hoạch thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương

2.2.1.1. Nhu cầu và đối tượng thu hút vốn đầu tư FDI của tỉnh Hải Dương

Theo những nhận định cơ bản trong quá trình thu hút vốn đầu tư FDI trên địa bàn tỉnh Hải Dương, chiến lược thu hút nguồn vốn FDI cũng như định hướng phát triển của tỉnh, Sở KH&ĐT tỉnh Hải Dương đã chủ động đề ra danh mục dự án thu hút đầu tư phát triển ngành công nghiệp đến năm 2030. Đồng thời có sự phân bổ cụ thể các lĩnh vực thu hút vào từng địa bàn các khu công nghiệp, phù hợp để đảm bảo việc quy hoạch có đồng bộ và thuận lợi trong hoạt động sản xuất. Công tác thu hút vốn đầu tư vào các Khu Công nghiệp cũng được xác định ở một số các lĩnh vực: công nghệ tự động hóa và cơ điện tử, công nghệ vật liệu mới, các ngành công nghiệp thân thiện với môi trường, công nghiệp hỗ trợ trong lĩnh vực cơ khí, cơ khí chính xác, điện, điện tử... Thành phố đã từ chối một số dự án có nguy cơ gây ô nhiễm môi trường đặt nhu cầu đầu tư vào các Khu Công nghiệp mới của tỉnh cho dù vốn đầu tư rất lớn.

Tuy nhiên ta có thể thấy, Ban Quản lý các KCN, Trung tâm Xúc tiến và Hỗ trợ đầu tư thành phố mới ở cấp độ đề ra các danh mục dự án thu hút theo lĩnh vực đầu tư chứ chưa vạch ra được mục tiêu cụ thể, có danh mục dự án với đối tượng cụ thể để nhắm đến tiến hành các hình thức thu hút đầu tư. Vì điều này cũng còn phải phụ thuộc vào quá trình nghiên cứu, tìm hiểu và đưa ra quyết định đầu tư của nhà đầu tư.

Đối với việc xác định đối tượng thu hút đầu tư:

Thực hiện việc phân tích dòng vốn đầu tư nước ngoài vào khu vực Asean, nhận định xu thế của các dòng đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam: Các nước phát triển tại Châu Á như Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore... đang tăng tốc độ vốn vào Đông Nam Á để tìm kiếm sự tăng trưởng năng động thay thế cho Trung Quốc. Bên cạnh đó, các công ty đa quốc gia của Mỹ và Châu Âu cũng đã bắt đầu chú ý nhiều hơn đến Đông Nam Á, là một điểm đến thu hút nhiều nhà đầu tư của các

nước, chất lượng FDI vào Việt Nam cũng đang được cải thiện. Nhận định được các xu hướng chuyển dịch các dòng vốn trên, Tỉnh xác định và thực hiện chủ động kêu gọi đầu tư từ các thị trường trọng điểm: Các tập đoàn đa quốc gia, xuyên quốc gia từ Nhật Bản, Hàn Quốc, Hoa Kỳ, lãnh thổ Đài Loan (Trung Quốc), một số quốc gia Châu Âu (Đức, Anh, Pháp) và các nước ASEAN. Theo đó, đối tượng tiềm năng để thu hút các dự án đầu tư vào KCN cũng được chú trọng ở các quốc gia trên. Tuy nhiên, các dự án đầu tư vào Khu công nghiệp tập trung vào các nước trên, với lĩnh vực đầu tư chủ yếu vào các lĩnh vực chế biến, chế tạo, một số dự án thuộc các ngành công nghiệp hỗ trợ, tuy nhiên phần lớn cũng chỉ ở mức quy mô nhỏ.

2.2.1.2. Xác định mục tiêu thu hút vốn đầu tư FDI của tỉnh Hải Dương

Lập kế hoạch thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) là một nhiệm vụ trọng tâm của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương tỉnh nhằm thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội tại địa phương. Kế hoạch này thường được xây dựng hàng năm hoặc theo giai đoạn trung và dài hạn. Dưới đây là nội dung cơ bản của kế hoạch thu hút vốn FDI mà Sở KH&ĐT tỉnh Hải Dương xây dựng và triển khai:

Mục tiêu thu hút FDI của tỉnh Hải Dương giai đoạn 2022 – 2024:

- Mục tiêu tổng quát
- + Thu hút FDI chất lượng cao, thân thiện với môi trường, sử dụng công nghệ hiện đại.
- + Chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa.
- + Tăng tỷ trọng doanh nghiệp FDI trong các lĩnh vực công nghiệp công nghệ cao, chế biến – chế tạo, logistics.
- + Đảm bảo phát triển bền vững, hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế và bảo vệ môi trường
- Mục tiêu cụ thể:

Bảng 2.8: Chỉ tiêu thu hút vốn FDI đến năm 2024 của tỉnh Hải Dương

Nội dung	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Tổng vốn FDI đăng ký mới và điều chỉnh	Tỷ USD	Đạt từ 1,5 – 1,8 tỷ USD	Đạt từ 1,8 - 2,0 tỷ USD	Đạt từ 2,0 – 2,5 tỷ USD
Tăng trưởng vốn FDI trung bình	%	15 – 20%/năm	15 – 20%/năm	15 – 20%/năm
Tăng số lượng dự án FDI mới	Dự án	100 – 130 dự án mới	130 – 150 dự án mới	150 – 180 dự án mới
Tỷ lệ dự án công nghệ cao / tổng số dự án FDI	%	Trên 50%	Trên 50%	Trên 50%
Giá trị gia tăng nội địa	%	Tăng tỷ lệ nội địa hóa trong chuỗi sản xuất FDI lên 25%	Tăng tỷ lệ nội địa hóa trong chuỗi sản xuất FDI lên 25%	Tăng tỷ lệ nội địa hóa trong chuỗi sản xuất FDI lên 30%
Việc làm cho lao động địa phương	Người	Tạo việc làm cho từ 20.000 – 30.000 lao động	Tạo việc làm cho từ 20.000 – 30.000 lao động	Tạo việc làm cho từ 30.000 – 40.000 lao động

Nguồn: Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Hải Dương và tính toán của tác giả

Quán triệt chủ trương phát triển công nghiệp và tiểu thủ công nghiệp theo tinh thần Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh, trong những năm qua, tỉnh Hải Dương đã triển khai đồng bộ các chính sách và giải pháp nhằm khuyến khích thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài, góp phần phát triển kinh tế - xã hội, chuyển dịch cơ cấu ngành kinh tế và tăng cường xuất khẩu, từ đó thúc đẩy quá trình công nghiệp hóa, hiện đại hóa một cách nhanh chóng. Tăng cường đầu tư xây dựng các khu công nghiệp, cụm công nghiệp hiện có. Tiếp tục phát triển mới các khu công nghiệp và khu đô thị; xây dựng các khu vui chơi giải trí hiện đại. Chủ động trong quy hoạch xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, chuẩn bị mặt bằng để thu hút các nhà đầu tư có uy tín phát triển các ngành công nghiệp có giá trị gia tăng cao, công nghệ hiện đại, sản phẩm xuất khẩu tạo nguồn thu cho ngân sách ở các khu công nghiệp, đô thị và sử dụng nhiều lao động ở các vùng nông thôn. Đồng thời, có chính sách kêu gọi thu hút đầu tư nước ngoài, tạo môi trường kinh doanh thuận lợi, thông thoáng, có sức hấp dẫn đối

với các nhà đầu tư. Nâng cao năng lực thẩm định, cấp phép đầu tư và dự án đầu tư đảm bảo sử dụng hiệu quả sử dụng đất công nghiệp, phát triển sản xuất và giảm thiểu mức ô nhiễm môi trường. Tạo chuyển biến cơ bản trong thu hút đầu tư nước ngoài. Ưu tiên phát triển các ngành công nghệ cao, công nghiệp chế biến, cơ khí và điện, điện tử, công nghệ thông tin,... Đẩy mạnh đầu tư xây dựng, mở rộng và nâng cấp các đô thị hiện có theo hướng hiện đại. Trong đó, tỉnh Hải Dương tập trung thu hút vào các khu công nghiệp, cụm công nghiệp có quy hoạch đồng bộ như: KCN Đại An, Tân Trường, Nam Sách, Cẩm Giàng, Lai Vu... Phát triển các khu công nghiệp mới (ví dụ KCN An Phát 1, KCN Gia Lộc, KCN Bình Giang) để đón đầu dòng vốn mới. Ưu tiên các dự án FDI gắn với hạ tầng giao thông quan trọng: đường cao tốc Hà Nội - Hải Phòng, quốc lộ 5, quốc lộ 18.

Một số giải pháp định hướng để thực hiện mục tiêu trên được Sở KH&ĐT tỉnh Hải Dương đề xuất gồm: Cải cách thủ tục hành chính: rút ngắn thời gian cấp phép, hỗ trợ sau cấp phép; Tăng cường xúc tiến đầu tư có chọn lọc: tập trung vào Nhật Bản, Hàn Quốc, EU, Mỹ, Singapore...; Chuẩn bị sẵn quỹ đất sạch và hạ tầng KCN đáp ứng tiêu chuẩn quốc tế; Đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, kết nối nhà đầu tư với các trường đại học, cao đẳng nghề.

2.2.2. Thực trạng tổ chức thực hiện thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương

2.2.2.1. Xây dựng các chính sách hỗ trợ ưu đãi đầu tư trực tiếp nước ngoài

- Chính sách ưu đãi về thuế:

Theo Thông tư số 78/2014/TT-BTC: Mức thuế suất thuế thu nhập hiện hành là 20%. Để xác định một dự án đầu tư được hưởng ưu đãi CIT (ưu đãi thuế thu nhập doanh nghiệp từ 5%-17%) ở mức nào cần có thông tin về địa bàn thực hiện dự án và mục tiêu, lĩnh vực dự án. Cụ thể, dự án đầu tư sẽ được hưởng các ưu đãi sau nếu đủ điều kiện. Ưu đãi về thuế TNDN:

+ Áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% trong vòng 15 năm đối với các dự án mới tại địa bàn đặc biệt khó khăn, khu kinh tế, khu công nghệ cao, các lĩnh vực khoa học và công nghệ cao, lĩnh vực sản xuất vốn đầu tư tối thiểu 6000 tỷ

đồng; lĩnh vực bảo vệ môi trường, sản xuất sản phẩm công nghiệp hỗ trợ.

+ Áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 17% trong vòng 10 năm đối với các dự án mới tại địa bàn kinh tế đặc biệt khó khăn, một số dự án đầu tư mới, quỹ tín dụng nhân dân, tổ chức tài chính vi mô

+ Áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% không quá 30 năm đối với các lĩnh vực khoa học công nghệ, lĩnh vực bảo vệ môi trường

+ Áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 10% đối với các DN thực hiện hoạt động xã hội hóa, kinh doanh nhà ở xã hội, cơ quan báo chí, nông- lâm- diêm nghiệp

Theo QĐ số 3149/2002/QĐ-UB của UBND Tỉnh Hải Dương về ưu đãi khuyến khích đầu tư vào các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Hải Dương

Ngoài các quy định của Nhà nước về miễn, giảm thuế thu thập doanh nghiệp nói trên; Nhà đầu tư, đầu tư vào KCN được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh bằng 100% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp 02 năm đầu và 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho một năm tiếp theo kể từ khi Nhà đầu tư phải nộp thuế theo quy định.

Tỉnh Hải Dương hiện không nằm trong danh mục địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, do vậy khi xét về địa bàn đầu tư, doanh nghiệp có dự án đầu tư mới sẽ không được hưởng các mức ưu đãi 10% trong 15 năm, 17% trong 10 năm. Nếu dự án đầu tư mới của doanh nghiệp cũng không thuộc các nhóm lĩnh vực như đã liệt kê ở trên, doanh nghiệp đầu tư vào khu công nghiệp tại Hải Dương sẽ áp dụng mức thuế suất 20% - mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành theo Thông tư 78/2014/TT-BTC.

- Ưu đãi thời gian miễn, giảm thuế

Để được hưởng ưu đãi “miễn 4 giảm 9”, doanh nghiệp cần có dự án đầu tư mới trong các lĩnh vực xã hội hóa, cơ quan báo in, nông-lâm-diêm nghiệp hoặc các lĩnh vực công nghệ cao, nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.

Ngoài các trường hợp đó, khi đầu tư vào khu công nghiệp tại Hải Dương, doanh nghiệp sẽ hưởng ưu đãi “miễn 2 giảm 4”: Miễn thuế tối đa không quá 2 năm và giảm 50% số thuế phải nộp không quá 4 năm tiếp theo.

- Chính sách về giá thuê đất và miễn, giảm tiền thuê đất

Ngoài các quy định của Nhà nước về giá thuê đất và miễn, giảm tiền thuê

đất, Nhà đầu tư có vốn đầu tư vào KCN trên địa bàn tỉnh Hải Dương được thuê đất với mức giá thấp nhất theo khung giá thuê đất công nghiệp do UBND tỉnh quy định; được miễn tiền thuê đất trong 10 năm và giảm 50% số tiền thuê đất cho 10 năm tiếp theo. Không thu tiền thuê đất đối với diện tích đất xây dựng nhà ở tập thể cho công nhân, đất trồng cây xanh và đất phục vụ phúc lợi công cộng.

- Chính sách Ưu đãi về vốn đầu tư

Các dự án đầu tư vào KCN được ưu tiên bố trí vốn tín dụng ưu đãi theo kế hoạch nhà nước hàng năm (nếu có nhu cầu vay vốn đầu tư), hoặc được cấp giấy phép ưu đãi đầu tư để hỗ trợ lãi suất sau đầu tư theo kế hoạch đầu tư hàng năm của tỉnh.

- Chính sách Ưu đãi lãi suất vay vốn và phí cung cấp các dịch vụ của ngân hàng và các tổ chức tín dụng

+ Ưu đãi lãi suất vay vốn là lãi suất cho thuê tài chính:

Các dự án đầu tư vào KCN được các Ngân hàng thương mại quốc doanh trên địa bàn tỉnh cho vay ngắn hạn, trung hạn, dài hạn và cho thuê tài chính với lãi suất giảm 10% so với lãi suất cho vay vốn và lãi suất cho thuê tài chính đối với khách hàng bình thường.

+ Ưu đãi phí cung cấp các dịch vụ ngân hàng:

Các ngân hàng thương mại quốc doanh trên địa bàn tỉnh thu phí thanh toán qua ngân hàng và các dịch vụ khác do ngân hàng cung cấp với mức thấp nhất trong khung phí hiện hành do ngân hàng cấp trên quy định; miễn thu phí dịch vụ tư vấn vay vốn và tư vấn xây dựng dự án kinh tế khi ngân hàng tư vấn cho doanh nghiệp; giảm từ 10% đến 15% mức phí cung cấp thông tin phòng ngừa rủi ro.

- Chính sách Hỗ trợ kinh phí đào tạo nghề cho lao động địa phương

Trên cơ sở nhu cầu lao động, các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đầu tư vào KCN được cung cấp lao động đã qua đào tạo. Trong trường hợp các doanh nghiệp có nhu cầu đào tạo riêng, ngân sách tỉnh sẽ hỗ trợ 50% kinh phí đào tạo nghề trong nước cho một lao động của địa phương nhưng tối đa không quá một triệu đồng cho một lao động trong cả khóa đào tạo. Số tiền trên tỉnh sẽ cấp cho các Trung tâm dạy nghề của tỉnh để đào tạo cho các doanh nghiệp có nhu cầu.

- Chính sách Ưu đãi về thông tin quảng cáo và khuyến khích vận động đầu tư

vào KCN

- Các doanh nghiệp đầu tư vào KCN trên địa bàn tỉnh Hải Dương được giảm 50% chi phí thông tin quảng cáo trên Đài phát thanh và truyền hình Hải Dương và Báo Hải Dương, thời gian 03 năm kể từ khi dự án đi vào hoạt động.

- Tỉnh sẽ tạo điều kiện về kinh phí và thời gian cho các ngành, các địa phương, Ban quản lý KCN cùng với Công ty xây dựng hạ tầng KCN tổ chức vận động các nhà doanh nghiệp trong nước và nước ngoài đầu tư vào KCN.

- Thưởng 01 lần cho tổ chức, cá nhân vận động được nhà doanh nghiệp đầu tư vào KCN khi dự án đi vào hoạt động. Mức thưởng như sau:

Bảng 2.9: Mức thưởng cho tổ chức, cá nhân vận động đầu tư vào KCN khi dự án đi vào hoạt động tại Hải Dương

Mức thưởng (triệu đồng)	Quy mô dự án đầu tư (triệu USD)
5	Dưới 2
10	Từ 2 – 5
20	Trên 5

Nguồn: Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Hải Dương

Nhìn chung, các chính sách thu hút vốn FDI tại Hải Dương như chính sách thuế, chính sách về giá thuê đất, chính sách tín dụng, chính sách hỗ trợ doanh nghiệp, đào tạo nguồn lao động, giải quyết các thủ tục cấp phép đầu tư cho doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài mà Tỉnh đề ra là khá đồng bộ, tạo điều kiện tối đa cho các nhà đầu tư, trong đó có nhà đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Tuy nhiên, tỉnh còn thiếu cơ chế giám sát việc thực hiện các chính sách này, đối với các huyện, thị xã, thành phố trên địa bàn tỉnh Hải Dương, cũng như ban quản lý các khu công nghiệp, việc thực hiện các chính sách ưu đãi trên đã thực sự hiệu quả hay chưa, tránh tình trạng chính sách không được áp dụng vào thực tiễn do một bộ phận cơ quan, đơn vị, cá nhân... chưa làm tốt trách nhiệm được phân quyền của mình.

2.2.2.2. Xúc tiến quảng bá thu hút vốn FDI

Các chương trình quảng bá hình ảnh và xúc tiến thu hút đầu tư liên tục được tổ chức dưới hình thức hội thảo, gặp gỡ, trao đổi kinh nghiệm, tham quan các nước

được ITPC tổ chức chuyên nghiệp, gây được tiếng vang lớn trong nước và khu vực. Đây là công cụ giúp quảng bá hình ảnh tỉnh Hải Dương một cách hiệu quả, và cũng cho các doanh nghiệp FDI nhìn thấy điều kiện lợi thế và thiện chí của chính quyền trong thu hút đầu tư FDI vào địa phương. Trong giai đoạn từ 2022 - 2024, Tỉnh Hải Dương đã tổ chức các cuộc kết nối giao thương trực tuyến giữa doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh với doanh nghiệp các nước như: Singapore, Đức, Pháp, Úc, Indonesia, Lào, An Độ, Malaysia, Myanmar, Hoa Kỳ, Liên minh Châu Âu, Nhật Bản, Pháp, Senegal (Tây Phi), Ý trong lĩnh vực thiết bị y tế, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, công nghiệp hỗ trợ, thực phẩm chế biến, nông sản, túi thân thiện môi trường,...

Ngoài việc chuẩn bị sẵn sàng mọi điều kiện về cơ sở hạ tầng, nguồn nhân lực, cải cách thủ tục hành chính về đầu tư nhằm tạo môi trường đầu tư thông thoáng thì việc cung cấp thông tin, hướng dẫn hỗ trợ giải quyết mọi vấn đề liên quan đến đầu tư cần có một tổ chức thông tin, tư vấn và xúc tiến đầu tư để thực hiện. Trung tâm thông tin xúc tiến, hỗ trợ đầu tư được thành lập đã góp phần tích cực thu hút các dự án đầu tư nước ngoài. Tại đây, nhà đầu tư được hướng dẫn về quy trình, thủ tục đầu tư, được tư vấn, cung cấp thông tin liên quan đến hoạt động đầu tư, thuê đất, giải phóng mặt bằng, thuế, lao động, sở hữu trí tuệ, bản quyền, nhãn hiệu hàng hoá bằng ngôn ngữ của nhà đầu tư,... cũng như tiếp nhận những thông tin phản ánh từ doanh nghiệp báo cáo trực tiếp Bí thư Tỉnh ủy và Chủ tịch UBND tỉnh để kịp thời chỉ đạo, giải quyết cho doanh nghiệp.

Xây dựng tài liệu phục vụ cho công tác xúc tiến đầu tư: Căn cứ vào mục tiêu, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh trong Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hải Dương đến 2030. Tăng cường phối hợp với các cơ quan thông tấn, báo chí có uy tín của TW và địa phương quảng bá hình ảnh địa phương, giới thiệu cơ hội đầu tư, tiềm năng hợp tác phát triển kinh tế của tỉnh. Đổi mới, cập nhật và nâng cao chất lượng các tài liệu, ấn phẩm, video tuyên truyền đầu tư trên địa bàn tỉnh để tạo sức hấp dẫn cho nhà đầu tư nước ngoài.

Thực hiện tuyên truyền, giới thiệu về môi trường đầu tư tỉnh Hải Dương trên các phương tiện thông tin đại chúng, trên trang website, các báo, tạp chí của Trung ương và địa phương nhằm giới thiệu với các nhà đầu tư tại các hội thảo xúc tiến đầu

tư, hội chợ triển lãm, phục vụ các cuộc tiếp khách, các chuyến công tác nước ngoài của lãnh đạo tỉnh và lãnh đạo các sở, ban, ngành. Công tác xúc tiến đầu tư được coi trọng. Đặc biệt việc tổ chức các Đoàn công tác của tỉnh đi quảng bá, xúc tiến đầu tư ở nước ngoài (Nhật Bản , Hàn Quốc...) hàng năm đã góp phần gia tăng sự hiểu biết của các cơ quan, tổ chức và các nhà đầu tư về Hải Dương, tạo ra hình ảnh Hải Dương là một điểm đến an toàn và hấp dẫn đối với các nhà đầu tư.

Xây dựng các mối quan hệ hỗ trợ trong công tác xúc tiến đầu tư: Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban quản lý các KCN tỉnh đã chủ động thiết lập quan hệ và trao đổi thông tin với các cơ quan ngoại giao, kinh tế, thương mại của các nước (Đại sứ quán Nhật Bản, Jetro, Jica - Nhật Bản; Đại sứ quán Hàn Quốc , Kotra, Koica - Hàn Quốc) đồng thời phối hợp chặt chẽ với Trung tâm xúc tiến đầu tư phía Bắc để tranh thủ sự hỗ trợ của Bộ Kế hoạch và Đầu tư trong công tác xúc tiến đầu tư nước ngoài vào địa bàn tỉnh nhà. Sở Kế hoạch và Đầu tư cũng chú trọng xây dựng quan hệ tốt với các sở, ban, ngành liên quan nhằm tạo được sự phối hợp đồng bộ trong công tác thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài.

Bảng 2.10: Các chương trình xúc tiến quảng bá thu hút vốn FDI vào Hải Dương

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Số lượng hội nghị, hội thảo xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước	lần	28	30	35
Số lượng đoàn công tác đi xúc tiến đầu tư ở nước ngoài	Số đoàn	8	10	15
Số lượng nhà đầu tư/đoàn doanh nghiệp nước ngoài đến làm việc, khảo sát	đơn vị (đoàn)	5	5	6
Số lượng tài liệu, ấn phẩm quảng bá (bằng tiếng Việt và tiếng Anh)	ấn phẩm	10	12	16
Số lượng lượt truy cập website xúc tiến đầu tư chính thức của địa phương	lần	5.597	6.343	7.654
Số lượng video clip quảng bá môi trường đầu tư	video	7	10	12
Tỷ lệ phản hồi, giải quyết yêu cầu của nhà đầu tư trong thời hạn cam kết	%	48	53	65
Số lượng hợp tác ký kết MOU/LOI với các đối tác xúc tiến đầu tư quốc tế	lần	13	15	18

Nguồn: Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Hải Dương

Bảng 2.10 cho thấy, số lượng hội thảo, hội nghị xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước tăng qua các năm. Số lượng đoàn công tác đi xúc tiến đầu tư ở nước ngoài cũng tăng từ 8 đoàn vào năm 2022 lên 15 đoàn vào năm 2024. Tỉnh Hải Dương đã nỗ lực đẩy mạnh xúc tiến đầu tư trong và ngoài nước vào Tỉnh, qua đó đã góp phần quảng bá rộng rãi môi trường đầu tư của tỉnh Hải Dương và thúc đẩy kết nối hợp tác đầu tư giữa các nhà đầu tư trong Tỉnh với các nhà đầu tư nước ngoài (FDI). Chẳng hạn như năm 2023, tỉnh Hải Dương tiếp tục phối hợp với Bộ Ngoại giao, Liên đoàn Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (VCCI) và các tổ chức xúc tiến thương mại của nước ngoài tổ chức các Đoàn xúc tiến thương mại, đầu tư tại Mỹ, châu Âu (Anh, Pháp, Bỉ...) và Nhật Bản. Các Chương trình xúc tiến đầu tư tại nước ngoài của Tỉnh góp phần mang lại nhiều kết quả rực rỡ trong hợp tác kinh tế, thương mại đầu tư và ngoại giao giữa Hải Dương và các đối tác nước ngoài. Thông qua các Chương trình xúc tiến đầu tư tại nước ngoài, đã có nhiều biên bản ghi nhớ hợp tác đầu tư, thương mại được ký kết giữa các nhà đầu tư của Hải Dương với các nhà đầu tư nước ngoài (15 hợp tác ký kết MOU/LOI với các đối tác xúc tiến đầu tư quốc tế); đồng thời tạo ra nhiều cơ hội tìm hiểu môi trường đầu tư, tìm kiếm các đối tác để hợp tác đầu tư, thương mại giữa các bên với sự chứng kiến và cam kết tạo mọi điều kiện thuận lợi cho các nhà đầu tư của lãnh đạo tỉnh Hải Dương.

Cổng thông tin điện tử Thương mại và Đầu tư (MIS) thường xuyên được cập nhật để hỗ trợ thông tin kịp thời cho doanh nghiệp, hiện có hơn 920 tài liệu báo cáo của 68 sản phẩm trong 21 ngành hàng ứng với từng thị trường tập trung vào 04 nhóm ngành công nghiệp trọng yếu và 09 nhóm ngành dịch vụ ưu tiên của Thành phố. Phát hành 42 Bản tin xúc tiến thương mại và đầu tư (trong đó có 06 ấn phẩm song ngữ Việt - Anh), 10 Ấn phẩm thông tin về thị trường Thái Lan, thị trường Cuba, thị trường Nhật Bản, thị trường Singapore, thị trường Pháp, thị trường Belarus, thị trường Mexico, thị trường Ai Cập, thị trường Ấn Độ, thị trường Brazil. Chương trình truyền hình xúc tiến thương mại, đầu tư, du lịch và cải cách hành chính thực hiện 10 số phát sóng. Tổ chức hơn 19 chương trình huấn luyện, đào tạo và 16 hội thảo, tọa đàm, tổ chức tăng cường các hoạt động trực tuyến, trong đó: 14 chương trình tập huấn và hội thảo 4 trực tuyến, đăng tải hơn 350 bản tin trên trang

mạng xã hội nhằm hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận thông tin thị trường và tìm kiếm cơ hội kinh doanh sau đại dịch Covid-19, số lượt truy cập website xúc tiến đầu tư chính thức của địa phương cũng tăng lên đáng kể.

Hoạt động xúc tiến quảng bá thu hút vốn FDI của tỉnh Hải Dương trong thời gian qua góp phần lớn vào kết quả thu hút vốn FDI của tỉnh nhà. Với số lượng dự án mới ký kết tăng, VĐT tăng qua các năm là kết quả đáng ghi nhận trong hoạt động thu hút vốn đầu tư FDI của tỉnh.

2.2.2.3. Cải thiện hạ tầng các khu công nghiệp

Các KCN góp phần quan trọng và thuận lợi cho việc thu hút vốn đầu tư FDI. Tuy nhiên, diện tích quỹ đất trong nhiều KCN của tỉnh gần như được lấp đầy. Số dự án FDI đăng ký vào KCN vẫn tăng theo các năm. Mặc dù quỹ đất qua các năm tỷ lệ lấp đầy đều cao nhưng Ban quản lý các KCN thường xuyên rà soát quỹ đất, thu hồi đất với các dự án không sản xuất hoặc sử dụng không hiệu quả để tiến hành cho thuê đất đối với các dự án mới. Các KCN như Đại An, Phúc Điền mở rộng, An Phát 1, Cộng Hòa và Lương Điền đều chú trọng đến việc xây dựng hạ tầng đồng bộ, hiện đại, đảm bảo môi trường sản xuất xanh - sạch - đẹp. Hệ thống giao thông nội khu được quy hoạch hợp lý, thuận tiện cho việc vận chuyển hàng hóa. Hệ thống xử lý chất thải và cấp điện, nước được đầu tư bài bản, đáp ứng nhu cầu của các doanh nghiệp. Một số KCN mới như Phúc Điền mở rộng đang trong quá trình hoàn thiện hạ tầng, cần thời gian để đạt được mức độ đồng bộ như các KCN đã hoạt động lâu năm. Tổng thể, các khu và cụm công nghiệp ở Hải Dương đang phát triển theo hướng đồng bộ về hạ tầng, thân thiện môi trường, phù hợp với xu hướng công nghiệp xanh, bền vững, tạo sức hấp dẫn lớn với các nhà đầu tư trong và ngoài nước.

Hạ tầng trong KCN là một trong những yếu tố để nhà đầu tư xem xét, cân nhắc vấn đề đầu tư dự án vào KCN. Xét về cảnh quan KCN của tỉnh Hải Dương, các KCN và CCN ở Hải Dương được quy hoạch theo hướng hiện đại, xanh - sạch - đẹp, chú trọng mảng xanh và không gian mở. Hầu hết các KCN đều bố trí dải cây xanh cách ly, hồ điều hòa, và hệ thống cây xanh nội khu nhằm đảm bảo môi trường sản xuất và giảm ô nhiễm.

Tổng quan đánh giá hạ tầng các khu công nghiệp như sau:

Bảng 2.11: Đánh giá hạ tầng các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương

Tiêu chí	Đánh giá tổng thể tại các KCN Hải Dương
Cảnh quan - môi trường	Quy hoạch xanh, sạch, đầu tư cây xanh tốt
Giao thông nội khu	Đồng bộ, kết nối thuận tiện, tải trọng lớn
Xử lý chất thải	Có hệ thống tập trung, đạt chuẩn môi trường
Cung cấp điện - nước	Ổn định, đủ năng lực cho sản xuất công nghiệp
Thiết chế xã hội	Đang phát triển, một số KCN có nhà ở, dịch vụ cho công nhân

Nguồn: Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Hải Dương

Về hệ thống giao thông nội khu: Đường giao thông trong các KCN được quy hoạch bài bản, mặt đường rộng (thường từ 24m - 36m), Lòng đường lát nhựa, có vỉa hè và hệ thống thoát nước song song, đủ cho xe tải trọng lớn lưu thông 2 chiều. Hạ tầng giao thông kết nối thuận lợi với quốc lộ 5, quốc lộ 18, cao tốc Hà Nội - Hải Phòng - Quảng Ninh, thuận tiện trong vận chuyển hàng hóa. Từ KCN đến Hải Phòng cảng biển chỉ khoảng 50 - 70 km. Giao thông nội khu kết nối trực tiếp ra các đường tỉnh, quốc lộ lớn, giúp giảm thời gian logistics.

Về hệ thống cấp điện, nước: Mạng lưới điện của tỉnh phát triển nhanh, trình độ điện khí hoá cao so với các tỉnh trong vùng. Các KCN đều có trạm biến áp riêng, đảm bảo nguồn điện ổn định 24/7 cho sản xuất. Từ năm 2005, toàn tỉnh đã có 100% số xã có điện và dùng điện. Trên địa bàn tỉnh có Nhà máy nhiệt điện Phả Lại công suất 1.040MW và gần Nhà máy nhiệt điện Uông Bí - Quảng Ninh, Nhà máy nhiệt điện Hải Phòng nên có nguồn cung cấp điện rất thuận lợi và khá ổn định. Hệ thống cấp nước sạch công suất lớn, từ các nhà máy nước tập trung, đảm bảo đủ cho nhu cầu công nghiệp và sinh hoạt. Đối với các KCN, đã xây dựng và sử dụng hệ thống xử lý nước thải tập trung tại 04/10 KCN được phê duyệt quy hoạch.

Về hệ thống xử lý chất thải: Phần lớn các KCN có nhà máy xử lý nước thải tập trung đạt tiêu chuẩn QCVN 40:2011/BTNMT, công suất xử lý từ 2.000 - 8.000 m³/ngày đêm. Chất thải rắn và nguy hại được thu gom và xử lý bởi đơn vị có giấy phép theo đúng quy định môi trường.

Công trình thiết chế văn hóa - xã hội: Các KCN đang từng bước phát triển đồng bộ hạ tầng xã hội như: Nhà ở công nhân: Một số KCN như Đại An, An Phát 1,

Cẩm Giàng... đã triển khai hoặc quy hoạch xây dựng nhà ở cho người lao động; Nhà văn hóa - thể thao, khu dịch vụ ăn uống, khu sinh hoạt cộng đồng; Trạm y tế, phòng khám, trường mầm non trong KCN hoặc gần kề. Định hướng đến năm 2030, Hải Dương sẽ yêu cầu gắn kết phát triển KCN với hạ tầng xã hội, đảm bảo ổn định nhân lực lâu dài.

Bảng 2.12: Hạ tầng một số khu công nghiệp tỉnh Hải Dương

Tên KCN	Diện tích (ha)	Tỷ lệ lấp đầy (%)	Lĩnh vực thu hút đầu tư
Đại An	135,96	87,86	Chế biến thực phẩm, dệt may, phụ tùng xe máy, thủ công mỹ nghệ
An Phát 1	46,42	36,79	Cơ khí, điện tử, chế biến thực phẩm, đồ gia dụng
Nam Sách	186	100	Cơ khí, điện tử, dệt may, thực phẩm, đồ uống
Phúc Điền	82,88	100	Công nghệ cao, điện tử, phụ tùng ô tô
Tân Trường	198,06	94,13	Công nghệ cao, điện tử, phụ tùng ô tô
Đại An mở rộng	416,21	66,06	Điện tử, viễn thông, thiết bị điện
Cẩm Điền – Lương Điền	183,96	77,38	Điện tử, viễn thông, thiết bị điện
KCN Lai Vu	212,89	88,7	Đóng tàu, điện tử, cơ khí chế tạo, dệt may
KCN Phú Thái	56,7	98,8	Dệt may, cơ khí, điện tử
KCN Cộng Hòa	201,23	51,06	Công nghệ cao, điện tử, cơ khí, lắp ráp ô tô, xe máy

Nguồn: Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Hải Dương

2.2.2.4. Cải cách thủ tục hành chính

Những năm gần đây, Hải Dương không ngừng tập trung đẩy mạnh công tác cải cách TTHC nhằm tạo bước chuyển biến tích cực trong việc nâng cao chất lượng, hiệu quả giải quyết các TTHC, đáp ứng ngày càng tốt hơn nhu cầu của các doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao năng lực cạnh tranh, tạo môi trường thông thoáng, thuận lợi, tạo thuận lợi tối đa cho nhà đầu tư thuộc các thành phần kinh tế tham gia hoạt động sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

Tiếp tục thực hiện cải cách hành chính trong cơ chế phối hợp giám sát và kiểm tra hoạt động đầu tư, trách nhiệm công vụ của cán bộ công chức trong việc

giải quyết các thủ tục đầu tư, đất đai, xây dựng, xuất nhập khẩu, lao động, môi trường..., nhằm loại bỏ phiền hà tạo điều kiện thời gian nhanh nhất cho các nhà đầu tư khi thực hiện dự án. Đồng thời công khai minh bạch, rõ ràng về đầu mối, thời gian giải quyết hồ sơ, đầu mục hồ sơ cấp GCNĐKĐT... công khai thủ tục cấp GCNĐKĐT lên mạng nhằm tạo thuận lợi cho hoạt động ĐTNN, qua đó tăng thêm sức hấp dẫn của môi trường đầu tư tại địa bàn.

Xây dựng quy chế phối kết hợp giữa các cơ quan, đơn vị có liên quan nhằm tạo sự thống nhất, thuận tiện, nhanh gọn khi giải quyết thủ tục. Cụ thể, các thủ tục sau cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, thủ tục giao đất, cho thuê đất, thủ tục cấp giấy phép xây dựng, thủ tục về môi trường và các điều kiện đầu tư kinh doanh cho doanh nghiệp. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC như giao dịch thông qua mạng điện tử, qua trang Web của địa phương, cung cấp “Dịch vụ công trực tuyến” tại các Sở, ngành có liên quan thuộc các lĩnh vực: Đăng ký kinh doanh, Thuế, Hải quan, Bảo hiểm... đã phát huy hiệu quả, góp phần nhằm giảm bớt chi phí và thời gian đi lại cho doanh nghiệp.

Bảng 2.13: Một số chỉ tiêu cải cách thủ tục hành chính về đầu tư tại tỉnh Hải Dương

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Số thủ tục hành chính về đầu tư được rà soát, cắt giảm	Thủ tục	35	46	57
Thời gian trung bình giải quyết hồ sơ cấp phép đầu tư (ngày làm việc)	Ngày	15	15	7
Tỷ lệ hồ sơ đầu tư được xử lý đúng hạn (%)	%	69	76	87
Số lượng thủ tục được thực hiện qua dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4	Thủ tục	25	28	33
Số buổi đối thoại trực tiếp giữa chính quyền và nhà đầu tư	Buổi	5	6	8
Số lượt cán bộ được tập huấn cải cách hành chính trong lĩnh vực đầu tư	Lượt	13	17	24

Nguồn: Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Hải Dương

Công tác giải quyết TTHC của các Sở, ban, ngành tỉnh: đã được tiếp nhận,

giải quyết và trả kết quả 100% tại Trung tâm phục vụ hành chính công; UBND các huyện, thị xã, thành phố đã triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong giải quyết TTHC theo hướng hiện đại. Một số Sở, ngành đã thực hiện rút ngắn thời gian giải quyết các thủ tục hành chính theo quy định, như: lĩnh vực đăng ký kinh doanh, thẩm định dự án đầu tư, đất đai, Thuế, Hải quan, xây dựng, cấp phép lao động nước ngoài, tiếp cận điện năng... Cụ thể như sau: Lĩnh vực ĐKKD giảm từ 3 ngày xuống tối đa 02 ngày làm việc; lĩnh vực thẩm định dự án đầu tư: cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư đối với dự án đầu tư không thuộc diện quyết định chủ trương đầu tư giảm từ 15 ngày xuống 7 ngày làm việc; rút ngắn thời gian giải quyết thủ tục giao đất, cho thuê đất đối với DN mới thành lập DN nhỏ, siêu nhỏ từ 30 ngày làm việc xuống còn không quá 10 ngày; thủ tục thẩm định đánh giá tác động môi trường từ 30 ngày xuống còn 20 ngày; rút ngắn thời gian thẩm định (02 bước) và cấp giấy phép xây dựng so với quy định trung bình là 31,5 ngày; Lĩnh vực cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài: giảm từ 07 ngày xuống còn 03 ngày làm việc,...

2.2.3. Thực trạng kiểm tra, giám sát thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương

2.2.3.1. Thực trạng kiểm tra, giám sát bộ máy hành chính về quản lý thu hút vốn FDI

Trong giai đoạn 2022 - 2024, đã có 24 cuộc kiểm tra, giám sát các cơ quan QLNN về hoạt động thu hút vốn đầu tư ngoài nhà nước, năm 2022 tiến hành 06 cuộc kiểm tra, giám sát, 2023 tiến hành 08 cuộc kiểm tra, giám sát, 2024 tiến hành 10 cuộc kiểm tra, giám sát.

Bảng 2.14: Tình hình kiểm tra, giám sát bộ máy hành chính về thu hút vốn FDI trên địa bàn tỉnh Hải Dương giai đoạn 2022 - 2024

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Số cuộc kiểm tra, giám sát	(lần/cuộc)	6	8	10
Mức tăng tuyệt đối	(lần/cuộc)		2	2
Mức tăng tương đối	%		33,33	25,00

Nguồn: Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Hải Dương

Từ 2022-2024, Đoàn kiểm tra CCHC của tỉnh tổ chức kiểm tra công tác

CCHC tại các cơ quan, đơn vị định kỳ hàng năm, cho thấy, công tác CCHC, giải quyết thủ tục hành chính được tỉnh quan tâm, thường xuyên kiểm tra. Số cuộc kiểm tra, giám sát năm 2023, 2024 tăng so với các năm trước, do có sự tham gia giám sát của các cơ quan cấp trên như Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy. Đặc biệt cuối năm 2022, tỉnh tổ chức thành công Hội nghị Xúc tiến đầu tư, do đó đến năm 2024, Hội đồng nhân dân tỉnh đã tổ chức giám sát kết quả công tác xúc tiến đầu tư từ 2022 - 2024.

2.2.3.2. Thực trạng kiểm tra, giám sát bộ máy hành chính về quản lý thu hút vốn FDI theo chủ thể thực hiện kiểm tra, giám sát

Bảng 2.15: Tình hình kiểm tra, giám sát bộ máy hành chính về quản lý thu hút vốn FDI theo chủ thể thực hiện kiểm tra, giám sát của tỉnh Hải Dương

Cơ quan kiểm tra, giám sát	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Tổng
Hội đồng nhân dân tỉnh	-	1	2	3
Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy	-	-	1	1
Đoàn kiểm tra liên ngành về cải cách hành chính	4	6	10	20

Nguồn: Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Hải Dương

Giai đoạn 2022 - 2024, qua tổng hợp có 03 cơ quan thực hiện kiểm tra, giám sát các cơ quan QLNN về hoạt động thu hút vốn đầu tư ngoài nhà nước là Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy và Đoàn kiểm tra liên ngành về cải cách hành chính (CCHC).

- Hội đồng nhân dân tỉnh tổ chức 03 cuộc giám sát, chiếm 12,50% tổng số cuộc kiểm tra, giám sát trong giai đoạn 2022 - 2024.

- Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy tổ chức 01 cuộc giám sát, chiếm 4,17% tổng số cuộc kiểm tra, giám sát trong giai đoạn 2022 - 2024.

- Đoàn kiểm tra liên ngành của tỉnh về CCHC tổ chức 20 cuộc kiểm tra, chiếm 83,33% tổng số cuộc kiểm tra, giám sát trong giai đoạn 2022 - 2024.

Thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát theo thẩm quyền, Ủy ban kiểm tra tỉnh ủy, Hội đồng nhân dân tỉnh tiến hành kiểm tra, giám sát theo chủ đề, nội dung cụ thể tại các cơ quan QLNN về thu hút vốn đầu tư. Số cuộc kiểm tra, giám sát

không nhiều do nội dung kiểm tra, giám sát được tổ chức theo giai đoạn nhiều năm (thông thường 3-5 năm).

Hàng năm, tỉnh thành lập Đoàn kiểm tra liên ngành về CCHC (bao gồm các Sở Nội vụ, Tư pháp, Thông tin & Truyền thông, Khoa học và Công nghệ,...), tổ chức kiểm tra việc giải quyết thủ tục hành chính tại các cơ quan QLNN về hoạt động thu hút vốn đầu tư ngoài nhà nước. Qua kiểm tra để đánh giá kết quả thực hiện việc giải quyết thủ tục hành chính đối với tổ chức, cá nhân trong hoạt động thu hút vốn đầu tư; báo cáo, kiến nghị cấp có thẩm quyền những kết quả đạt được, cũng như khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện việc giải quyết thủ tục hành chính có liên quan; đồng thời kiến nghị hình thức xử lý đối với các hành vi vi phạm bị phát hiện.

2.2.3.3. Thực trạng kiểm tra, giám sát bộ máy hành chính về quản lý thu hút vốn FDI theo nội dung kiểm tra, giám sát

Bảng 2.16: Tình hình kiểm tra, giám sát bộ máy hành chính về quản lý thu hút vốn FDI theo nội dung kiểm tra, giám sát

Đơn vị: Cuộc/lần

Nội dung kiểm tra, giám sát	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Tổng
Kết quả thu hút đầu tư	1	1	1	3
Việc giao đất, cho thuê đất và công tác quản lý, sử dụng đất	-	1	1	2
Tình hình thực hiện quy hoạch, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản	-	-	1	1
Giải quyết thủ tục hành chính	5	8	12	25

Nguồn: Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Hải Dương

Trong giai đoạn 2022 - 2024, đã tổ chức kiểm tra, giám sát bộ máy hành chính về quản lý thu hút vốn đầu tư ngoài nhà nước theo nội dung như sau:

- Về kết quả thu hút đầu tư: 03 cuộc chiếm 9,68% tổng số cuộc kiểm tra, giám sát;
- Về việc giao đất, cho thuê đất và công tác quản lý, sử dụng đất: 02 cuộc chiếm 6,45% tổng số cuộc kiểm tra, giám sát;

- Về tình hình thực hiện quy hoạch, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản: 01 cuộc chiếm 3,23% tổng số cuộc kiểm tra, giám sát;

- Về việc giải quyết thủ tục hành chính: 25 cuộc chiếm 80,65% tổng số cuộc kiểm tra, giám sát.

Công tác CCHC trong thu hút vốn đầu tư được địa phương quan tâm, đặc biệt là việc giải quyết thủ tục hành chính trong các lĩnh vực có liên quan, tỉnh đã tổ chức 25 cuộc kiểm tra, giám sát tại các cơ quan QLNN thực hiện nội dung này (chiếm 80,65%). Việc tổ chức giám sát nội dung về kết quả thu hút đầu tư, việc giao đất, cho thuê đất và công tác quản lý, sử dụng đất, tình hình thực hiện quy hoạch, khai thác và sử dụng tài nguyên khoáng sản chiếm tỷ lệ thấp 6,45%, đây là các cuộc giám sát chuyên đề do HĐND tổ chức, nội dung và thời gian số liệu giám sát được thu thập trong khoảng thời gian tương đối dài. Có thể thấy, tỉnh chưa thực sự quan tâm, chưa tổ chức kiểm tra, giám sát thường xuyên, định kỳ đối với Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương thực hiện các nhiệm vụ này, trong khi đây là các nội dung quan trọng trong QLNN về thu hút vốn đầu tư ngoài nhà nước, có thể dễ xảy ra những sai sót, hệ lụy kéo dài, có thể gây hậu quả nghiêm trọng.

2.2.3.4. Thực trạng kiểm tra, giám sát các chủ thể đầu tư

Bảng 2.17: Tình hình kiểm tra, giám sát các chủ thể đầu tư

Đơn vị: dự án

Nội dung	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024
Số dự án được kiểm tra, giám sát	199	235	251
Tổng số dự án được cấp phép đầu tư (lũy kế)	498	541	601
Tỷ lệ %	39,96	43,44	41,76

Nguồn: Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Hải Dương

Bảng 2.17 cho thấy, số dự án được kiểm tra, giám sát tăng qua các năm. Năm 2022 có 199/498 dự án được kiểm tra, giám sát, đạt tỷ lệ 39,96%. Đến năm 2024, có 251/601 dự án được kiểm tra, giám sát, đạt tỷ lệ là 41,76%.

Có thể nhận thấy, công tác kiểm tra, giám sát các dự án được quan tâm, số lượng dự án được kiểm tra, giám sát tăng đều từ năm 2022 đến 2024. Tuy nhiên, tỷ lệ số dự án được kiểm tra giám sát trên số dự án được cấp phép đầu tư tại các năm

2024 (41,76%) lại thấp hơn năm 2023 (43,44%). Điều này có thể lý giải như sau: các dự án sau khi được cấp phép đầu tư, nhà đầu tư, tổ chức kinh tế thực hiện theo dõi, kiểm tra dự án và báo cáo tình hình, kết quả triển khai dự án về cơ quan đăng ký đầu tư và các cơ quan QLNN chuyên ngành. Trên cơ sở báo cáo của chủ đầu tư, các cơ quan QLNN rà soát, tổng hợp, xây dựng kế hoạch kiểm tra, tổ chức kiểm tra, giám sát đồng bộ với sự tham gia của nhiều cơ quan QLNN, đồng thời tránh sự chồng chéo trong thanh, kiểm tra doanh nghiệp. Đây cũng có thể xem là hiệu quả trong QLNN về thu hút vốn đầu tư ngoài nhà nước trong việc đạt kế hoạch kiểm tra, giám sát đối với dự án, đồng thời cắt giảm được thời gian, bộ máy, chi phí tổ chức kiểm tra, giám sát.

Kết quả kiểm tra tình hình thực hiện dự án đầu tư cho thấy, năm 2022 cơ quan quản lý nhà về ĐTNN tại địa bàn đã quyết định chấm dứt 05 dự án FDI do nhà đầu tư không tiếp tục triển khai và đề xuất chấm dứt dự án, với tổng vốn đầu tư 4,3 triệu USD; 01 dự án đầu tư nước ngoài chuyển thành đầu tư trong nước với số vốn 20 triệu USD. Trong năm 2023 có 12 dự án chấm dứt dự án đầu tư do nhà đầu tư không tiếp tục triển khai và đề xuất chấm dứt dự án, với số vốn đầu tư 24,5 triệu USD và 04 dự án đầu tư chuyển trong nước, với số vốn 29,4 triệu USD. Đến năm 2024 có 7 dự án chấm dứt dự án đầu tư do nhà đầu tư không tiếp tục triển khai và đề xuất chấm dứt dự án, với số vốn đầu tư 93,9 triệu USD.

2.3. Đánh giá chung về quản lý thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương

2.3.1. Đánh giá công tác thực hiện mục tiêu quản lý thu hút vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Hải Dương

Thứ nhất, Về việc xây dựng mục tiêu thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của tỉnh Hải Dương giai đoạn 2022 - 2024

Hàng năm, Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và điều chỉnh danh mục các dự án kêu gọi, thu hút và hạn chế đầu tư của tỉnh. Tham mưu, đề xuất và lựa chọn một số dự án lớn, có tác động tích cực đến phát triển kinh tế xã hội của Tỉnh. Các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện phối hợp xây dựng danh mục dự án kêu gọi, thu hút và hạn chế đầu tư vào ngành, lĩnh vực,

địa phương gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt. Danh mục các dự án kêu gọi, thu hút và hạn chế đầu tư của tỉnh sau khi được phê duyệt được gửi cho các sở, ban, ngành, UBND cấp huyện, các tổ chức, cá nhân có liên quan và công bố trên cổng thông tin điện tử của tỉnh.

Thứ hai, Về kết quả thu hút vốn FDI

Có thể thấy tỉnh Hải Dương đã đạt được những kết quả đáng ghi nhận trong việc thu hút vốn FDI. Tỷ lệ vốn bình quân trên 1 dự án khá ổn định, đạt xấp xỉ trung bình 5 triệu USD/dự án. Vốn FDI góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh, tạo việc làm cho lao động và tăng thu ngân sách cho địa phương

Thứ ba, Về các hoạt động xúc tiến đầu tư

Tỉnh đã tăng cường hiệu quả và đổi mới phương thức xúc tiến đầu tư. Xúc tiến đầu tư theo hướng chuyên nghiệp, trọng tâm, trọng điểm, bám sát nhu cầu và thực tế của tỉnh, tập trung xúc tiến đầu tư các đối tác chiến lược. Chú trọng các ngành, dự án có giá trị gia tăng lớn, thân thiện với môi trường và có tính lan tỏa cao. Từ đó, xây dựng các chính sách, chương trình xúc tiến riêng, đáp ứng tối đa yêu cầu của các nhà đầu tư nhằm thu hút những dự án thực sự có chất lượng và hiệu quả cao.

Thời gian qua, tỉnh rất nỗ lực thực hiện các giải pháp để lấy lại lợi thế thu hút đầu tư. Không chỉ đẩy nhanh việc triển khai hạ tầng kỹ thuật các khu công nghiệp, cụm công nghiệp chào đón các nhà đầu tư, lãnh đạo tỉnh còn trực tiếp gặp mặt, đối thoại với doanh nghiệp nhằm chủ động cung cấp thông tin hay giải đáp thắc mắc, kiến nghị giúp nhà đầu tư an tâm, tin tưởng.

2.3.2. Hạn chế trong công tác quản lý thu hút vốn đầu tư nước ngoài trên địa bàn tỉnh Hải Dương

(i) Cơ cấu thu hút vốn FDI còn chưa hợp lý, kết quả thu hút vốn FDI chưa tương xứng với tiềm năng, chưa tận dụng được các lợi thế của tỉnh Hải Dương

Một là, giữa vốn đăng ký và vốn triển khai thực hiện dự án FDI còn thiếu cân đối. Tỷ lệ vốn thực hiện luôn thấp so với vốn đăng ký giai đoạn 2022 - 2024. Cụ thể, tỷ lệ vốn FDI thực hiện trên tổng số vốn FDI đăng ký tại tỉnh Hải Dương còn thấp, trung bình tỷ lệ giải ngân chỉ đạt gần 50%.

Hai là, việc đầu tư vốn FDI theo ngành kinh tế chưa hợp lý. Vốn FDI gây ra mất cân đối ngành, mất cân đối cơ cấu phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh. Mục tiêu của các doanh nghiệp FDI là lợi nhuận, do vậy vốn FDI được đầu tư tập trung vào những ngành và lĩnh vực có lợi nhuận cao và rủi ro thấp, còn những ngành rất cần thiết cho sự phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh nhưng lợi nhuận thấp thì không thu hút được FDI. Cụ thể, mặc dù vốn FDI đã xuất hiện ở nhiều ngành, song vốn FDI được đầu tư nhiều nhất, tập trung chủ yếu vào lĩnh vực công nghiệp chế biến, chế tạo với 437 dự án, tổng vốn 8.672,6 triệu USD, chiếm 94% vốn đăng ký (năm 2024). Lĩnh vực dịch vụ có 42 dự án với số vốn 316,2 triệu USD, chiếm 3,4% tổng vốn đăng ký. Lĩnh vực nông nghiệp có 17 dự án với số vốn 226,9 triệu USD, chiếm 2,6% tổng vốn đăng ký.

Ba là, mất cân đối trong thu hút vốn FDI từ đối tác đầu tư. Trong 26 quốc gia và vùng lãnh thổ đầu tư trên địa bàn, các nhà đầu tư đến từ các nước châu Á, chiếm 90%, còn lại là đến từ các nước châu Mỹ, châu Âu. Trong đó, Hồng Kông (Trung Quốc) là nhà đầu tư lớn nhất với số vốn đầu tư chiếm 40% tổng vốn đăng ký; thứ hai là Nhật Bản chiếm 16,3%; thứ ba là Hàn Quốc chiếm 15,4%; thứ tư là Đài Loan (Trung Quốc) chiếm 7,8% tổng vốn đầu tư đăng ký...

(ii) Sự yếu kém trong chuyển giao công nghệ trong các dự án có vốn FDI trên địa bàn tỉnh Hải Dương

Công nghệ được sử dụng trong các doanh nghiệp FDI thường cao hơn mặt bằng công nghệ cùng ngành và cùng loại sản phẩm tại trên địa bàn tỉnh. Tuy vậy, một số trường hợp các doanh nghiệp FDI đã lợi dụng sơ hở của pháp luật sở tại, cũng như sự yếu kém trong kiểm tra giám sát tại các cửa khẩu nên đã nhập vào một số máy móc thiết bị có công nghệ lạc hậu thậm chí là những phế thải của các nước khác. Tính phổ biến của việc nhập máy móc thiết bị là giá cả được ghi trong hóa đơn thường cao hơn giá trung bình của thị trường thế giới. Nhờ vậy một số doanh nghiệp FDI trên địa bàn tỉnh Hải Dương có thể lợi dụng để khai tăng tỷ lệ góp vốn trong các liên doanh với đối tác Việt Nam.

Việc chuyển giao công nghệ từ nước ngoài vào Việt Nam được thực hiện thông qua các hợp đồng và được cơ quan quản lý nhà nước về khoa học công nghệ

chuẩn y. Tuy nhiên, đây là một hoạt động cực kỳ khó khăn đối với bên tiếp nhận đầu tư, bởi khó có thể đánh giá chính xác giá trị thực của từng loại công nghệ trong những ngành khác nhau, đặc biệt trong những ngành công nghệ cao. Do vậy, thường phải thông qua thương lượng theo hình thức mặc cả đến khi hai bên có thể chấp nhận được, thì ký kết hợp đồng chuyển giao công nghệ.

(iii) Một số rào cản trong việc thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào tỉnh Hải Dương

Thứ nhất, sự thiếu nhất quán của hệ thống pháp luật. Việc ban hành những văn bản pháp luật mới trong thời gian qua đã có những ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động đầu tư, đặc biệt là đầu tư FDI tại tỉnh Hải Dương. Một số hạn chế của các văn bản pháp luật liên quan có thể ảnh hưởng trực tiếp đến mức độ hấp dẫn của môi trường đầu tư.

Cụ thể, Luật Đầu tư năm 2020 và Luật Doanh nghiệp năm 2020 tuy đã được ban hành với nhiều điểm đổi mới tích cực, nhưng lại có độ trễ đáng kể trong việc ban hành các văn bản hướng dẫn thi hành. Ví dụ, Nghị định số 31/2021/NĐ-CP hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư được ban hành sau gần 6 tháng kể từ khi Luật có hiệu lực, gây ra khoảng trống pháp lý trong quá trình giải quyết thủ tục đầu tư tại địa phương, trong đó có Hải Dương. Trong thời gian đó, nhiều nhà đầu tư FDI tại các khu công nghiệp như KCN Đại An, KCN Tân Trường đã phản ánh việc hồ sơ bị trả lại nhiều lần do không rõ căn cứ pháp lý cụ thể để thẩm định dự án.

Ngoài ra, Quy hoạch phát triển các khu công nghiệp tỉnh Hải Dương giai đoạn 2021–2030 đã không thể triển khai đồng bộ do chậm được phê duyệt Quy hoạch tỉnh theo quy định của Luật Quy hoạch 2017. Việc chòng chéo giữa các luật như Luật Đầu tư công, Luật Đất đai, và Luật Xây dựng cũng làm trì hoãn các dự án FDI có quy mô lớn. Ví dụ, dự án đầu tư mở rộng của Tập đoàn Tokai Rubber Industries (Nhật Bản) tại Hải Dương đã phải điều chỉnh tiến độ do chậm trong việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất, trong khi các quy định liên quan giữa Luật Đất đai và Luật Đầu tư chưa thống nhất, gây lúng túng trong xử lý hồ sơ.

Bên cạnh đó, việc áp dụng chưa đồng bộ các quy định liên quan đến ưu đãi đầu tư giữa các cấp chính quyền cũng gây khó khăn cho nhà đầu tư. Một số nhà đầu

tư phản ánh rằng họ nhận được những cam kết ưu đãi từ cấp tỉnh, nhưng sau đó lại không được cơ quan Trung ương phê duyệt do không đúng quy định về thẩm quyền, khiến niềm tin vào môi trường đầu tư bị giảm sút.

Thực tế này cho thấy hệ thống pháp luật, mặc dù đang từng bước hoàn thiện, vẫn tồn tại những bất cập như độ trễ trong ban hành văn bản hướng dẫn, sự không thống nhất giữa luật và các văn bản dưới luật, và sự thiếu đồng bộ trong thực thi tại địa phương. Những yếu tố này tạo ra các kẽ hở pháp lý, thủ tục hành chính phức tạp, tốn thời gian và chi phí cho nhà đầu tư, từ đó làm suy giảm tính cạnh tranh của môi trường đầu tư tại Hải Dương.

Thứ hai, sự hạn chế về trình độ nguồn nhân lực tại địa phương, chẳng hạn như rào cản về ngôn ngữ, sự thiếu hụt về kỹ năng chuyên môn, tác phong công nghiệp của lao động... đang là một trong những nhân tố ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động của các doanh nghiệp FDI. Chất lượng nguồn nhân lực còn chưa cao, năng suất lao động trong ngành của tỉnh thuộc vào loại thấp. Nguồn lực lao động còn yếu, chưa có nhiều kiến thức chuyên môn vì vậy rất khó để đáp ứng được yêu cầu phát triển trong bối cảnh toàn cầu hóa và hội nhập kinh tế quốc tế. Chất lượng công tác đào tạo nhân lực nhìn chung chưa đáp ứng được cả về trình độ lẫn cơ cấu ngành, nghề theo nhu cầu của xã hội, doanh nghiệp. Lực lượng lao động dồi dào nhưng phần lớn chưa qua đào tạo nghề, thiếu lao động có trình độ kỹ thuật cao, kỹ thuật lao động còn mang tính thủ công... chưa đáp ứng yêu cầu của các nhà đầu tư sử dụng lao động đòi hỏi có tay nghề cao. Hầu hết các doanh nghiệp phải đào tạo lại lao động sau khi tuyển dụng, do đó ảnh hưởng đến việc thu hút vốn đầu tư nước ngoài.

2.3.3. Nguyên nhân của hạn chế

2.3.3.1. Nguyên nhân khách quan

Các nguyên nhân khách quan nằm ngoài tầm kiểm soát trực tiếp của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương, chịu tác động từ môi trường bên ngoài.

- Môi trường kinh tế toàn cầu và khu vực biến động:

Sự bất ổn kinh tế toàn cầu và khu vực đã ảnh hưởng tiêu cực đến dòng vốn FDI vào tỉnh Hải Dương trong giai đoạn 2022 - 2024. Các nhà đầu tư có xu hướng thận trọng hơn, ưu tiên các thị trường an toàn và trì hoãn các quyết định đầu tư lớn.

Cụ thể, năm 2023, Hải Dương thu hút được hơn 1,2 tỷ USD vốn đầu tư nước ngoài, nhưng đến năm 2024, con số này giảm xuống còn hơn 711 triệu USD, bằng 54,8% so với năm trước đó. Nguyên nhân của sự sụt giảm này phần lớn đến từ các yếu tố bất ổn kinh tế toàn cầu, như chiến sự giữa Nga và Ukraine, căng thẳng ở Trung Đông, cạnh tranh giữa các cường quốc về chính trị, kinh tế, đầu tư và thương mại. Những biến động này đã dẫn đến sự suy giảm của dòng vốn đầu tư quốc tế vào Việt Nam nói chung và Hải Dương nói riêng.

Ngoài ra, năm 2024 cũng là năm có nhiều cuộc bầu cử lớn trên thế giới, với hơn 4 tỷ người đi bầu, trong đó có nhiều cuộc bầu cử tác động tới xu hướng kinh tế của khu vực và thế giới. Những yếu tố này góp phần tạo ra sự bất ổn và ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của các doanh nghiệp FDI.

- Cạnh tranh thu hút FDI gay gắt:

Việt Nam là một điểm đến hấp dẫn FDI, nhưng sự cạnh tranh giữa các tỉnh, thành phố trong cả nước và các quốc gia trong khu vực để thu hút nguồn vốn này là rất lớn. Các địa phương và quốc gia đều nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư và đưa ra các chính sách ưu đãi hấp dẫn.

Trong nước, các tỉnh như Bình Dương, TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội đã triển khai nhiều chính sách ưu đãi và cải thiện môi trường đầu tư để thu hút FDI. Ví dụ, Bình Dương đã thu hút hơn 1,8 tỷ USD vốn FDI trong năm 2024, vượt chỉ tiêu năm, nhờ vào việc phát triển hạ tầng khu công nghiệp hiện đại và áp dụng các chính sách ưu đãi về thuế và đất đai.

Trên bình diện quốc tế, các quốc gia trong khu vực như Thái Lan, Indonesia và Ấn Độ cũng đang triển khai nhiều chính sách ưu đãi hấp dẫn để thu hút FDI. Thái Lan đã thu hút hơn 22 tỷ USD vốn FDI trong năm 2024 nhờ vào chính sách miễn hoặc giảm thuế trong 5 năm cho các nhà đầu tư nước ngoài và phát triển mạnh về cơ sở hạ tầng. Indonesia đạt 45 tỷ USD FDI vào năm 2024, tập trung vào nguồn năng lượng và sản xuất quy mô lớn, nhờ vào việc ban hành một loạt chính sách ưu đãi dành cho nhà đầu tư nước ngoài.

Ngoài ra, việc áp dụng thuế tối thiểu toàn cầu (Global Minimum Tax) từ năm 2024 cũng tạo ra thách thức đối với Việt Nam trong việc thu hút FDI, khi các ưu đãi

thuế truyền thông trở nên kém hiệu quả hơn.

Trong bối cảnh này, tỉnh Hải Dương cần đẩy mạnh cải thiện môi trường đầu tư, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và phát triển hạ tầng kỹ thuật để tăng cường khả năng cạnh tranh trong thu hút FDI.

- Thay đổi trong xu hướng và ưu tiên đầu tư toàn cầu:

Sự phát triển của các ngành công nghiệp mới, yêu cầu về phát triển bền vững và các tiêu chuẩn ESG ngày càng cao đặt ra những thách thức mới trong việc thu hút FDI vào các lĩnh vực phù hợp. Tại Việt Nam, năm 2023, vốn FDI đăng ký đạt 36,61 tỷ USD, tăng 32,1% so với năm 2022. Đáng chú ý, khoảng 9 tỷ USD trong số này được đầu tư vào các ngành liên quan đến tăng trưởng xanh như năng lượng tái tạo, xử lý chất thải và sản xuất thiết bị phục vụ cho kinh tế xanh. Tuy nhiên, việc thu hút FDI vào các lĩnh vực này đòi hỏi các địa phương phải đáp ứng được các tiêu chuẩn khắt khe về môi trường và phát triển bền vững. Các nhà đầu tư lớn như Apple, Google, IKEA và Nike đều đặt yêu cầu cao về việc sử dụng năng lượng tái tạo và tuân thủ các tiêu chuẩn ESG trong chuỗi cung ứng. Để cạnh tranh trong việc thu hút FDI, tỉnh Hải Dương cần đẩy mạnh phát triển hạ tầng xanh, cải thiện chất lượng nguồn nhân lực và xây dựng các chính sách hỗ trợ doanh nghiệp trong việc tuân thủ các tiêu chuẩn ESG. Việc này không chỉ giúp tỉnh thu hút được các nhà đầu tư chất lượng cao mà còn góp phần vào mục tiêu phát triển bền vững của địa phương.

- Hạn chế về cơ sở hạ tầng và nguồn nhân lực của tỉnh:

Mặc dù đã có nhiều cải thiện, cơ sở hạ tầng của tỉnh Hải Dương ở một số khu vực vẫn còn chưa đồng bộ và hiện đại. Chất lượng nguồn nhân lực, đặc biệt là lao động có kỹ năng cao và ngoại ngữ, chưa đáp ứng đầy đủ nhu cầu của các nhà đầu tư, đặc biệt là trong các ngành công nghệ cao. Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê năm 2023, chỉ có khoảng 28% lực lượng lao động được đào tạo về nghề nghiệp và kỹ năng (có trình độ sơ cấp trở lên) trên toàn quốc. Tại các doanh nghiệp FDI, tỷ lệ lao động dưới đại học vẫn chiếm hơn 80%, và con số này chưa có dấu hiệu cải thiện đáng kể từ năm 2011 đến nay.

Ngoài ra, tác phong và kỷ luật lao động cũng đang gặp thách thức. Phần lớn

lao động tại Việt Nam, đặc biệt là những người xuất thân từ nông thôn, vẫn mang những tác phong làm việc của ngành nông nghiệp, không phù hợp với môi trường làm việc công nghiệp. Họ thiếu kỹ năng làm việc nhóm, chưa có khả năng hợp tác và gánh chịu rủi ro, cũng như thiếu sự sáng tạo và khả năng chia sẻ kinh nghiệm làm việc. Điều này khiến các doanh nghiệp FDI phải tốn nhiều thời gian và chi phí để đào tạo lại tác phong lao động phù hợp với yêu cầu của môi trường kinh doanh hiện đại.

Về cơ sở hạ tầng, mặc dù tỉnh Hải Dương đã có nhiều nỗ lực trong việc phát triển các khu công nghiệp và cải thiện hạ tầng giao thông, nhưng một số khu vực vẫn chưa đáp ứng được yêu cầu của các nhà đầu tư. Hệ thống giao thông, logistics và các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp còn hạn chế, ảnh hưởng đến hiệu quả hoạt động và chi phí của các doanh nghiệp FDI.

- Ảnh hưởng của chính sách và pháp luật của Trung ương:

Sự thay đổi trong chính sách đầu tư, thương mại và các quy định pháp luật của trung ương có thể tạo ra những tác động không lường trước đến công tác thu hút FDI của địa phương. Những thay đổi trong chính sách và pháp luật của Trung ương tuy tạo ra nhiều cơ hội nhưng cũng đồng thời gây ra không ít bất lợi đối với công tác thu hút vốn đầu tư FDI tại Hải Dương. Trước hết, việc áp dụng các quy định mới, như thuế tối thiểu toàn cầu 15%, đã làm gia tăng chi phí tuân thủ và tạo ra rào cản pháp lý đối với các doanh nghiệp FDI, đặc biệt là các tập đoàn đa quốc gia. Điều này có thể khiến một số nhà đầu tư cân nhắc lại hoặc thu hẹp quy mô đầu tư tại tỉnh. Bên cạnh đó, quá trình điều chỉnh chính sách ưu đãi để phù hợp với quy định quốc tế cũng dẫn đến sự thiếu ổn định, gây ra những gián đoạn và làm giảm sức hấp dẫn của môi trường đầu tư địa phương. Thời gian cần thiết để doanh nghiệp và chính quyền địa phương thích nghi với các quy định mới cũng làm chậm trễ thủ tục đầu tư, khiến Hải Dương có thể bỏ lỡ nhiều cơ hội thu hút dự án tiềm năng. Hơn nữa, mặc dù phân cấp, phân quyền cho địa phương giúp tăng tính chủ động, nhưng nếu năng lực quản lý chưa đồng đều và chưa đồng bộ thì sẽ gây khó khăn cho nhà đầu tư trong xử lý thủ tục hành chính, dẫn đến giảm sự tin tưởng của họ. Cuối cùng, sự thay đổi liên tục trong chính sách đầu tư và môi trường pháp lý tạo ra rủi ro về sự

không ổn định, khiến các nhà đầu tư dài hạn có xu hướng ưu tiên những địa phương hoặc quốc gia có môi trường đầu tư ổn định hơn. Những bất lợi này đòi hỏi Hải Dương phải có các giải pháp phù hợp để cân bằng giữa việc thực hiện chính sách Trung ương và giữ vững sức hút đối với nhà đầu tư nước ngoài.

2.3.3.2. Nguyên nhân chủ quan

- Hạn chế trong lập kế hoạch thu hút FDI:

Công tác lập kế hoạch thu hút FDI đôi khi còn thiếu tính chiến lược dài hạn, chưa dựa trên phân tích chuyên sâu về lợi thế cạnh tranh thực sự của tỉnh, xu hướng đầu tư toàn cầu và khu vực, cũng như nhu cầu cụ thể của các nhà đầu tư tiềm năng. Kế hoạch có thể mang tính hình thức, thiếu các mục tiêu cụ thể, đo lường được, có thể đạt được, phù hợp và có thời hạn (SMART). Sự phối hợp giữa các sở, ban, ngành trong quá trình xây dựng kế hoạch chưa thực sự chặt chẽ, dẫn đến thiếu đồng bộ và thống nhất.

- Bất cập trong tổ chức thực hiện thu hút FDI:

Mô hình tổ chức và quy trình thực hiện thu hút FDI có thể chưa thực sự chuyên nghiệp và hướng đến nhà đầu tư. Đội ngũ cán bộ làm công tác xúc tiến đầu tư đôi khi còn thiếu kinh nghiệm, kiến thức chuyên sâu về đầu tư quốc tế, ngoại ngữ và kỹ năng mềm. Sự phối hợp giữa các phòng, ban trong Sở và với các sở, ban, ngành khác trong quá trình xúc tiến, tiếp cận, đàm phán và hỗ trợ nhà đầu tư có thể còn chậm trễ và chưa hiệu quả. Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý thông tin nhà đầu tư và dự án còn hạn chế.

- Thiếu sót trong kiểm tra, giám sát công tác quản lý thu hút FDI:

Công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các cam kết đầu tư, tuân thủ pháp luật và đánh giá hiệu quả hoạt động của các dự án FDI có thể chưa được thực hiện một cách thường xuyên, toàn diện và hiệu quả. Cơ chế phối hợp giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư với các cơ quan chức năng khác trong kiểm tra, giám sát đôi khi còn lỏng lẻo. Việc thiếu các chỉ số đánh giá hiệu quả FDI rõ ràng và hệ thống theo dõi, cảnh báo rủi ro còn hạn chế.

CHƯƠNG 3. GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN QUẢN LÝ THU HÚT VỐN ĐẦU TƯ TRỰC TIẾP NƯỚC NGOÀI CỦA SỞ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ TỈNH HẢI DƯƠNG

3.1. Định hướng hoàn thiện quản lý thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương

3.1.1. Định hướng thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của tỉnh Hải Dương

Vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đóng vai trò quan trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội của các quốc gia đang phát triển, trong đó có Việt Nam. Tỉnh Hải Dương, với vị trí địa lý thuận lợi và tiềm năng phát triển kinh tế, đã và đang là điểm đến hấp dẫn của nhiều nhà đầu tư nước ngoài. Tuy nhiên, trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và sự cạnh tranh ngày càng gia tăng giữa các địa phương trong thu hút FDI, tỉnh Hải Dương cần có những định hướng chiến lược rõ ràng và các giải pháp đồng bộ để nâng cao hiệu quả thu hút nguồn vốn quan trọng này, góp phần thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội bền vững.

Bối cảnh quốc tế và trong nước đang có những thay đổi sâu sắc, tạo ra cả cơ hội và thách thức cho công tác thu hút FDI của Hải Dương:

- Hội nhập quốc tế sâu rộng: Các hiệp định thương mại tự do (FTA) thế hệ mới mở ra cơ hội tiếp cận thị trường và nguồn vốn lớn, nhưng cũng đặt ra yêu cầu cao hơn về chất lượng môi trường đầu tư và năng lực cạnh tranh.

- Cuộc cách mạng công nghiệp 4.0: Sự phát triển mạnh mẽ của khoa học công nghệ tạo ra những ngành công nghiệp mới với giá trị gia tăng cao, đòi hỏi Hải Dương phải có những chính sách ưu tiên thu hút phù hợp.

- Xu hướng phát triển bền vững: Các nhà đầu tư ngày càng quan tâm đến các yếu tố môi trường, xã hội và quản trị (ESG), đòi hỏi Hải Dương phải chú trọng phát triển xanh và bền vững.

- Cạnh tranh thu hút FDI ngày càng gay gắt: Các địa phương khác trong cả nước và khu vực đều nỗ lực cải thiện môi trường đầu tư để thu hút FDI.

Để nâng cao hiệu quả thu hút FDI và tận dụng tối đa cơ hội trong bối cảnh

mới, tỉnh Hải Dương cần tập trung vào các định hướng sau:

- Nâng cao chất lượng môi trường đầu tư:
 - + Tiếp tục cải cách thủ tục hành chính theo hướng minh bạch, nhanh gọn và hiệu quả.
 - + Phát triển đồng bộ hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là hạ tầng giao thông, năng lượng, viễn thông và các khu công nghiệp, cụm công nghiệp hiện đại, thân thiện với môi trường.
 - + Đảm bảo an ninh trật tự, tạo môi trường sống và làm việc an toàn, thuận lợi cho nhà đầu tư và người lao động nước ngoài.
- Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao:
 - + Đầu tư vào giáo dục và đào tạo nghề để đáp ứng nhu cầu về lao động có kỹ năng cho các ngành công nghiệp ưu tiên.
 - + Xây dựng cơ chế hợp tác chặt chẽ giữa các cơ sở đào tạo và doanh nghiệp, đặc biệt là doanh nghiệp FDI, trong việc đào tạo và phát triển nguồn nhân lực.
 - + Có chính sách thu hút và giữ chân nhân tài, bao gồm cả lao động trong nước và nước ngoài.
- Ưu tiên thu hút các ngành công nghiệp có giá trị gia tăng cao và thân thiện với môi trường:
 - + Tập trung vào các ngành công nghiệp chế biến, chế tạo có hàm lượng công nghệ cao, sản xuất sản phẩm có giá trị gia tăng lớn và tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu.
 - + Khuyến khích các dự án đầu tư xanh, sử dụng công nghệ sạch, tiết kiệm năng lượng và tài nguyên, bảo vệ môi trường.
 - + Có chính sách ưu đãi đặc biệt cho các dự án công nghệ cao, nghiên cứu và phát triển (R&D).
- Tăng cường hoạt động xúc tiến đầu tư có mục tiêu và hiệu quả:
 - + Xây dựng chiến lược xúc tiến đầu tư dài hạn, xác định rõ các thị trường và đối tác tiềm năng.
 - + Tổ chức các hoạt động xúc tiến đầu tư chuyên nghiệp, tập trung vào các ngành và lĩnh vực ưu tiên.

- + Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động xúc tiến đầu tư, xây dựng cơ sở dữ liệu nhà đầu tư và dự án tiềm năng.

- + Nâng cao năng lực đội ngũ cán bộ làm công tác xúc tiến đầu tư về ngoại ngữ, kiến thức kinh tế và kỹ năng giao tiếp quốc tế.

- Nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước đối với hoạt động FDI:

- + Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát việc thực hiện các cam kết đầu tư và tuân thủ pháp luật của các doanh nghiệp FDI.

- + Xây dựng cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các sở, ban, ngành trong việc quản lý hoạt động FDI.

- + Định kỳ đánh giá hiệu quả hoạt động của các dự án FDI và có biện pháp hỗ trợ kịp thời để giải quyết khó khăn, vướng mắc cho nhà đầu tư.

3.1.2. Định hướng hoàn thiện quản lý thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương

Để nâng cao hiệu quả công tác quản lý thu hút FDI trong bối cảnh mới, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cần tập trung vào các định hướng hoàn thiện sau:

- Nâng cao năng lực chuyên môn cho đội ngũ cán bộ:

- + Tổ chức các khóa đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu về nghiệp vụ thu hút và quản lý FDI, pháp luật đầu tư quốc tế, ngoại ngữ và kỹ năng mềm.

- + Tạo điều kiện cho cán bộ tham gia các hội thảo, diễn đàn quốc tế về đầu tư để học hỏi kinh nghiệm và cập nhật xu hướng mới.

- + Thu hút và tuyển dụng cán bộ có trình độ chuyên môn cao, có kinh nghiệm làm việc trong lĩnh vực đầu tư quốc tế.

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin:

- + Xây dựng và triển khai hệ thống thông tin quản lý FDI toàn diện, tích hợp dữ liệu về dự án, nhà đầu tư, tình hình triển khai và đánh giá hiệu quả đầu tư.

- + Ứng dụng các nền tảng trực tuyến để hỗ trợ nhà đầu tư trong quá trình tìm hiểu thông tin, nộp hồ sơ và theo dõi tiến độ dự án.

- + Sử dụng các công cụ phân tích dữ liệu để đánh giá hiệu quả thu hút FDI và đưa ra các quyết định chính sách dựa trên bằng chứng.

- Tăng cường hiệu quả phối hợp liên ngành:

+ Xây dựng quy chế phối hợp rõ ràng và hiệu quả giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư với các sở, ban, ngành liên quan trong quá trình thẩm định, cấp phép, quản lý và giải quyết các vấn đề phát sinh liên quan đến dự án FDI.

+ Thiết lập cơ chế trao đổi thông tin thường xuyên và kịp thời giữa các đơn vị.

+ Tổ chức các cuộc họp liên ngành định kỳ để rà soát và giải quyết các vướng mắc cho nhà đầu tư.

- Hoàn thiện cơ chế giám sát và đánh giá hiệu quả FDI:

+ Xây dựng hệ thống các chỉ số đánh giá hiệu quả FDI toàn diện, bao gồm cả các tác động kinh tế, xã hội và môi trường.

+ Thực hiện giám sát định kỳ và đột xuất việc triển khai dự án, đảm bảo nhà đầu tư tuân thủ đúng cam kết và pháp luật.

+ Công khai thông tin về tình hình thu hút và hiệu quả FDI để tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình.

+ Định kỳ đánh giá và điều chỉnh chính sách thu hút FDI dựa trên kết quả đánh giá hiệu quả và tình hình thực tế.

- Chủ động thích ứng với các thay đổi của môi trường đầu tư quốc tế:

+ Tăng cường nghiên cứu và phân tích các xu hướng mới trong thu hút FDI, các chính sách đầu tư của các quốc gia và các yếu tố địa chính trị có thể ảnh hưởng đến dòng vốn FDI.

+ Xây dựng các kịch bản và phương án ứng phó linh hoạt với các thay đổi của môi trường đầu tư.

+ Tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực thu hút đầu tư, học hỏi kinh nghiệm từ các địa phương và quốc gia thành công.

3.2. Giải pháp hoàn thiện quản lý thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Sở kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương

3.2.1. Giải pháp về lập kế hoạch thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương

Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng và cuộc Cách mạng công nghiệp 4.0, dòng vốn FDI toàn cầu đang có sự dịch chuyển mạnh mẽ về cả quy mô, cơ cấu và chất lượng. Các nhà đầu tư nước ngoài ngày càng có xu hướng tìm kiếm những

điểm đến đầu tư không chỉ có chi phí thấp mà còn có môi trường đầu tư ổn định, nguồn nhân lực chất lượng cao, cơ sở hạ tầng đồng bộ và đặc biệt là tiềm năng phát triển bền vững.

Thực trạng công tác thu hút FDI của Hải Dương trong thời gian qua, mặc dù đạt được những kết quả nhất định, vẫn còn bộc lộ những hạn chế như: cơ cấu ngành nghề thu hút FDI chưa thực sự đa dạng, tỷ lệ dự án công nghệ cao còn thấp, hiệu quả lan tỏa công nghệ và kết nối chuỗi giá trị với doanh nghiệp trong nước chưa rõ nét, và hoạt động xúc tiến đầu tư đôi khi còn mang tính dàn trải, thiếu trọng tâm, trọng điểm. Nguyên nhân cốt lõi của những hạn chế này một phần là do công tác lập kế hoạch thu hút FDI chưa thực sự dựa trên nền tảng phân tích sâu sắc về lợi thế cạnh tranh đặc thù của tỉnh, cũng như chưa theo kịp xu hướng dịch chuyển của dòng vốn FDI chất lượng cao trên thế giới và trong khu vực.

Một kế hoạch thu hút FDI có mục tiêu rõ ràng, dựa trên phân tích khoa học và lợi thế riêng có của Hải Dương sẽ giúp Sở Kế hoạch và Đầu tư:

- Xác định đúng đối tượng và lĩnh vực ưu tiên: Tránh dàn trải nguồn lực, tập trung vào các ngành nghề mà Hải Dương có lợi thế cạnh tranh nổi bật và phù hợp với định hướng phát triển của tỉnh.

- Nâng cao hiệu quả hoạt động xúc tiến đầu tư: Chuyển từ xúc tiến "diện rộng" sang xúc tiến "chiều sâu", hướng tới các nhà đầu tư và các dự án có tiềm năng cao, phù hợp với tiêu chí đặt ra.

- Tối ưu hóa nguồn lực: Phân bổ ngân sách, nhân lực và thời gian một cách hiệu quả hơn cho các hoạt động xúc tiến và hỗ trợ đầu tư.

- Nâng cao chất lượng dự án FDI thu hút: Ưu tiên các dự án công nghệ cao, thân thiện môi trường, có giá trị gia tăng lớn và khả năng kết nối chuỗi sản xuất.

- Tạo môi trường đầu tư hấp dẫn hơn: Khi các nhà đầu tư nhìn thấy sự chuyên nghiệp và chiến lược rõ ràng từ phía chính quyền, họ sẽ tin tưởng và có động lực hơn để đầu tư.

- Đảm bảo phát triển bền vững: Định hướng thu hút FDI phù hợp với mục tiêu phát triển xanh, giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường và xã hội.

Do đó, việc xây dựng một kế hoạch thu hút FDI có mục tiêu và hiệu quả cao,

dựa trên phân tích chiều sâu thị trường và lợi thế cạnh tranh của tỉnh là một giải pháp tất yếu và cấp bách đối với Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương hiện nay.

Để xây dựng và triển khai một kế hoạch thu hút FDI hiệu quả, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cần thực hiện các bước sau:

Bước 1: Phân tích, đánh giá toàn diện tiềm năng và lợi thế cạnh tranh của tỉnh Hải Dương:

- Phân tích SWOT của tỉnh: Đánh giá điểm mạnh (vị trí địa lý, hạ tầng giao thông, nguồn nhân lực, quỹ đất, chính sách ưu đãi...), điểm yếu (hạ tầng còn thiếu đồng bộ ở một số khu vực, chất lượng nhân lực chưa cao ở một số lĩnh vực, thủ tục hành chính ở một số khâu...), cơ hội (các FTA, xu hướng dịch chuyển chuỗi cung ứng toàn cầu, chính sách thu hút đầu tư của Chính phủ...), và thách thức (cạnh tranh gay gắt, biến đổi khí hậu, rủi ro kinh tế toàn cầu...).

- Nghiên cứu các ngành, lĩnh vực trọng điểm: Xác định rõ các ngành, lĩnh vực mà Hải Dương có lợi thế so sánh vượt trội (ví dụ: công nghiệp hỗ trợ, logistics, công nghệ cao, chế biến nông sản...).

- Đánh giá nhu cầu và xu hướng của nhà đầu tư: Nghiên cứu hành vi, tiêu chí lựa chọn địa điểm đầu tư của các tập đoàn đa quốc gia, đặc biệt là các doanh nghiệp thuộc các quốc gia/khu vực có tiềm năng đầu tư vào Việt Nam (Nhật Bản, Hàn Quốc, Singapore, Đài Loan, châu Âu, Hoa Kỳ...).

- So sánh năng lực cạnh tranh với các địa phương khác: Đánh giá vị trí của Hải Dương so với các tỉnh/thành phố lân cận trong khu vực kinh tế trọng điểm Bắc Bộ về các yếu tố hấp dẫn FDI (hạ tầng, nhân lực, chính sách, chi phí...).

Bước 2: Xây dựng danh mục ngành, lĩnh vực và đối tác ưu tiên thu hút:

- Xác định danh mục ngành nghề ưu tiên: Dựa trên kết quả phân tích ở Bước 1, lựa chọn các ngành, lĩnh vực mà Hải Dương có lợi thế và phù hợp với định hướng phát triển bền vững (ví dụ: công nghiệp hỗ trợ công nghệ cao, sản xuất linh kiện điện tử, năng lượng sạch, logistics thông minh...).

- Lập danh sách các quốc gia/khu vực và các tập đoàn tiềm năng: Xác định các thị trường trọng điểm và các tập đoàn đa quốc gia lớn đang có kế hoạch mở rộng đầu tư ra nước ngoài, đặc biệt là các tập đoàn có công nghệ cao, thân thiện môi

trường và khả năng kết nối chuỗi giá trị.

- Phân loại đối tượng: Xác định rõ đối tượng nhà đầu tư cần ưu tiên (ví dụ: nhà đầu tư mới, nhà đầu tư hiện hữu muốn mở rộng dự án, nhà đầu tư từ các ngành nghề đặc biệt).

Bước 3: Xây dựng nội dung kế hoạch và các giải pháp chi tiết:

- Xác định mục tiêu cụ thể: Đặt ra các chỉ tiêu định lượng (số lượng dự án, tổng vốn đầu tư đăng ký, tỷ lệ dự án công nghệ cao/xanh...) và định tính (nâng cao chất lượng FDI, tăng kết nối chuỗi cung ứng...) cho từng giai đoạn (ngắn hạn, trung hạn).

- Xây dựng các chương trình xúc tiến đầu tư có trọng điểm:

- + Tổ chức các hội nghị, hội thảo chuyên đề về các ngành ưu tiên tại các thị trường mục tiêu.

- + Tổ chức các đoàn công tác xúc tiến đầu tư chuyên biệt (business trip) đến các quốc gia/khu vực và trực tiếp tiếp cận các tập đoàn đã được khoanh vùng.

- + Phát triển các công cụ xúc tiến đầu tư số (digital marketing, webinar, nền tảng thông tin trực tuyến chuyên sâu).

- Đề xuất các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư:

- + Cải cách thủ tục hành chính theo hướng tinh gọn, minh bạch, áp dụng công nghệ số.

- + Đầu tư hoàn thiện hạ tầng khu công nghiệp, hạ tầng kết nối giao thông, điện, nước, viễn thông.

- + Phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao thông qua liên kết với các trường đại học, dạy nghề, các chương trình đào tạo theo yêu cầu của doanh nghiệp FDI.

- + Xây dựng các chính sách ưu đãi riêng biệt, có chọn lọc cho các dự án công nghệ cao, R&D, thân thiện môi trường.

- Xây dựng cơ chế hỗ trợ và chăm sóc nhà đầu tư sau cấp phép:

- + Thiết lập bộ phận "một cửa" chuyên trách, chuyên nghiệp để hỗ trợ giải quyết vướng mắc cho nhà đầu tư.

- + Định kỳ tổ chức các buổi đối thoại, gặp gỡ giữa chính quyền và doanh nghiệp FDI.

- + Xây dựng cơ chế cảnh báo sớm và xử lý kịp thời các vấn đề phát sinh.

+ Dự báo và đánh giá rủi ro: Phân tích các rủi ro tiềm ẩn (kinh tế toàn cầu, chính sách, xã hội, môi trường...) và xây dựng phương án dự phòng.

Bước 4: Triển khai, giám sát và đánh giá định kỳ:

- Phân công trách nhiệm rõ ràng: Xác định cụ thể trách nhiệm của từng phòng, ban, cá nhân trong Sở Kế hoạch và Đầu tư và các sở ngành liên quan.

- Triển khai theo lộ trình: Thực hiện các hoạt động xúc tiến, cải thiện môi trường đầu tư theo kế hoạch đã định.

- Giám sát tiến độ và hiệu quả: Thiết lập hệ thống chỉ số KPI để theo dõi định kỳ (hàng quý, hàng năm) về số lượng dự án, vốn đầu tư, tỷ lệ lấp đầy, tác động kinh tế - xã hội.

- Điều chỉnh và tối ưu hóa: Dựa trên kết quả giám sát và đánh giá, kịp thời điều chỉnh kế hoạch và các giải pháp để phù hợp với tình hình thực tế và đạt hiệu quả cao nhất.

Để giải pháp này được thực hiện thành công, cần có các điều kiện cơ bản sau:

- Sự chỉ đạo quyết liệt và đồng bộ từ Lãnh đạo tỉnh: Đây là điều kiện tiên quyết để đảm bảo các sở, ban, ngành liên quan cùng vào cuộc, thống nhất trong nhận thức và hành động. Tỉnh ủy và UBND tỉnh cần ban hành các nghị quyết, kế hoạch hành động cụ thể, có tính ràng buộc.

- Nâng cao năng lực và nhận thức của đội ngũ cán bộ Sở Kế hoạch và Đầu tư:

+ Cần đầu tư vào công tác đào tạo, bồi dưỡng chuyên sâu cho cán bộ về nghiệp vụ, kiến thức quốc tế, kỹ năng giao tiếp và ngoại ngữ.

+ Xây dựng đội ngũ cán bộ chuyên trách, chuyên nghiệp, có khả năng làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả.

+ Thay đổi tư duy, từ quản lý hành chính sang hỗ trợ và phục vụ nhà đầu tư.

- Đầu tư thích đáng cho cơ sở vật chất và ứng dụng công nghệ thông tin:

+ Trang bị đầy đủ các công cụ, phần mềm quản lý dự án, hệ thống dữ liệu thông minh.

+ Xây dựng và duy trì các nền tảng số phục vụ công tác xúc tiến và hỗ trợ đầu tư.

+ Đảm bảo hạ tầng công nghệ thông tin ổn định, an toàn và bảo mật.

- Cơ chế phối hợp liên ngành hiệu quả:
 - + Ban hành quy chế phối hợp liên ngành rõ ràng, cụ thể, phân định rõ trách nhiệm và quyền hạn của từng sở, ban, ngành.
 - + Thường xuyên tổ chức các buổi họp, đối thoại giữa các sở, ngành để giải quyết kịp thời các vướng mắc, thủ tục cho nhà đầu tư.
 - + Hình thành cơ chế "một cửa, tại chỗ" hoặc "một đầu mối" thật sự hiệu quả để giảm thiểu thời gian và chi phí cho nhà đầu tư.
- Chính sách tài chính và ngân sách phù hợp:
 - + Đảm bảo nguồn kinh phí ổn định cho các hoạt động nghiên cứu, xúc tiến đầu tư, đào tạo nhân lực và cải thiện môi trường đầu tư.
 - + Ưu tiên ngân sách cho các dự án hạ tầng quan trọng phục vụ FDI.
- Công khai, minh bạch thông tin:
 - + Tất cả các thông tin về chính sách, quy hoạch, thủ tục, dự án kêu gọi đầu tư cần được công khai, minh bạch trên các kênh truyền thông chính thức của tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư.
 - + Tạo điều kiện thuận lợi để nhà đầu tư tiếp cận thông tin một cách dễ dàng và đầy đủ.
- Đánh giá và điều chỉnh linh hoạt:
 - + Thường xuyên tổ chức các cuộc khảo sát, phỏng vấn nhà đầu tư để nắm bắt các khó khăn, vướng mắc và các đề xuất cải thiện môi trường đầu tư.
 - + Sẵn sàng điều chỉnh kế hoạch và các giải pháp khi có sự thay đổi của môi trường kinh tế, chính sách, hoặc xu hướng đầu tư toàn cầu để đảm bảo tính thích ứng và hiệu quả cao nhất.

3.2.2. Giải pháp về tổ chức thực hiện thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương

Công tác tổ chức thực hiện thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đóng vai trò quyết định trong việc hiện thực hóa các mục tiêu và định hướng đã được đề ra trong kế hoạch thu hút FDI của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương. Tuy nhiên, trong bối cảnh cạnh tranh ngày càng gay gắt và yêu cầu ngày càng cao về chất lượng và hiệu quả thu hút FDI, mô hình tổ chức và quy trình thực hiện hiện

tại của Sở có thể bộc lộ những hạn chế sau:

- Thiếu tính chuyên nghiệp và mục tiêu: Các hoạt động xúc tiến đầu tư có thể chưa được thực hiện một cách chuyên nghiệp, thiếu sự chuẩn bị kỹ lưỡng và chưa nhắm đến các đối tượng nhà đầu tư tiềm năng một cách hiệu quả.

- Quy trình phối hợp chưa tối ưu: Sự phối hợp giữa các phòng, ban trong Sở và với các sở, ban, ngành liên quan trong quá trình thực hiện thu hút FDI có thể còn rườm rà, chậm trễ, gây ảnh hưởng đến hiệu quả chung.

- Thiếu sự chủ động và linh hoạt trong tiếp cận nhà đầu tư: Các phương thức tiếp cận nhà đầu tư có thể còn truyền thống, chưa tận dụng tối đa các kênh trực tuyến và các hình thức tương tác hiện đại.

- Hệ thống theo dõi và hỗ trợ nhà đầu tư chưa hiệu quả: Việc theo dõi quá trình tiếp cận, đàm phán và hỗ trợ nhà đầu tư sau cấp phép có thể chưa được thực hiện một cách hệ thống và kịp thời, bỏ lỡ cơ hội thu hút và giữ chân nhà đầu tư.

Do đó, việc kiện toàn mô hình tổ chức và quy trình thực hiện thu hút FDI chuyên nghiệp, mục tiêu và hướng đến nhà đầu tư là vô cùng cần thiết để Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương có thể:

- Nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả của các hoạt động xúc tiến đầu tư.

- Tối ưu hóa quy trình phối hợp giữa các bên liên quan, rút ngắn thời gian và nâng cao chất lượng phục vụ nhà đầu tư.

- Chủ động và linh hoạt hơn trong việc tiếp cận và xây dựng mối quan hệ với các nhà đầu tư tiềm năng.

- Tăng cường khả năng chuyển hóa các cơ hội đầu tư thành các dự án FDI thực tế.

- Nâng cao uy tín và hình ảnh của tỉnh Hải Dương trong mắt các nhà đầu tư quốc tế.

Giải pháp kiện toàn mô hình tổ chức và quy trình thực hiện thu hút FDI chuyên nghiệp, mục tiêu và hướng đến nhà đầu tư của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương sẽ được thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Rà soát và Đánh giá Mô hình Tổ chức và Quy trình Hiện Tại:

- Phân tích cơ cấu tổ chức: Đánh giá chức năng, nhiệm vụ và sự phối hợp

giữa các phòng, ban liên quan đến công tác thu hút FDI trong Sở.

- Phân tích quy trình thực hiện: Rà soát các bước trong quy trình xúc tiến, tiếp cận, đàm phán, thẩm định, cấp phép và hỗ trợ nhà đầu tư FDI.

- Thu thập ý kiến phản hồi: Lấy ý kiến của cán bộ trong Sở, các sở, ban, ngành liên quan và các nhà đầu tư đã và đang đầu tư tại tỉnh về những điểm mạnh, điểm yếu và các vấn đề cần cải thiện trong mô hình tổ chức và quy trình hiện tại.

Bước 2: Kiện toàn Mô hình Tổ chức Thu hút FDI:

- Thành lập bộ phận chuyên trách hoặc tăng cường năng lực cho bộ phận hiện có: Cân nhắc thành lập một bộ phận chuyên trách về xúc tiến và hỗ trợ đầu tư nước ngoài với đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn cao, am hiểu về luật pháp, kinh tế quốc tế, ngoại ngữ và kỹ năng giao tiếp. Hoặc, tăng cường đào tạo và phân công trách nhiệm cụ thể cho cán bộ hiện có.

- Phân công trách nhiệm rõ ràng: Xác định rõ vai trò, trách nhiệm và sự phối hợp của từng phòng, ban và cá nhân trong từng giai đoạn của quá trình thu hút FDI.

- Xây dựng mạng lưới cộng tác viên và chuyên gia: Thiết lập mạng lưới cộng tác viên là các chuyên gia trong các lĩnh vực kinh tế, luật pháp, đầu tư quốc tế để hỗ trợ công tác nghiên cứu, tư vấn và xúc tiến đầu tư.

Bước 3: Tối ưu hóa Quy trình Thực hiện Thu hút FDI:

- Xây dựng quy trình xúc tiến đầu tư chủ động và mục tiêu:

- + Xác định rõ các thị trường và đối tác tiềm năng dựa trên kế hoạch thu hút FDI chiến lược.

- + Xây dựng hồ sơ giới thiệu cơ hội đầu tư chuyên nghiệp, hấp dẫn và phù hợp với từng đối tượng nhà đầu tư.

- + Tăng cường sử dụng các kênh trực tuyến (website, mạng xã hội, hội thảo trực tuyến) và các hình thức tương tác hiện đại để tiếp cận nhà đầu tư.

- + Tổ chức các đoàn xúc tiến đầu tư có trọng tâm, tập trung vào các ngành và đối tác mục tiêu.

- Tối ưu hóa quy trình tiếp cận và đàm phán với nhà đầu tư:

- + Xây dựng quy trình tiếp đón và làm việc chuyên nghiệp với các đoàn nhà đầu tư đến thăm và tìm hiểu cơ hội đầu tư.

+ Chuẩn bị kỹ lưỡng các thông tin, tài liệu cần thiết và có khả năng giải đáp mọi thắc mắc của nhà đầu tư.

+ Xây dựng đội ngũ cán bộ có kỹ năng đàm phán tốt, có khả năng thuyết phục và xây dựng lòng tin với nhà đầu tư.

- Rút ngắn quy trình thẩm định và cấp phép đầu tư:

+ Rà soát và đơn giản hóa các thủ tục hành chính liên quan đến cấp phép đầu tư.

+ Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin để số hóa quy trình và giảm thời gian xử lý hồ sơ.

+ Thiết lập cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các sở, ban, ngành trong quá trình thẩm định để đảm bảo tính nhanh chóng và chính xác.

- Xây dựng hệ thống theo dõi và hỗ trợ nhà đầu tư sau cấp phép:

+ Thiết lập cơ sở dữ liệu nhà đầu tư và dự án FDI để theo dõi tiến độ triển khai.

+ Xây dựng cơ chế liên lạc thường xuyên và chủ động với nhà đầu tư để nắm bắt và giải quyết kịp thời các khó khăn, vướng mắc.

+ Cung cấp các dịch vụ hỗ trợ sau cấp phép (ví dụ: kết nối với các đối tác địa phương, hỗ trợ tuyển dụng lao động, tư vấn pháp lý).

Bước 4: Nâng cao Năng lực và Đạo đức Cán bộ:

- Tổ chức các khóa đào tạo và bồi dưỡng: Nâng cao kiến thức chuyên môn về đầu tư quốc tế, luật pháp, kinh tế, ngoại ngữ, kỹ năng giao tiếp và đàm phán cho đội ngũ cán bộ.

- Xây dựng văn hóa làm việc chuyên nghiệp và hướng đến nhà đầu tư: Khuyến khích tinh thần trách nhiệm, tận tâm, nhiệt tình và thái độ phục vụ tốt đối với nhà đầu tư.

- Tăng cường kiểm tra và giám sát: Đảm bảo tính minh bạch, công bằng và tuân thủ pháp luật trong quá trình thực hiện thu hút và quản lý FDI.

Để giải pháp này được triển khai thành công, cần đảm bảo các điều kiện sau:

- Quyết tâm và chỉ đạo thống nhất của Lãnh đạo Sở: Sự ủng hộ và chỉ đạo sát sao từ lãnh đạo Sở là yếu tố tiên quyết để tạo động lực và định hướng cho toàn bộ

quá trình thực hiện giải pháp.

- Nguồn nhân lực chất lượng và cam kết: Cần có đội ngũ cán bộ có trình độ chuyên môn, kỹ năng phù hợp và tinh thần trách nhiệm cao trong công tác thu hút FDI.

- Cơ chế phối hợp hiệu quả: Sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa các phòng, ban trong Sở và với các sở, ban, ngành liên quan là yếu tố then chốt để đảm bảo tính nhịp nhàng và hiệu quả của quy trình thực hiện.

- Nguồn lực tài chính đảm bảo: Cần có nguồn lực tài chính đủ để triển khai các hoạt động xúc tiến đầu tư, đào tạo cán bộ, xây dựng cơ sở dữ liệu và ứng dụng công nghệ thông tin.

- Ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin: Việc đầu tư và sử dụng các nền tảng công nghệ thông tin hiện đại sẽ giúp nâng cao hiệu quả quản lý thông tin, tương tác với nhà đầu tư và theo dõi tiến độ dự án.

- Thông tin thị trường đầy đủ và kịp thời: Khả năng tiếp cận và phân tích thông tin về xu hướng đầu tư, chính sách của các quốc gia và nhu cầu của nhà đầu tư là rất quan trọng để xây dựng các hoạt động xúc tiến phù hợp.

- Môi trường làm việc chuyên nghiệp và khuyến khích: Tạo môi trường làm việc năng động, sáng tạo, khuyến khích cán bộ nâng cao năng lực và đóng góp vào công tác thu hút FDI.

3.2.3. Giải pháp về kiểm soát thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương

Công tác kiểm soát thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) đóng vai trò then chốt trong việc đảm bảo nguồn vốn FDI được thu hút một cách hiệu quả, bền vững, phù hợp với định hướng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Hải Dương và tuân thủ các quy định của pháp luật. Trong bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, sự cạnh tranh thu hút FDI ngày càng gia tăng và tiềm ẩn những rủi ro kinh tế, xã hội và môi trường, hệ thống kiểm soát hiện tại của Sở Kế hoạch và Đầu tư có thể bộc lộ những hạn chế sau:

- Thiếu tính toàn diện và đa chiều: Hoạt động kiểm soát có thể tập trung chủ yếu vào giai đoạn thẩm định và cấp phép, chưa bao quát đầy đủ các khía cạnh khác như kiểm soát chất lượng dự án, tác động kinh tế - xã hội - môi trường, và việc thực

hiện cam kết của nhà đầu tư sau cấp phép.

- Thiếu cơ chế đánh giá rủi ro: Việc đánh giá và quản lý các rủi ro tiềm ẩn liên quan đến dự án FDI (rủi ro tài chính, công nghệ lạc hậu, ô nhiễm môi trường, chuyển giá...) có thể chưa được thực hiện một cách hệ thống và bài bản.

- Thiếu sự phối hợp chặt chẽ: Sự phối hợp giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư với các sở, ban, ngành liên quan trong công tác kiểm soát FDI có thể chưa đồng bộ và hiệu quả, dẫn đến những lỗ hổng trong quản lý.

- Thiếu công cụ và phương pháp kiểm soát hiện đại: Việc ứng dụng công nghệ thông tin và các phương pháp kiểm soát tiên tiến trong theo dõi, giám sát và đánh giá dự án FDI có thể còn hạn chế.

Do đó, việc xây dựng một hệ thống kiểm soát thu hút FDI toàn diện, đa chiều và dựa trên đánh giá rủi ro là vô cùng cần thiết để Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương có thể:

- Đảm bảo thu hút FDI phù hợp với quy hoạch, định hướng phát triển và lợi thế cạnh tranh của tỉnh.

- Nâng cao chất lượng và hiệu quả của các dự án FDI, tối đa hóa lợi ích kinh tế - xã hội và giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.

- Quản lý và giảm thiểu các rủi ro tiềm ẩn liên quan đến hoạt động FDI.

- Tăng cường tính minh bạch và trách nhiệm giải trình trong công tác thu hút và quản lý FDI.

- Nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trong việc kiểm soát FDI.

Giải pháp xây dựng hệ thống kiểm soát thu hút FDI toàn diện, đa chiều và dựa trên đánh giá rủi ro tại Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương sẽ được thực hiện theo các bước sau:

Bước 1: Xây dựng Khung Kiểm soát FDI Toàn diện:

- Xác định các mục tiêu kiểm soát: Thiết lập rõ ràng các mục tiêu kiểm soát trong từng giai đoạn của quá trình thu hút và quản lý FDI (từ xúc tiến, thẩm định, cấp phép đến triển khai và đánh giá).

- Xác định các đối tượng kiểm soát: Xác định rõ các đối tượng chịu sự kiểm

soát (nhà đầu tư, dự án, cán bộ quản lý).

- Xác định các nội dung kiểm soát: Xác định các khía cạnh cần kiểm soát trong từng giai đoạn, bao gồm:

- + Giai đoạn xúc tiến: Tính phù hợp của thông tin quảng bá, đối tượng tiếp cận.
- + Giai đoạn thẩm định: Tính pháp lý, năng lực tài chính, công nghệ, tác động kinh tế - xã hội - môi trường của dự án.
- + Giai đoạn cấp phép: Tuân thủ quy trình, điều kiện cấp phép.
- + Giai đoạn triển khai: Tiến độ thực hiện, tuân thủ cam kết, chấp hành pháp luật.
- + Giai đoạn đánh giá: Hiệu quả kinh tế, xã hội, môi trường thực tế so với mục tiêu.

Bước 2: Thiết lập Cơ chế Đánh giá Rủi ro FDI:

- Xây dựng quy trình nhận diện rủi ro: Thiết lập quy trình hệ thống để nhận diện các rủi ro tiềm ẩn liên quan đến dự án FDI (rủi ro tài chính, công nghệ, thị trường, pháp lý, môi trường, xã hội).

- Phân tích và đánh giá mức độ rủi ro: Sử dụng các công cụ và phương pháp phù hợp để phân tích khả năng xảy ra và mức độ tác động của từng loại rủi ro.

- Xây dựng biện pháp phòng ngừa và giảm thiểu rủi ro: Thiết lập các biện pháp cụ thể để phòng ngừa và giảm thiểu các rủi ro đã được xác định trong từng giai đoạn của quá trình FDI.

- Xây dựng kế hoạch ứng phó rủi ro: Chuẩn bị các phương án ứng phó khi các rủi ro xảy ra trên thực tế.

Bước 3: Tăng cường Phối hợp Liên ngành trong Kiểm soát FDI:

- Xây dựng quy chế phối hợp kiểm soát: Thiết lập quy chế phối hợp rõ ràng về trách nhiệm, quyền hạn và quy trình phối hợp giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư với các sở, ban, ngành liên quan (Sở Tài nguyên và Môi trường, Sở Khoa học và Công nghệ, Cục Thuế...).

- Thiết lập cơ chế trao đổi thông tin: Xây dựng kênh trao đổi thông tin thường xuyên và kịp thời về các vấn đề liên quan đến kiểm soát FDI.

- Tổ chức các cuộc họp liên ngành định kỳ: Tạo diễn đàn để các cơ quan liên quan cùng thảo luận và giải quyết các vấn đề phức tạp trong kiểm soát FDI.

- Xây dựng các đoàn kiểm tra liên ngành: Tổ chức các đoàn kiểm tra liên ngành để đảm bảo việc kiểm soát được thực hiện một cách toàn diện và hiệu quả.

Bước 4: Ứng dụng Công nghệ Thông tin và Phương pháp Kiểm soát Hiện đại:

- Xây dựng hệ thống thông tin quản lý và kiểm soát FDI: Triển khai phần mềm quản lý FDI tích hợp các chức năng theo dõi tiến độ dự án, đánh giá hiệu quả, cảnh báo rủi ro và lưu trữ thông tin.

- Áp dụng các công cụ phân tích dữ liệu: Sử dụng các công cụ phân tích dữ liệu để phát hiện các dấu hiệu bất thường, đánh giá xu hướng và dự báo rủi ro trong hoạt động FDI.

- Triển khai hệ thống cảnh báo sớm: Xây dựng hệ thống cảnh báo sớm các vấn đề tiềm ẩn liên quan đến dự án FDI dựa trên các chỉ số theo dõi và phân tích dữ liệu.

- Sử dụng các công cụ kiểm tra trực tuyến: Áp dụng các công cụ trực tuyến để theo dõi thông tin về nhà đầu tư và dự án.

Bước 5: Nâng cao Năng lực và Đạo đức Cán bộ Kiểm soát:

- Tổ chức các khóa đào tạo chuyên sâu: Nâng cao kiến thức về pháp luật đầu tư, kinh tế, tài chính, môi trường và các kỹ năng kiểm tra, giám sát cho đội ngũ cán bộ làm công tác kiểm soát FDI.

- Xây dựng quy trình kiểm soát nội bộ: Thiết lập quy trình kiểm soát nội bộ nghiêm ngặt để đảm bảo tính khách quan, minh bạch và hiệu quả của hoạt động kiểm soát.

- Tăng cường trách nhiệm giải trình: Xây dựng cơ chế trách nhiệm giải trình rõ ràng cho cán bộ trong quá trình thực hiện công tác kiểm soát.

- Đảm bảo tính độc lập và khách quan: Tạo môi trường làm việc đảm bảo tính độc lập và khách quan của cán bộ kiểm soát, tránh xung đột lợi ích.

Để giải pháp này được triển khai thành công, cần đảm bảo các điều kiện sau:

- Quyết tâm và chỉ đạo sát sao của Lãnh đạo Sở: Sự ủng hộ và chỉ đạo quyết liệt từ lãnh đạo Sở là yếu tố then chốt để đảm bảo nguồn lực và sự phối hợp cần thiết cho việc thực hiện giải pháp.

- Nguồn nhân lực có đủ năng lực và chuyên môn: Cần có đội ngũ cán bộ có kiến thức chuyên sâu về pháp luật, kinh tế, tài chính, môi trường và kỹ năng kiểm

tra, giám sát. Cần có kế hoạch đào tạo và bồi dưỡng nâng cao năng lực cho cán bộ.

- Cơ chế phối hợp hiệu quả: Sự phối hợp chặt chẽ và đồng bộ giữa các phòng, ban trong Sở và với các sở, ban, ngành liên quan là yếu tố then chốt để đảm bảo tính toàn diện và hiệu quả của công tác kiểm soát.

- Nguồn lực tài chính và cơ sở vật chất đảm bảo: Cần có nguồn lực tài chính đủ để đầu tư vào hệ thống công nghệ thông tin, đào tạo cán bộ và triển khai các hoạt động kiểm soát. Cơ sở vật chất (máy móc, phần mềm, hệ thống thông tin) cần được trang bị đầy đủ.

- Hệ thống thông tin đầy đủ và kịp thời: Sở cần có khả năng tiếp cận các nguồn thông tin đáng tin cậy về nhà đầu tư, dự án và các vấn đề liên quan đến rủi ro.

- Khung pháp lý hỗ trợ: Cần có sự hỗ trợ từ các quy định pháp luật rõ ràng và đồng bộ về kiểm soát hoạt động đầu tư nước ngoài.

- Văn hóa kiểm soát mạnh mẽ: Xây dựng văn hóa coi trọng công tác kiểm soát trong toàn bộ hoạt động thu hút và quản lý FDI của Sở.

3.2.4. Các giải pháp khác

3.2.4.1. Tăng cường xây dựng hệ sinh thái đầu tư hỗ trợ và kết nối doanh nghiệp FDI với doanh nghiệp trong nước

Việc thu hút FDI không chỉ dừng lại ở số lượng dự án và vốn đầu tư ban đầu mà còn cần chú trọng đến chất lượng, hiệu quả lan tỏa và khả năng tạo ra giá trị gia tăng cho nền kinh tế địa phương. Một hệ sinh thái đầu tư hỗ trợ mạnh mẽ và mạng lưới kết nối hiệu quả giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước sẽ mang lại nhiều lợi ích quan trọng:

- Tăng cường liên kết sản xuất: Tạo điều kiện cho doanh nghiệp trong nước tham gia vào chuỗi cung ứng của các tập đoàn đa quốc gia, nâng cao năng lực sản xuất và quản lý.

- Thúc đẩy chuyển giao công nghệ: Doanh nghiệp FDI có thể chia sẻ kinh nghiệm quản lý, công nghệ và kỹ năng cho doanh nghiệp địa phương thông qua hợp tác sản xuất, liên doanh, liên kết.

- Nâng cao giá trị gia tăng nội địa: Việc sử dụng nguyên liệu, linh kiện và dịch vụ từ các doanh nghiệp trong nước sẽ giúp tăng hàm lượng giá trị gia tăng tạo

ra trên địa bàn tỉnh.

- Tạo ra hiệu ứng lan tỏa kinh tế: Sự phát triển của các doanh nghiệp hỗ trợ sẽ tạo ra thêm việc làm, tăng thu nhập và đóng góp vào ngân sách địa phương.

- Tăng sức hấp dẫn của môi trường đầu tư: Một hệ sinh thái đầu tư hoàn thiện sẽ là yếu tố quan trọng thu hút các nhà đầu tư FDI chất lượng cao, có nhu cầu tìm kiếm các đối tác cung ứng địa phương.

Các bước thực hiện giải pháp

Bước 1: Đánh giá Thực trạng Hệ sinh thái Đầu tư và Liên kết Doanh nghiệp:

- Nghiên cứu và khảo sát: Thực hiện nghiên cứu, khảo sát về năng lực sản xuất, trình độ công nghệ, nhu cầu kết nối của các doanh nghiệp trong nước và các doanh nghiệp FDI đang hoạt động trên địa bàn tỉnh.

- Xác định các ngành công nghiệp ưu tiên: Dựa trên chiến lược phát triển kinh tế của tỉnh và tiềm năng hợp tác, xác định các ngành công nghiệp có lợi thế để phát triển chuỗi cung ứng và kết nối doanh nghiệp.

- Phân tích các rào cản: Xác định các rào cản đối với sự hợp tác giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước (ví dụ: khác biệt về tiêu chuẩn chất lượng, trình độ công nghệ, thông tin liên lạc).

Bước 2: Xây dựng Chương trình Phát triển Hệ sinh thái Đầu tư Hỗ trợ:

- Hỗ trợ nâng cao năng lực doanh nghiệp trong nước: Triển khai các chương trình đào tạo, tư vấn về quản lý chất lượng, tiêu chuẩn sản phẩm, công nghệ sản xuất và các kỹ năng cần thiết để đáp ứng yêu cầu của doanh nghiệp FDI.

- Phát triển các dịch vụ hỗ trợ đầu tư chuyên nghiệp: Khuyến khích và hỗ trợ sự phát triển của các tổ chức tư vấn, dịch vụ pháp lý, kế toán, kiểm toán, logistics có kinh nghiệm làm việc với doanh nghiệp FDI.

- Xây dựng cơ sở hạ tầng hỗ trợ: Đầu tư phát triển các khu công nghiệp, cụm công nghiệp chuyên sâu, có hạ tầng kỹ thuật đồng bộ và các dịch vụ hỗ trợ tốt.

Bước 3: Thiết lập và Vận hành Mạng lưới Kết nối Doanh nghiệp FDI - Nội địa:

- Tổ chức các sự kiện kết nối: Định kỳ tổ chức các hội thảo, diễn đàn, chương trình kết nối giao thương giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước.

- Xây dựng nền tảng thông tin trực tuyến: Phát triển một nền tảng trực tuyến

(website, cổng thông tin) cung cấp thông tin về năng lực của các doanh nghiệp trong nước, nhu cầu của doanh nghiệp FDI và tạo điều kiện cho các bên tìm kiếm đối tác.

- Hỗ trợ các hoạt động hợp tác cụ thể: Cung cấp hỗ trợ về thông tin, tư vấn pháp lý và các thủ tục liên quan đến hợp tác sản xuất, liên doanh, liên kết giữa các doanh nghiệp.

- Khuyến khích hình thành các hiệp hội ngành nghề: Hỗ trợ thành lập và phát triển các hiệp hội ngành nghề để tăng cường sự liên kết và hợp tác giữa các doanh nghiệp trong cùng lĩnh vực.

Bước 4: Xây dựng Cơ chế Khuyến khích và Hỗ trợ:

- Chính sách ưu đãi: Nghiên cứu và đề xuất các chính sách ưu đãi đặc biệt cho các dự án FDI có cam kết sử dụng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp địa phương hoặc có hoạt động chuyển giao công nghệ.

- Quỹ hỗ trợ phát triển liên kết: Xem xét thành lập quỹ hỗ trợ các hoạt động hợp tác, chuyển giao công nghệ giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước.

- Giải thưởng và tôn vinh: Tổ chức các giải thưởng để tôn vinh các doanh nghiệp FDI có đóng góp tích cực vào việc phát triển chuỗi cung ứng địa phương và chuyển giao công nghệ.

Điều kiện thực hiện giải pháp:

- Sự chỉ đạo và cam kết mạnh mẽ của Lãnh đạo tỉnh và Sở Kế hoạch và Đầu tư: Cần có sự quyết tâm cao và nguồn lực được ưu tiên để triển khai các hoạt động phát triển hệ sinh thái và kết nối doanh nghiệp.

- Sự tham gia tích cực của các sở, ban, ngành liên quan: Cần có sự phối hợp chặt chẽ giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư với Sở Công Thương, Sở Khoa học và Công nghệ, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội và các đơn vị khác.

- Sự hưởng ứng và tham gia chủ động của cộng đồng doanh nghiệp: Cần có sự hợp tác và chủ động từ cả doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước để các hoạt động kết nối đạt hiệu quả.

- Nguồn lực tài chính và nhân lực đảm bảo: Cần có nguồn lực tài chính để triển khai các chương trình hỗ trợ, tổ chức sự kiện và xây dựng nền tảng thông tin.

Đội ngũ cán bộ cần có kiến thức và kỹ năng về phát triển chuỗi cung ứng và kết nối doanh nghiệp.

- Thông tin thị trường và doanh nghiệp đầy đủ: Cần có hệ thống thu thập và phân tích thông tin về năng lực của doanh nghiệp trong nước và nhu cầu của doanh nghiệp FDI.

- Môi trường pháp lý thuận lợi: Cần có các quy định pháp lý rõ ràng và tạo điều kiện cho các hoạt động hợp tác và liên kết doanh nghiệp.

3.2.4.2. Triển khai Chiến lược Xúc tiến Đầu tư Chuyên sâu theo Ngành và Chuỗi Giá trị, Ưu tiên các Dự án Công nghệ Cao, Giá trị Gia tăng Lớn và Bền vững tại tỉnh Hải Dương

Phương pháp xúc tiến đầu tư dàn trải, tiếp cận chung chung có thể không còn phù hợp trong bối cảnh cạnh tranh hiện nay. Việc tập trung vào xúc tiến đầu tư theo ngành, theo chuỗi giá trị và có tính chọn lọc cao sẽ giúp tỉnh Hải Dương:

- Thu hút các dự án có chất lượng cao: Ưu tiên các dự án có công nghệ tiên tiến, tạo ra giá trị gia tăng lớn, có tiềm năng tham gia sâu vào chuỗi giá trị toàn cầu và đóng góp vào mục tiêu phát triển bền vững của tỉnh.

- Tối ưu hóa nguồn lực xúc tiến: Tập trung nguồn lực vào các ngành và đối tác tiềm năng nhất, mang lại hiệu quả cao nhất.

- Nâng cao vị thế cạnh tranh: Tạo dựng hình ảnh của Hải Dương là một điểm đến hấp dẫn cho các nhà đầu tư trong các ngành công nghiệp và dịch vụ có lợi thế.

- Tạo ra sự liên kết và cộng hưởng: Thu hút các dự án trong cùng chuỗi giá trị sẽ tạo ra sự liên kết giữa các doanh nghiệp, thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ và tăng cường hiệu quả kinh tế.

Các bước thực hiện giải pháp:

Bước 1: Xác định Ngành và Chuỗi Giá trị Ưu tiên:

- Phân tích tiềm năng và lợi thế: Dựa trên chiến lược phát triển kinh tế của tỉnh, đánh giá tiềm năng và lợi thế của từng ngành công nghiệp và dịch vụ (ví dụ: điện tử, ô tô, dệt may công nghệ cao, logistics, du lịch sinh thái).

- Nghiên cứu chuỗi giá trị toàn cầu: Xác định các chuỗi giá trị mà tỉnh có tiềm năng tham gia hoặc phát triển, từ đó xác định các khâu có thể thu hút đầu tư.

- Lựa chọn các ngành và chuỗi giá trị mục tiêu: Ưu tiên các ngành có hàm lượng công nghệ cao, giá trị gia tăng lớn, thân thiện với môi trường và phù hợp với nguồn lực của tỉnh.

Bước 2: Xây dựng Hồ sơ Xúc tiến Đầu tư Chuyên sâu theo Ngành:

- Phát triển tài liệu xúc tiến chuyên biệt: Xây dựng các tài liệu giới thiệu cơ hội đầu tư chi tiết cho từng ngành và chuỗi giá trị ưu tiên, làm nổi bật lợi thế cạnh tranh, chính sách hỗ trợ và tiềm năng phát triển.

- Xây dựng cơ sở dữ liệu nhà đầu tư mục tiêu: Nghiên cứu và xây dựng cơ sở dữ liệu các tập đoàn, công ty lớn trên thế giới hoạt động trong các ngành và chuỗi giá trị ưu tiên.

Bước 3: Triển khai Các Hoạt động Xúc tiến Đầu tư Mục tiêu:

- Tổ chức các sự kiện xúc tiến chuyên ngành: Tham gia hoặc tổ chức các hội chợ, triển lãm, diễn đàn đầu tư chuyên ngành trong và ngoài nước.

- Tiếp cận trực tiếp các nhà đầu tư tiềm năng: Tổ chức các buổi làm việc, gặp gỡ trực tiếp với các tập đoàn, công ty mục tiêu.

- Sử dụng các kênh truyền thông chuyên biệt: Quảng bá cơ hội đầu tư trên các tạp chí, trang web, mạng xã hội chuyên ngành.

- Hợp tác với các tổ chức xúc tiến đầu tư quốc tế: Phối hợp với các tổ chức xúc tiến đầu tư của các quốc gia và vùng lãnh thổ mục tiêu.

Bước 4: Xây dựng Cơ chế Hỗ trợ và Ưu đãi Đặc biệt:

- Chính sách ưu đãi riêng: Nghiên cứu và đề xuất các chính sách ưu đãi đầu tư đặc biệt cho các dự án thuộc các ngành và chuỗi giá trị ưu tiên, đặc biệt là các dự án công nghệ cao và có cam kết chuyển giao công nghệ.

- Gói hỗ trợ đầu tư toàn diện: Xây dựng các gói hỗ trợ đầu tư bao gồm các dịch vụ tư vấn, thủ tục hành chính, kết nối đối tác và hỗ trợ sau cấp phép.

- Cơ chế đối thoại thường xuyên: Thiết lập cơ chế đối thoại thường xuyên giữa chính quyền tỉnh và các nhà đầu tư chiến lược trong các ngành ưu tiên.

Điều kiện thực hiện giải pháp:

- Nghiên cứu thị trường chuyên sâu: Cần có năng lực nghiên cứu thị trường và phân tích ngành chuyên sâu để xác định các ngành và chuỗi giá trị ưu tiên.

- **Đội ngũ cán bộ chuyên nghiệp:** Cán bộ làm công tác xúc tiến cần có kiến thức chuyên môn về các ngành công nghiệp mục tiêu, kỹ năng giao tiếp và đàm phán quốc tế tốt.

- **Mạng lưới đối tác rộng rãi:** Xây dựng và duy trì mối quan hệ tốt với các tổ chức xúc tiến đầu tư, hiệp hội doanh nghiệp và các chuyên gia trong các ngành mục tiêu.

- **Tài liệu xúc tiến chất lượng cao:** Đầu tư xây dựng các tài liệu xúc tiến chuyên nghiệp, hấp dẫn và cung cấp thông tin giá trị cho nhà đầu tư.

- **Nguồn lực tài chính đảm bảo:** Cần có nguồn lực tài chính đủ để tham gia các sự kiện quốc tế, tổ chức các hoạt động xúc tiến mục tiêu và xây dựng tài liệu quảng bá.

- **Cơ chế phối hợp linh hoạt:** Đảm bảo sự phối hợp chặt chẽ giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư với các sở, ban, ngành liên quan trong việc xây dựng chính sách ưu đãi và hỗ trợ đầu tư.

3.3. Một số kiến nghị với Chính phủ

- Kiến nghị về cơ chế ưu đãi đầu tư định hướng theo ngành và giá trị gia tăng:

Chính phủ cần ban hành cơ chế ưu đãi đầu tư có tính chọn lọc cao, tập trung vào các ngành công nghiệp và dịch vụ có giá trị gia tăng lớn, hàm lượng công nghệ cao, thân thiện với môi trường và phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội bền vững của các địa phương như Hải Dương. Cơ chế này cần vượt ra khỏi các ưu đãi chung và hướng đến việc tạo lợi thế cạnh tranh thực sự cho các dự án chất lượng.

Việc áp dụng ưu đãi tràn lan có thể dẫn đến tình trạng cạnh tranh không lành mạnh giữa các địa phương và không khuyến khích được các dự án có đóng góp thực sự vào sự phát triển bền vững. Một cơ chế ưu đãi định hướng sẽ giúp Hải Dương tập trung thu hút các nhà đầu tư chiến lược, có tiềm năng tạo ra hiệu ứng lan tỏa công nghệ và liên kết chuỗi giá trị. Các ưu đãi có thể bao gồm:

- + **Thuế suất ưu đãi có điều kiện:** Áp dụng mức thuế suất ưu đãi đặc biệt và thời gian hưởng ưu đãi dài hơn đối với các dự án đáp ứng các tiêu chí về công nghệ, giá trị gia tăng, sử dụng lao động chất lượng cao và cam kết bảo vệ môi trường.

- + **Hỗ trợ chi phí nghiên cứu và phát triển (R&D):** Có chính sách hỗ trợ tài chính hoặc ưu đãi thuế cho các doanh nghiệp FDI đầu tư vào hoạt động R&D trên

địa bàn tỉnh, khuyến khích chuyển giao công nghệ và nâng cao năng lực đổi mới sáng tạo.

+ Ưu đãi về tiền thuê đất gắn với hiệu quả sử dụng: Thiết lập cơ chế ưu đãi tiền thuê đất linh hoạt, có thể giảm hoặc miễn tiền thuê trong giai đoạn đầu và điều chỉnh theo hiệu quả sử dụng đất và đóng góp vào ngân sách địa phương.

- Kiến nghị về Chính sách Phát triển Nguồn Nhân lực Chất lượng Cao Liên kết với Doanh nghiệp FDI

Để đáp ứng nhu cầu ngày càng cao về nguồn nhân lực chất lượng cho các dự án FDI, đặc biệt là trong các ngành công nghệ cao và kỹ thuật chuyên sâu, Chính phủ cần có chính sách mạnh mẽ hơn trong việc phát triển nguồn nhân lực và tạo sự liên kết chặt chẽ giữa các cơ sở đào tạo và doanh nghiệp FDI.

- Kiến nghị về Cơ chế Phát triển Hệ sinh thái Công nghiệp Hỗ trợ và Chuỗi Cung ứng Liên kết:

Sự liên kết giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước còn yếu, hạn chế khả năng hấp thụ công nghệ và nâng cao năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp địa phương. Chính phủ cần có các biện pháp thúc đẩy mối liên kết này:

+ Quỹ hỗ trợ phát triển công nghiệp hỗ trợ: Thành lập hoặc tăng cường nguồn lực cho các quỹ hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) trong nước nâng cao năng lực sản xuất, đáp ứng các tiêu chuẩn kỹ thuật và chất lượng của chuỗi cung ứng toàn cầu.

+ Chương trình xúc tiến kết nối doanh nghiệp: Tổ chức các chương trình, sự kiện kết nối giao thương giữa doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp trong nước, tạo cơ hội hợp tác kinh doanh.

+ Chính sách ưu đãi cho doanh nghiệp FDI sử dụng sản phẩm, dịch vụ trong nước: Xem xét các hình thức ưu đãi về thuế hoặc các chi phí khác cho các doanh nghiệp FDI có tỷ lệ sử dụng sản phẩm, dịch vụ của doanh nghiệp địa phương đạt một mức nhất định.

+ Hỗ trợ xây dựng các khu công nghiệp chuyên biệt cho công nghiệp hỗ trợ: Khuyến khích và hỗ trợ các địa phương xây dựng các KCN, CCN chuyên biệt dành cho các ngành công nghiệp hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi cho việc hình thành các

cụm liên kết ngành.

- Kiến nghị về hoàn thiện hạ tầng và dịch vụ hỗ trợ đầu tư chất lượng cao

- + Chính phủ cần tiếp tục đầu tư và hoàn thiện hệ thống hạ tầng kinh tế - xã hội, đặc biệt là hạ tầng giao thông kết nối vùng, hạ tầng năng lượng ổn định, hạ tầng viễn thông hiện đại và các dịch vụ hỗ trợ đầu tư chất lượng cao để đáp ứng yêu cầu ngày càng khắt khe của các nhà đầu tư FDI.

- + Đầu tư vào hạ tầng giao thông kết nối: Ưu tiên đầu tư các dự án giao thông trọng điểm kết nối Hải Dương với các trung tâm kinh tế lớn, các cảng biển và sân bay quốc tế, tạo điều kiện thuận lợi cho việc vận chuyển hàng hóa và đi lại của nhà đầu tư.

- + Đảm bảo nguồn cung năng lượng ổn định và giá cả cạnh tranh: Chính phủ cần có chính sách đảm bảo nguồn cung điện ổn định, có giá cả cạnh tranh và khuyến khích phát triển các nguồn năng lượng sạch, tái tạo.

- + Phát triển hạ tầng viễn thông và công nghệ thông tin: Đầu tư vào hạ tầng viễn thông và công nghệ thông tin hiện đại, đảm bảo kết nối internet tốc độ cao và ổn định.

- Kiến nghị về nâng cao hiệu quả xúc tiến đầu tư quốc gia và hỗ trợ địa phương:

- + Chính phủ cần có chiến lược xúc tiến đầu tư quốc gia thống nhất, đồng thời tăng cường hỗ trợ các địa phương trong việc triển khai các hoạt động xúc tiến đầu tư hiệu quả và chuyên nghiệp.

- + Xây dựng chiến lược xúc tiến đầu tư quốc gia: Xác định các thị trường và ngành mục tiêu ở cấp quốc gia, xây dựng các chương trình xúc tiến chung và tạo dựng hình ảnh quốc gia hấp dẫn trong mắt nhà đầu tư quốc tế.

- + Hỗ trợ địa phương xây dựng chiến lược xúc tiến riêng: Chính phủ cần hỗ trợ các địa phương xây dựng chiến lược xúc tiến đầu tư phù hợp với tiềm năng và lợi thế cạnh tranh của mình.

- + Tăng cường nguồn lực cho các hoạt động xúc tiến của địa phương: Bố trí nguồn lực tài chính và nhân lực để hỗ trợ các địa phương triển khai các hoạt động xúc tiến đầu tư cụ thể, như tổ chức hội nghị, hội thảo, tham gia các sự kiện quốc tế

KẾT LUẬN

Đề án “Quản lý thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương” đã hệ thống hóa cơ sở lý luận về FDI, phân tích thực trạng thu hút FDI của tỉnh Hải Dương trong thời gian qua, chỉ ra những thành tựu đáng ghi nhận song vẫn còn tồn tại những hạn chế nhất định. Dựa trên việc đánh giá bối cảnh hội nhập quốc tế sâu rộng, sự cạnh tranh thu hút FDI ngày càng gia tăng và tiềm năng, lợi thế của tỉnh, đề án đã đề xuất một hệ thống các giải pháp toàn diện và đồng bộ nhằm nâng cao hiệu quả thu hút FDI của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương trong giai đoạn tới.

Các giải pháp được đề xuất tập trung vào việc tạo dựng một môi trường đầu tư kinh doanh thực sự hấp dẫn và cạnh tranh, bao gồm việc nâng cao chất lượng môi trường đầu tư kinh doanh cấp tỉnh thông qua cải cách thủ tục hành chính, đảm bảo tính minh bạch và tăng cường đối thoại với doanh nghiệp. Bên cạnh đó, đề án đặc biệt nhấn mạnh vai trò then chốt của việc phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao, đáp ứng sát nhu cầu của các nhà đầu tư FDI, thông qua sự liên kết chặt chẽ giữa các cơ sở đào tạo và doanh nghiệp.

Một yếu tố quan trọng khác được đề án đề xuất là việc xây dựng và phát triển hệ sinh thái công nghiệp hỗ trợ mạnh mẽ, tạo ra sự kết nối hiệu quả giữa các doanh nghiệp FDI và doanh nghiệp địa phương, nhằm nâng cao giá trị gia tăng nội địa và thúc đẩy quá trình chuyển giao công nghệ. Đồng thời, đề án kiến nghị Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cần chuyển đổi phương thức xúc tiến đầu tư theo hướng chọn lọc, có mục tiêu và chuyên sâu theo ngành, tập trung vào các lĩnh vực có tiềm năng và phù hợp với lợi thế cạnh tranh của tỉnh.

Để đảm bảo sự bền vững trong thu hút FDI, đề án cũng đề xuất các giải pháp về phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội đồng bộ, hiện đại và nâng cao chất lượng các dịch vụ hỗ trợ đầu tư. Cuối cùng, việc xây dựng một cơ chế giám sát và đánh giá hiệu quả thu hút FDI toàn diện, dựa trên các chỉ số cụ thể về kinh tế, xã hội và môi trường, được xem là công cụ quan trọng để theo dõi, điều chỉnh và tối ưu hóa công tác này.

Các giải pháp được đề xuất trong đề án mang tính hệ thống, bao trùm nhiều khía cạnh quan trọng của công tác thu hút FDI và có tính khả thi trong điều kiện thực tế của tỉnh Hải Dương. Việc triển khai đồng bộ các giải pháp này, với sự quyết tâm và phối hợp chặt chẽ giữa Sở Kế hoạch và Đầu tư, các sở ban ngành liên quan và UBND tỉnh, được kỳ vọng sẽ tạo ra những chuyển biến tích cực, nâng cao năng lực cạnh tranh và sức hấp dẫn của tỉnh Hải Dương trong mắt các nhà đầu tư quốc tế.

Tuy nhiên, đề án cũng nhận thức được rằng quá trình thu hút FDI là một quá trình năng động, chịu tác động của nhiều yếu tố khách quan và chủ quan. Do đó, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương cần tiếp tục theo dõi sát sao tình hình kinh tế thế giới và khu vực, cập nhật các xu hướng đầu tư mới, lắng nghe ý kiến của cộng đồng doanh nghiệp và linh hoạt điều chỉnh các giải pháp để đảm bảo mục tiêu thu hút FDI chất lượng cao, góp phần vào sự phát triển kinh tế - xã hội bền vững của tỉnh trong bối cảnh hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng.

Nghiên cứu này có thể là một tài liệu tham khảo hữu ích cho Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương trong việc xây dựng chiến lược và triển khai các hoạt động thu hút FDI hiệu quả hơn trong tương lai. Đồng thời, đề án cũng mở ra những hướng nghiên cứu tiếp theo về các yếu tố cụ thể ảnh hưởng đến quyết định đầu tư của nhà đầu tư nước ngoài tại Hải Dương và các giải pháp chuyên sâu hơn cho từng ngành, lĩnh vực cụ thể.

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Báo cáo về tình hình thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 dự kiến năm 2024, năm 2022 dự kiến năm 2024, năm 2023 và dự kiến năm 2024 của UBND tỉnh Hải Dương.
2. Chính phủ (2016), Nghị định số 118/2016/NĐ - CP ngày 22/9/2016 của Chính phủ ban hành Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đầu tư.
3. Chính phủ (2020), Dự thảo báo cáo tổng kết thực hiện chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2011-2020, xây dựng chiến lược phát triển kinh tế - xã hội 10 năm 2021- 2030, Ban Chấp hành Trung ương Khoá XII ngày ngày 15 tháng 10 năm 2020.
4. Chính phủ (2020), Về ban hành chương trình cắt giảm, đơn giản hóa quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh giai đoạn 2020 - 2025, Nghị quyết số 68/NQ-CP ban hành ngày 12/05/2020.
5. Chính phủ (2021), Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính, Quyết định 468/QĐ-TTg ban hành ngày 27/3/2021.
6. Chính phủ (2019-2022), Về những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia.
7. Cục thống kê tỉnh Hải Dương Niên giám các năm 2021, 2022, 2023
8. HĐND tỉnh Hải Dương (2020), Nghị quyết số 09/2020/NQ-HĐND ngày 24/12/2020 của HĐND tỉnh Hải Dương về kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 5 năm 2021 - 2025.
9. Ngô Thăng Lợi (2012), *Giáo trình kinh tế phát triển*, Nxb Đại học KTQD, Hà Nội.
10. Vũ Chí Lộc (2012), *Giáo trình đầu tư quốc tế*, Nxb Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
11. Lê Duy Mạnh (2021), *Chính sách thu hút vốn đầu tư vào các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Nghệ An*, Luận văn thạc sỹ, Trường Đại học Thương mại,

Hà Nội.

12. Julet Nie (2022), *Thu hút vốn đầu tư vào khu công nghiệp Hòa Phú tỉnh Đắk Lắk*, Luận văn thạc sĩ, Học viện Hành chính quốc gia, Hà Nội.

13. Nguyễn Bạch Nguyệt (2015), *Giáo trình kinh tế đầu tư*, Nxb Đại học KTQD, Hà Nội

14. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2020), Luật Đầu tư, Luật số 61/2020/QH14 ban hành ngày 17 tháng 06 năm 2020.

15. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2020), Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật số 64/2020/QH14 ban hành ngày 18 tháng 6 năm 2020.

16. Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2020), Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp, Luật số 14/VBHN-VPQH ban hành ngày 15 tháng 07 năm 2020.

17. Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hải Dương Báo cáo các năm 2021, 2022, 2023

18. Phạm Đức Tài (2023), *Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào Việt Nam trong điều kiện thực hiện các hiệp định thương mại tự do thế hệ mới*, Luận văn thạc sĩ, Học viện Tài chính, Hà Nội.

19. Thủ tướng Chính phủ (2020), Quyết định số 850/QĐ-TTg ngày 17/06/2020 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định về thành lập tổ công tác thúc đẩy hợp tác đầu tư nước ngoài.

20. Trần Minh Thuận (2022), *Đánh giá tình hình thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các khu công nghiệp tại Bình Dương giai đoạn 2010 - 2020*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Thủ Dầu một, Bình Dương.

21. Nguyễn Văn Toàn (2015), *Giáo trình Quản trị dự án đầu tư*, Nxb Đại học Huế, Huế.

22. Nguyễn Đình Tùng (2022), *Thực trạng và giải pháp tăng cường thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài vào các khu công nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh*, Luận văn thạc sĩ, Trường Đại học Ngoại Thương, Hà Nội.

23. Ngân Hà Thương (2020), *Thu hút vốn đầu tư vào khu công nghiệp Thanh*

Bình, huyện Chợ Mới, tỉnh Bắc Cạn, Luận văn thạc sĩ, Đại học Thái Nguyên, Thái Nguyên.

24. UBND tỉnh Hải Dương (2018), Quyết định số 3130/QĐ-UBND phê duyệt “Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp tỉnh Hải Dương đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”